nghệ thuật

P 95
6N 567+

TUAN BAO VAN
HOC NGHE THUAT
RA NGAY THU BA

bài thứ tư trong loạt bài viết về 10 tác giả Việt Nam

Vol.2 21-27 May 1966

32

TẠ TỴ : VŨ HOÃNG CHƯƠNG

TIẾNG THỞ DÃI CỦA PHƯƠNG ĐÔNG TRẦM MẶC

Mở những cửa ngõ đúng hướng vào những miền sinh hoạt phồn thịnh nhất của văn học nghệ thuật hiện đại. Giới thiệu những tác phẩm tiêu biểu của các tác giả lớn. Những tìm hiểu mới lạ về tâm hồn và đất nước người. Liên hệ giữa nghệ thuật thế giới và nghệ thuật Việt Nam.

Kể từ Thứ Năm 26-5-1966

Hãng phim M.G.M hân hạnh trình bày tại ba rạp lớn có máy lạnh

REX □ **ĐẠI NAM** □ **PALACE**

NGŨ HỔ MIỀN TÂY

(Les Hors-la-loi de Casa Grande)

— Một xuất phẩm vĩ đại làm sống lại một giai đoạn khốc liệt nhất của lịch sử miền Viễn Tây Mỹ Quốc vào cuối thế kỷ trước.

— *Một SUPER WESTERN dựng lại cuộc sống tung hoành của năm tay súng nhẫn số nhất ở miền biên thùy Mễ tây Cơ và Hiệp Chủng Quốc.*

— Một vụ cướp bò lớn nhất lịch sử Mỹ : 15.000 con do 150 tay súng áp giải qua sông Rio Grande !

— *Những pha đấu súng kinh hồn trong đó phần thắng lợi chỉ về phía những kẻ bắn nhanh, bắn trúng.*

□

Cinémascope

NÓI TIẾNG PHÁP

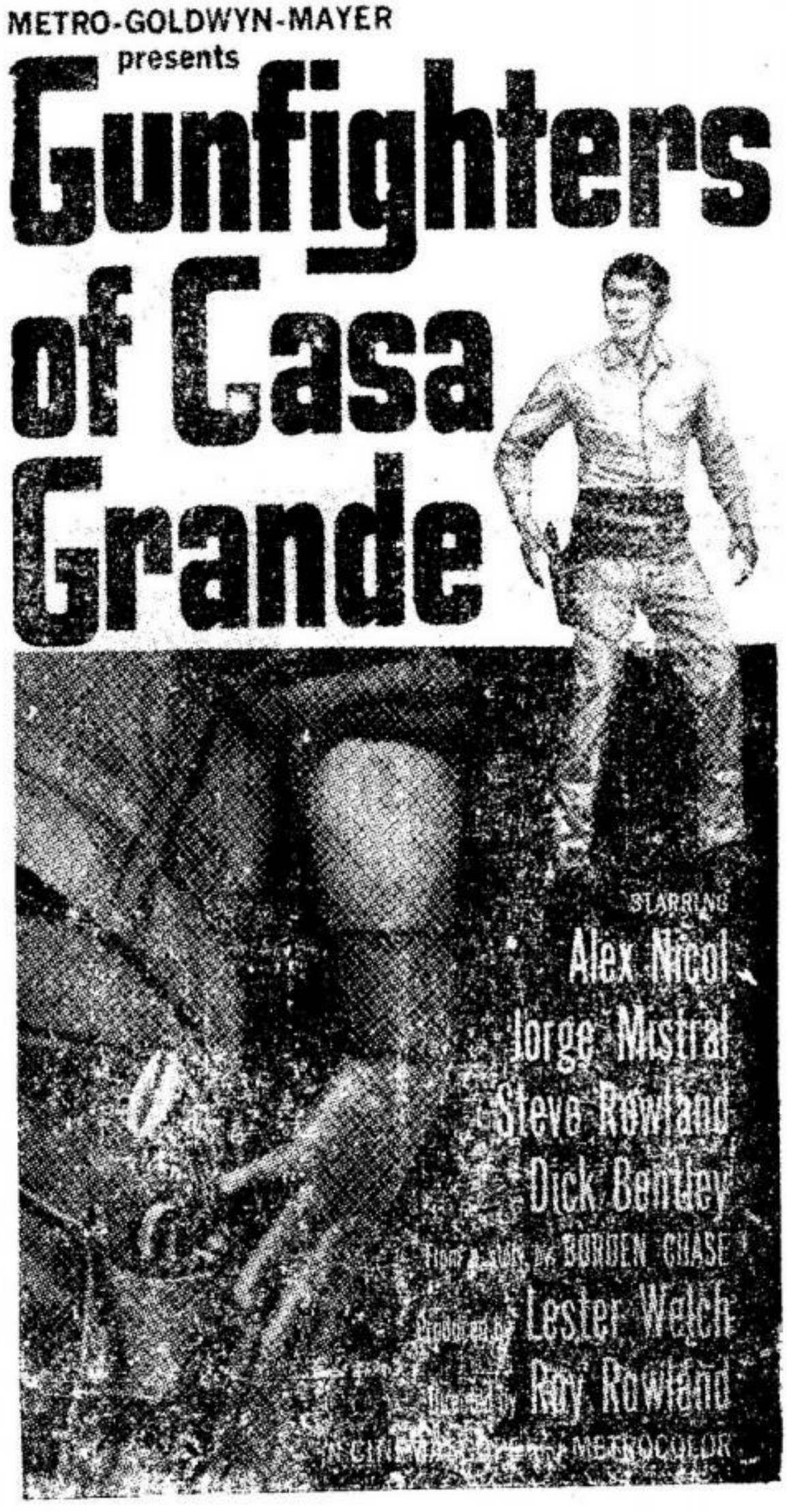

— NGŨ HỔ MIỀN TÂY : một phim hoạt động sôi nổi suốt từ đầu tới cuối với những trận tranh tài khốc liệt theo quy luật của dòng có tàn nhẫn !

— *NGŨ HỔ MIỀN TÂY : một sản phẩm mà các bạn vốn thích thú loại phim western sôi động đều không thể bỏ qua.*

● Với sự đua tài của các ngôi sao western sáng chói :

ALEX NICOL
JORGE MISTRAL
STEVE ROWLAND
DICK BENTLEY
MERCEDES ALONSO
DIANA LORYS
MARIA GRANADA

□

Màu Metrocolor

P.D. VIỆT-HÓA-NGỮ

nghệ thuật

1

VẤN ĐỀ – NHẬN ĐỊNH

ALI ERT CAMUS
Phản kháng và
Bút pháp
ĐINH THÀNH LAM
dịch L'Homme
Révolté

2

SÁNG TÁC
DỊCH THUẬT

SƠ DẠ HƯƠNG
Khu Rừng
Trong Đêm
NGUYỄN ĐỨC NAM
Chuyến xe lời
buổi tối-đường
về-những nếp sống

BAI THU TU TRONG LOATBAIVIETVE MUOI TAC GIA VIET NAM : VUHOANG CHUONG. TIENG THO DAI CUA PHUONG ĐONG TRAM MAC: TA TY

ROBERT PINGET
HOÀNG NGỌC BIÊN
Bà gác dan
thông thái

3

TRUYỆN DÀI

SƠN NAM
Vạch một chân trời

4

MỤC THƯỜNG XUYÊN

XÍCH CHƯƠNG
Thời sự Nghệ thuật

HỒ TÙNG NGHIỆP
Đi xem phim
5000 dollars mort
ou vif

tranh bìa kỳ này : họa phẩm Chân Dung Thiếu Nữ của họa sĩ Cù Nguyễn

Mục cuộc đời các nhà văn Hoàng viễn Ngư viết về Lê văn Siêu

SCOTT FIZTGERALD
HƯƠNG LÂM
Giáng phúc (3)

THANH TÂM TUYỀN
Dấu mặt
MAI THẢO
Viên đạn đồng chữ nổi

BỐN BÀI THƠ CỦA NHÃ CA □ TRẦN TUẤN KIỆT □ LAURENCE DUNBAR □ VIÊN LINH

HOÀNG CẦM
Bên kia sông Đuống

CHỦ NHIỆM, CHỦ BÚT : MAI THẢO — TUẦN BÁO VĂN HỌC NGHỆ THUẬT RA NGÀY THỨ BẢY — THƯ KÝ TÒA SOẠN : VIÊN LINH

Tòa Soạn và trị sự 233 Phạm ngũ Lão Sàigòn Điện Thoại 25 861 — Năm thứ hai. — tuần lễ từ 21 5 tới 27-5-1966 số 32

vài ghi nhận sau khi xem vở kịch LE MALADE IMAGINAIRE

do SINH VIÊN NGÀNH KỊCH NÓI TRƯỜNG Q.G.Â.N.K.N. trình diễn

Có thể nói LE MALADE IMAGINAIRE là tác phẩm cuối cùng đánh dấu sự ra đi vĩnh viễn của Molière (1622 — 1673) một ông vua khôi hài, châm biếm và cay chua đã từng đóng góp vào sự xây dựng xã hội Pháp bằng chính những suy tư cay cú của mình cách đây gần 3 thế kỷ. Sở trường của Molière là tìm mọi cách tấn công những tâm hồn trống vắng, nhạt nhẽo, rởm, ngụy trang để rồi tự nó trí năng sẽ được gọi dậy phán xét, tự tu, tự phản : LE MALADE IMAGINAIRE cũng như hầu hết những tác phẩm đã xuất bản của Molière về trước : Les femmes Savantes, La Comtesse d'Escarbagnas, Le Bourgeois gentilhomme, Le Tartuffe, Monsieur de pource-augnac, Don Juan, L'amour médecin cho đến L'École des maris, L'Écoles des femmes, Les Précieuses ridicules v,v.. đều chứng tỏ điều ấy.

Le Malade Imaginaire được viết từ năm 1673, nghĩa là cách đây thiếu 7 thì đầy 300 năm chẵn. Vở kịch nói lên tâm trạng dằn vặt của người mang bệnh tưởng với sự đồng lõa của một xã hội chậm tiến, (Pháp thời bấy giờ) khiến người mang bệnh tưởng (lão Argan) cứ ám ảnh về bệnh hoạn để rồi những việc ngông ngenh, lẩm cẩm liên tiếp xảy ra trong gia đình lão, điều may là trong cái gia đình, một cha (ông Argan người mắc bệnh tưởng) một mẹ ghẻ (bà Béline vợ ông Argan) một con chồng Angélique, mà mỗi người là một thái cực cả, còn có đứa tớ gái Toinette) thông minh nhiều mưu mẹo và cũng chính nhờ nó mà đầu dây mối nhợ được hạnh phúc. Phần nhiều kịch phẩm của Molière đã được trình diễn trên sân khấu hoặc được phóng tác thành phim và trong số này có những phim vừa mới được chiếu ở màn ảnh Saigon. (L'école des maris, L'amour médecin...)

Le Malade Imaginaire do Hoàng trọng Miên phóng tác với cái tựa V. N là « Bệnh tưởng». Vở kịch được chia ra làm ba hồi 27 lớp và khán giả dù khó tính đến mấy cũng khó có thể nín cười (nụ cười đã mở hết khẩu độ hay chưa còn tùy thuộc vào trình độ của người thưởng ngoạn) mà sự xuất hiện lần lượt của 12 nhân vật trên sân khấu, mỗi lúc như mang đến cho khán giả một niềm vui mới. Ở đây khán giả sẽ bắt gặp những mẫu sống tượng ngôn, tượng hình không xa lạ với những chuyện xảy ra hằng ngày ở chung quanh họ (khán giả V.N ở hậu bán thế kỷ 20 này)

Bệnh Tưởng lên sân khấu vào một đêm mưa của Sàigòn, do ban kịch sinh lớp dự bị thuộc trường Q G Â N K N trình diễn. Nếu những cơn mưa đầu mùa bất thần trút xuống một thành phố nhiệt đới, đủ để các thiếu nữ ở đây quàng thêm chiếc áo lạnh, thì hai kịch bệnh tưởng như một cái nồi súp de cần phải mở nút để không khí đỏ máu đỏ lửa ở đây bớt ngột ngạt. Đến đây tôi lại nhớ đến lần tiếp xúc rất ngắn với giáo sư Vũ khắc Khoan ở hành lang trường Q G Â N. Anh Vũ khắc Khoan vốn là người thiết tha với ngành kịch nghệ, hôm ấy đã vô vào vai tôi bảo rằng : «Lúc nầy phải đưa lên sân khấu những vở kịch hài hước nhiều hơn là cứ lẩn quẩn quanh mấy cái bi hài kịch, chỉ gây thêm mệt mỏi cho thiên hạ». Tuy nhiên, phải nói ngay rằng thành công trong một vở kịch khôi hài còn khó hơn là bi hài kịch gấp mấy lần, diễn viên đảm nhận một vai trò chọc cười khán giả (nhất là nụ cười ấy của Molière hoặc của Charles Chaplin) thì thật khó mà hoàn thành vai trò mình theo ý muốn.

Vì vậy nếu sơ hở một chút vai trò sẽ trở thành lố bịch, kỳ cục,, nếu không nói là làm chướng mắt người xem. Chính sự kiện này làm chúng tôi lấy làm lạ và không hiểu tại sao anh em kịch sinh lớp dự bị trường Q. G. Â. N. K. N. lại chọn quãng đường chông gai để đi trước ? Phải chăng anh em muốn dò dẫm để bước những bước vững vàng về sau nầy. Hay quí vị giáo sư ngành kịch nói ở đây muốn dựng vở Le malade Imaginaire thay thế kỳ thi thực tập cho các kịch sinh? Cái cười của các anh hề cải lương, đại nhạc hội như Tư Vững, Ba Hội, Hề Minh hoặc Tùng Lâm Xuân Phát, Thanh Việt chỉ đến một mức độ nào đó thôi, một thời kỳ nào đó thôi rồi tự nó sẽ sượng sùng, chìm vào lãng quên...!

Nói như vậy không phải chúng tôi phủ nhận sự thành công của các bạn trong vở Le Malade Imaginaire. Nhất là vở kịch ấy được sửa soạn khá chu đáo ; thời gian luyện tập, cũng như y phục trang trí. Hầu hết các bạn đều tỏ ra hết sức cố gắng để lột tả được vai trò của mình đảm nhận, mà trong ấy phải kể đến cô Hồng Nhật trong vai Toinette đứa tớ gái, cùng một lúc phải đảm nhận hai vai trò ở hai thứ bậc khác nhau. Toinette phải được xem như một nhân vật trọng tâm của Imaginaire, hầu như đứa tớ gái ấy phải xuất hiện từ đầu đến cuối. Vai trò nầy thật khó đóng, bởi những đối thoại lúc thì chênh mảng, lúc thì rợt ngào, là lơi, lúc thì thô bạo vào thủ đoạn, vì

Barbara Stracke, W. M. Mallay

và Malcolm Hall trình diễn dân ca

Trong Nghệ Thuật kỳ trước, chúng tôi đã nói về Ban Tam Ca Mỹ MSH trình diễn tại Saigon. Hình trên là một màn trình diễn của MSH

vậy nên không những Hồng Ngọc mà bất cứ một kịch sĩ nhà nghề lão luyện nào cũng đều thấy thật khó khăn mà thành công được. Đinh Đông trong vai Argan người mắc bệnh tưởng tương đối đã làm thỏa mản người xem nhờ ở diễn xuất nhiều hơn là ở đối thoại anh Lê văn Hiếu trong vai Diafoirus ông thầy thuốc đã làm sống lại hình ảnh một lý toét thời «Nam Phong tạp chí» với giọng nói rõ ràng với dáng điệu đẹp và hóa trang khéo. Trọng Bạch trong vai cậu Thomas, bào chế sư cũng là con trai Diafoirus đã lấy được những tràng vỗ tay nồng nhiệt của khán giả, nhưng chúng tôi nghĩ rằng đó cũng là những tràng pháo tay dành cho những câu đối thoại lý thú của kịch bản.

Ly-ba thủ vai Purgon y sĩ, đẹp trong cái quạt giấy gấp lại khi tấn công bệnh nhân của mình, sự thành công của Ly-Ba nếu có thì cũng ở vào trường hợp tương tự như Trọng Bạch. Vũ Hùng chưa thuần trong vai Vléanto người yêu cô Angélique (con gái người mắc bệnh tưởng) và Angélique do Kim Dung thủ diễn cũng không lột tả được tinh thần của kịch bản, ngoại trừ lúc có dịp đối thoại khá đanh đá, chua ngoa với bà dì ghẻ. Hoàng Loan trong bà dì ghẻ ấy thì ngoại trừ cái khuôn mặt rất «dì ghẻ» vẫn không đem lại một sáng sủa nào. Các vai phụ khác ngoại trừ Tuấn Phong, còn thì như chìm bẳn xuống.

TRÌNH DIỄN HÁT BỘI TẠI HỘI VIỆT MỸ

Hội Việt Mỹ sẽ tổ chức một đêm trình diễn hát bội tại giảng đường của Hội vào tối 21 tháng 5 năm 1966.

Tuồng chính buổi trình diễn là tuồng «Thần nữ dâng Ngũ Linh kỳ» có phần giới thiệu và phụ giảng bằng Anh ngữ.

Các chương trình hát bội từ trước tới nay tại Hội Việt Mỹ đều thường thu hút một số đông khán giả, vừa đến xem vừa chụp hình các màn trình diễn, nhất là những điệu bộ độc đáo cùng y phục cổ kính sặc sở của các tài tử Hát Bội.

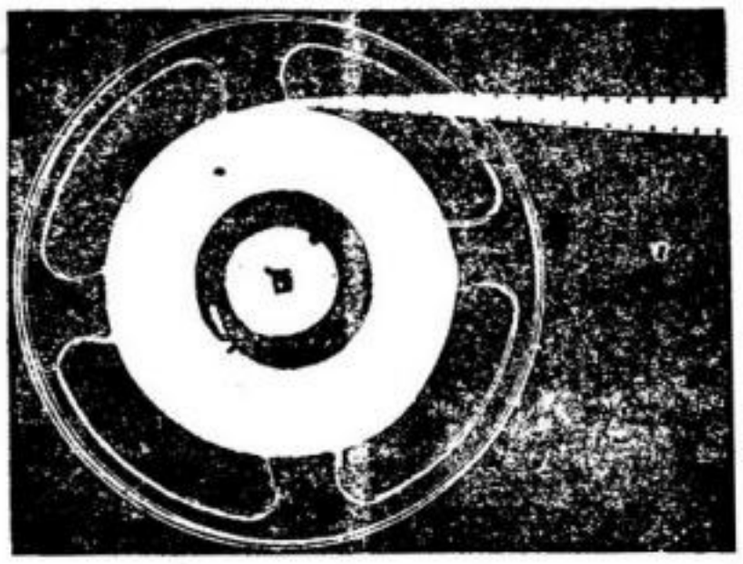

NGHỆ THUẬT XEM PHIM

5000 dollars mort ou vif

Sản phẩm của Universol-films. Phim màu, màn ảnh thường, nói tiếng Pháp, phụ đề Việt Ngữ. Đạo diễn : *Springsteen.* Diễn viên : *Tony Young — Dan Duryea — Elsa Cardenas — Dick Foran — Jean Hale —* Cốt chuyện : *Louis L'amour.*

GIA đình Kent Taggart (Tony Young) được dành một vùng đất phì nhiêu tại Far-West mênh mông để nuôi súc vật.— Họ về đây sanh sống yên lành với bao nhiêu gia súc. Bỗng nhiên, một ngày nọ, một đoàn người cỡi ngựa, cầm đầu là Ben Blazer (Emi Meyer) và con trai của hắn là Rusty Bob (Peter Duryea) đột nhập trại, bắn phá tứ tung làm gia đình Taggart chết hết, trừ chàng. Tuy nhiên Blazer trọng thương còn con trai y là Rusty Bob tử nạn do tay Kent Taggart.

Blazer quá đỗi căm thù bèn mướn 3 tay sát nhân khét tiếng là Vince August (Tom Reese) Carl Dodge (David Carradine) và Jay Jason (Dan Duryea) với giá 5.000 đôla, giết cho kỳ được Kent. Tuy bị thương tích, Kent vẫn cố gắng đề phòng và trong một cuộc đụng độ đầu tiên, chàng bắn ngã Dodge, gây thương tích trầm trọng cho August. Jason dìu August đuổi theo Kent, nhưng vì vết thương của August làm cản trở bước tiến của hai người nên Jason đành phải kết liễu đời August. Còn một mình, Jason cố rượt theo Kent. Kent chạy lạc vào một trại của ông Stark (Dick Foran) có bà vợ trẻ đẹp là Consuelo (Elsa Cardenas) và cô con gái Marian (Jean Hale). Stark đầu tiên nghi ngờ Kent, nhưng sau đó, vì thấy lòng thành thật của chàng nên trọng dụng và che chở. Stark tiết lộ bí mật cho Kent biết rằng sở dĩ Stark lưu lại đây là để hoàn tất công việc lấy vàng. Hiện Stark muốn rời khỏi nơi này, song vì bọn Da Đỏ theo dõi ráo riết quá nên ông chưa lên đường được. Kent nhận giúp một tay cho Stark. Đang đêm, Consuelo mò đến căn lều của Kent và nói cho Kent biết bà vì số vàng mà theo Stark, sự thật bà không yêu gì Stark cả. Bà bảo Kent trốn đi với bà cùng một số vàng. Kent từ chối Jason bất ngờ bị bọn Da Đỏ tìm bắt, trốn chạy vào nhà Stark và nói cho Stark hay là Kent, một tên bất trị, hiện chánh quyền đang tìm bắt.. Stark không tin, bắt nhốt Jason vào một phòng kín. Consuelo lại lén vào được trong phòng Jacon, cùng Jason âm mưu trốn đi. Bọn Da Đỏ đến bao vây trại của Stark, ông cùng con gái và Kent đánh được, nhưng Stark lại mang thương tích rất nặng. Khi hay rằng vợ mình đã cùng Jason trốn đi, Stark định đuổi theo. Jason cùng Consuelo gặp một đoàn xe nhà binh, đưa hai người đến một đồn binh gần đó, đoàn xe này lại bất thần bị bọn Da Đỏ đến tấn công và Consuelo bị tử nạn. Trong lúc đoàn xe bị tấn công, Jason nhanh chân mang túi vàng thoát thân, chạy tìm đến đồn binh, bọn Da Đỏ theo dõi Jason, đến đánh đồn binh. Khi Stark, Marian và Kent đến được đồn binh thì đã thấy mặt Jason tại đó. Uất hận, Stark quyết hạ Jason song vì Jason lanh tay hơn, gây cho Stark thêm thương tích trầm trọng. Kent nghe tiếng Maria kêu la cầu cứu, liền bay đến bắn ngã Jason trong khi tiếng còi giục giã của một đoàn quân tiến đến giải cứu đồn binh đang vang dội một góc trời.

• Trừ Dan Duryea và Tony Young, là còn có chút tên tuổi hầu hết các tài tử trong *5000 dollars mort ou vif* đều là vô danh. Tony Young lại là một jeune premier xấu trai, thấp, đen, trong khi vai chính cần một mẫu người đẹp và hùng hơn. Đây là một phim cao bồi hạng tư.

HỒ TỪNG NGHIỆP

môi tuần

MỘT VẤN ĐỀ

PHẢN KHÁNG VÀ BÚT PHÁP

Albert Camus

ĐINH THÀNH LAM

dịch L'Homme révolté

NGƯỜI nghệ sĩ xác nhận sức mạnh phản kháng của nó bằng cách sửa đổi thực tại. Những gì của thực tại mà nó không còn giữ lại trong vũ trụ sáng tạo của nó đã nói lên sự thỏa hiệp mà ít ra nó đã đem đến cho một phần của thực tại, thực tại mà từ đó người nghệ sĩ đã lấy ra những bóng đen của sự diễn tiến để đem vào ánh sáng của sáng tạo. Nói một cách giới hạn thì, nếu sự chối từ là trọn vẹn thì thực tại sẽ bị xua đuổi một cách toàn diện và chúng ta sẽ có những tác phẩm vụ hình thức. Trái lại nếu người nghệ sĩ chọn lựa, do những lý lẽ đôi khi ở ngoài nghệ thuật, để ngợi ca một thực tại sống động thì chúng ta sẽ có những tác phẩm tả thực trong trường hợp thứ nhất, hoạt động nguyên thủy của sáng tạo, trong đó sự phản kháng và thỏa hiệp, sự công nhận và phủ nhận lẽ ra gắn bó nhau một cách chặt chẽ, lại bị cắt xén để phục vụ cho phản kháng. Do đó mà có sự trốn chạy trong hình thức mà thời đại chúng ta đã cung cấp không biết bao nhiêu là thí dụ ; sự trốn chạy mà nguyên nhân là phong trào hư vô. Trong chiều hướng đó nó tự thú nhận một sự đòi hỏi đồng nhất, một sự đồng nhất dù cho đã bị thái hóa. Nhưng đồng thời nó cũng từ bỏ sự đòi hỏi đầu tiên của công việc sáng tạo nghệ thuật. Để chối bỏ rõ ràng hơn cái tự do tương đối của ý thức sáng tạo, nó đã công nhận sự thống nhất tức thời của vũ trụ. Công cuộc sáng tạo đã tự nó chối bỏ nó trong cả hai loại tác phẩm kể trên. Thoạt đầu nó chỉ chối bỏ một tính chất của thực tại nằm trong thời gian, ở trong chính thời gian đó, nó lại công nhận một thực tại khác. Dù vứt bỏ toàn bộ hay chỉ nói lên một mình thực tại, thì mỗi bận như thế, nó vẫn đã từ chối mình trong một sự chối bỏ tuyệt đối hay trong một sự công nhận tuyệt đối. Người ta thấy rằng trên bình diện mỹ thuật, phân tách trên đã bắt gặp sự phân tách mà ta đã phác họa trên bình diện lịch sử(1)

Nhưng, cũng như chẳng có chủ nghĩa hư vô nào mà cuối cùng không giả thiết một giá trị, cũng như chẳng có một chủ nghĩa duy vật nào mà khi suy nghĩ về chính mình lại không tự mâu thuẫn, nghệ thuật vụ hình thức và nghệ thuật tả chân đều là những ý niệm phi lý. Không một nghệ thuật nào có thể chối từ thực tại một cách tuyệt đối. La Gorgone (2) có thể là một sinh vật hoàn toàn tưởng tượng nhưng cái miệng và những con rắn bao phủ đầu nó lại ở trong vũ trụ. Chủ nghĩa hình thức có thể đưa đến sự xóa bỏ dần dần nội dung của thực tại, nhưng luôn luôn sẽ có một giới hạn cho nó. Ngay cả khi nội họa trừu tượng có thể đạt đến một khoa hình học thuần túy, thì nó vẫn còn đòi hỏi ở thế giới bên ngoài những màu sắc và những tương quan phối cảnh. Chủ nghĩa hình thức đích thực là sự im lặng. Chủ nghĩa tả chân cũng vậy, nó có thể không cần đến một giảng nghĩa và một sự độc tài tối thiểu. Bức ảnh đẹp nhất cũng đã phản bội thực tại, nó sinh ra từ một lựa chọn và đem đến một giới hạn cho một cái gì không có giới hạn. Người nghệ sĩ vụ hình thức và người nghệ sĩ tả chân tìm kiếm sự đồng nhất ở chỗ mà nó không có, trong một thực tại còn nguyên vẹn, hay trong một tác phẩm tưởng tượng mà người nghệ sĩ vụ hình thức tưởng rằng đã gạt bỏ được mọi thực tại. Trái lại, sự đồng nhất trong nghệ thuật lại xuất hiện ngay khi mà thực tại bị người nghệ sĩ sửa đổi một cách cưỡng ép. Nó đòi hỏi cả hai thứ đó. Sự sửa đổi ấy (3) mà người nghệ sĩ đã hoàn thành bằng ngôn từ và bằng sự phân phát lại những yếu tố lấy ra từ thực tại, được gọi là bút pháp, nó đem đến cho cái vũ trụ được tạo lại đó một sự đồng nhất và những giới hạn. Ở mọi con người phản kháng và đôi khi ở cả vài thiên tài, sự sửa đổi đó nhằm bó buộc thực tại phải tuân theo luật lệ của hắn. Sheiley đã nói : «Thi sĩ là những nhà lập pháp không được vũ trụ công nhận».

● Nghệ thuật lãng mạn, do nguồn gốc của nó, không thể không làm sáng tỏ cái thiên thức đó. Nó không thể bằng lòng với thực tại, nhưng lại không thể xa lìa thực tại đó. Không thể nào có được một vật tưởng tượng thuần túy, và, dù cho có thể có đi nữa, trong một tác phẩm tiểu thuyết lý tưởng xuất thế, thì nó sẽ không có một ý nghĩa nghệ thuật nào, bởi vì sự đòi hỏi đầu tiên của tinh thần trên đường tìm đến sự đồng nhất là ước muốn rằng sự đồng nhất đó phải được mọi người cảm thông. Mặt khác, sự đồng nhất của tính toán thuần túy là một sự đồng nhất giả trá vì đã không dựa vào thực tại. Tiểu thuyết hồng (hay đen) và tiểu thuyết xây dựng xa lìa nghệ thuật một khi mà chúng từ bỏ một cách quyết liệt, hay yếu đuối, cái định luật đó. Trái lại, nghệ phẩm lãng mạn đích thực dùng thực tại, và chỉ dùng nó mà thôi, với vẻ nóng hổi và máu me, những dục vọng và những tiếng thét của nó. Tuy nhiên nó đã thêm vào đó một cái gì làm cho thực tại ấy biến dạng đi. Cái mà người ta vẫn thường gọi là tiểu thuyết tả chân cũng thế, nó muốn là sự sao chép trực tiếp thực tại. Sao chép lại những yếu tố của thực tại mà chẳng lựa chọn, công việc đó, nếu có thể tưởng tượng nổi, sẽ lập lại tạo vật một cách khô khan. Chủ nghĩa tả chân phải là một phương cách diễn tả của thiên tài tôn giáo, điều mà nghệ thuật Y Pha Nho đã gợi lên một cách tài tình, bay trên một bình diện khác, nghệ thuật của loài khỉ cũng đã làm được ; loài vật này chỉ bằng lòng với những gì đã có và chỉ bắt chước lại những cái đó mà thôi. Thật ra, nghệ thuật chẳng bao giờ là tả chân cả, tuy nhiên đôi khi nó cũng đã có tham vọng đó. Một sự mô tả muốn giống thật phải là một sự mô tả không bao giờ chấm dứt. Khi mà Stendhal mô tả, với chỉ một câu vắn tắt thời gian mà Lucien Lewel (4) đi vào phòng khách thì người nghệ sĩ tả chân đúng ra phải dùng nhiều quyển sách để mô tả những nhân vật và khung cảnh, mà cũng chẳng nói hết mọi chi tiết. Tả chân là sự liệt kê không ngừng. Do đó cho ta thấy rằng tham vọng điều thực của nó không phải là chiếm đoạt sự đồng nhất, nhưng là chiếm cứ toàn diện thế giới này. Do đó, người ta có thể hiểu vì sao nó là nghệ thuật chính thức của cuộc cách mạng toàn diện. Nhưng thảm mỹ quan đó cũng đã chứng minh sự bất lực của nó. Những tiểu thuyết tả chân cũng đã bị bó buộc lựa chọn trong một thực tại bởi vì lựa chọn mà vượt qua thực tại chính là điều kiện của suy tư và diễn tả (5). Viết, chính là đã chọn lựa. Thế nên, có một thực tại độc tài cũng như đã có một lý tưởng độc tài. Chúng đã biến tiểu thuyết tả chân thành một tiểu thuyết luận đề đang còn tiềm tàng. Chỉ có thể giản lược sự đồng nhất của thế giới vào toàn diện của thực

tại bằng phán đoán *tiên nghiệm*, sự phán đoán ấy loại bỏ ra ngoài thực tại những gì không phù hợp với chủ trương của nó. Chủ nghĩa tả chân được gọi là xã hội bị bó buộc, bởi chính tính chất luận lý hư vô của nó, phải nêu lên những ích lợi của loại tiểu thuyết xây dựng và nền văn chương tuyên truyền.

Chỉ cần người sáng tạo bị biến cố ngự trị hay tuyên bố chối bỏ mọi biến cố thì tác phẩm bị giáng xuống hình thức thoái hóa của nghệ thuật hư vô liền. Tác phẩm nghệ thuật cũng như một nền văn minh : nó giả thiết một sự căng thẳng không ngừng giữa hình thức và chất liệu dễa tiến và tinh thần, lịch sử và những giá trị. Nếu sự thăng bằng đó mất đi thì sẽ có sự độ: tài hay tình trạng rối loạn, tính cách tuyên truyền hay điên rồ vì hình thức. Trong cả hai trường hợp thì nghệ phẩm đều trùng hợp với một tự do hợp lý, một điều không thể có. Dù cho nó bị sự chóng mặt của trừu tượng hóa chế ngự, dù cho nó kêu gọi đến ngọn roi của chủ nghĩa tả chân sống sượng và ngây ngô nhất, thì nghệ thuật hiện đại hầu như trong toàn thể của nó, là một nghệ thuật của bạo chúa và nô lệ chứ không phải là nghệ thuật của những kẻ sáng tạo.

Một tác phẩm mà trong đó nội dung lấn áp hình thức hay hình thức lấn áp nội dung, chỉ nói lên một sự đồng nhất thất bại và làm cho thất vọng. Trong lãnh vực đó cũng như trong mọi lãnh vực khác, mọi sự đồng nhất không đích thực là một thiếu sót. Dù họ có lựa chọn một viễn tượng nào đi nữa, thì vẫn có một nguyên tắc chung cho mọi kẻ sáng tạo : sự kiểu thức hóa bao gồm cả thực tại và đem lại cho nó một hình thể . Nhờ nó mà nỗ lực sáng tạo làm lại thế giới với một vẻ luôn luôn ngượng ngập, vẻ đó chính là dấu hiệu của phản kháng và của chối từ. Dù đó là sự phóng đại của kính hiển vi mà Proust đã đem vào trong kinh nghiệm nhân loại hay là sự tinh vi phi lý mà tiểu thuyết Hoa kỳ đã gán cho những nhân vật của nó, thì thực tại hình như vẫn đã bị cưỡng bách. Sáng tạo và sự phong phú của phản kháng đều nằm trong sự ngượng ngập làm thành bút pháp hay âm điệu của một nghệ phẩm. Nghệ thuật là một đòi hỏi hình thức hóa không được thỏa mãn. Khi mà tiếng gào thét lớn nhất tìm thấy ngôn từ đứng đắn của nó, sự phản kháng thỏa mãn cái khao khát đích thực của nó và kéo ra từ sự trung thực với chính mình, một sức mạnh sáng tạo, Dù cho điều này có đụng chạm đến những định kiến của thời bây giờ đi nữa, thì bút pháp lớn nhất vẫn là sự diễn tả của một sự phản kháng cao độ. Cũng như một chủ nghĩa cổ điển đích thực thật ra chỉ là chủ nghĩa lãng mạn bị chế ngự,

● xem tiếp trang 32

NHỮNG NGƯỜI NĂM CŨ

CUỘC ĐỜI LÊ VĂN SIÊU

bài của
HOÀNG VIỄN NGƯ

SINH tại Hà Nội ngày 3 tháng chạp năm Nhâm Tý (1911), giấy tờ ghi ngày 20-6-1914), trong một gia đình tiểu thương. Học ban tiểu học tại Hà Nội, đến lớp Nhì, gặp phong trào bãi khóa và truy điệu chí sĩ Phan Châu Trinh, tham gia cùng bạn thân là Trương Tửu và cùng bị đuổi (tháng tư năm 1926). Cùng Trương Tửu tự học thi bằng tiểu học và cùng đỗ liền năm ấy.

Không thi vào trường Bưởi, mà cùng bạn tự học theo chương trình Tú tài.

Dồn dập phong trào vận động đòi ân xá chí sĩ Phan Bội Châu, nảy ý muốn xuất dương hoạt động ở ngoại quốc, quyết định bỏ cái học từ chương và theo học chương trình P. Jagot lấy kiến văn rộng rãi. Chịu ảnh hưởng nhiều của Jean Jacques Rousseau, Montesquieu, nhất là sách Émile.

Cùng Trương Tửu thi vào trường Kỹ nghệ thực hành Hải-Phòng (1929), và chọn nghề chuyên môn mà Rousseau đã chọn cho Émile, nghề thợ mộc làm khuôn đúc. Nhờ vậy có tinh thần tổ chức hợp lý hóa và khoa học. Tốt nghiệp năm 1932.

Làm đốc công cho nhà máy Ngói Gạch Đáp Cầu. Bỏ làm, xoay ra buôn hàng thau (1933). Thất bại. Viết báo *Trẻ Thời thế*. Học nghề làm báo của trường hàm thụ Universelle.

Làn sóng phong trào chiến tuyến Bình dân và Đông dương đại lục tràn tới. Đi Hải Phòng tổ chức hội Ái hữu cựu học sinh trường Kỹ nghệ, công tác vận động công nhân vùng Hải Phòng, Quảng Yên, Uông-Bí Hòn Gay, Cẩm Phả. Đọc Marx, Lénine, Trotsky. Mê Trotsky vì phong thái trí thức của kẻ hất thế và vì văn chương những bản dịch.

Phong trào bị lắng xuống Làm họa viên cho nhà sản xuất đồ gỗ Phúc Thành (1937), làm cán sự chuyên môn cho sở Trị Thủy Ateliers Neyret Buhler et Piccard Pictet (Grenoble), chi nhánh Hà Nội, và nghiên cứu cho sở ấy đấu thầu xây dựng đập nước đá vùng Ankroet, Đa nhim, cùng cung cấp sửa cống cho đập Đáy, Đô lương.

Được giới thiệu qua làm cho hãng thầu Société d'Etreprise de Dragages et Travaux publics thiếu người, để rồi năm 1938, hãng lại giới thiệu đi làm chánh văn phòng nghiên cứu chuyên môn sở Hỏa xa Hồ Nam, Quảng Tây, đặt tại Lạng Sơn, vẽ đường sắt, cầu cống, công ốc đoạn Nam Ninh, trấn Nam Quan và thường đi đi về về thăm địa hình vùng ấy.

Lại về Hà Nội làm họa viên sở vô tuyến điện Bạch Mai, trước khi đi Hải Phòng làm họa viên chính ngạch nha Công chính Trị Thủy Hải Đăng (Phares et Balises) từ 1939. Có dịp nghiên cứu hải đăng và hải phao dọc bờ biển Bắc và Trung Việt, cùng nghiên cứu thủy triều, dòng nước ở cửa Cấm, cửa Nam Triệu, sông Bạch Đằng. Học hàm thụ lớp kỹ sư Công chính trường Eyrolles (Paris), đọc các sách chuyên môn về kỹ thuật, tham gia phong trào truyền bá quốc ngữ, viết sách *Thanh niên và thực nghiệp*, (*1940*) *Luân lý thực nghiệp*, *Hợp lý hóa* (Taylor).

Tổ chức công ty «Phương xa» sản xuất que hàn để đắp thép làm mới các bộ phận máy mà vì chiến tranh đã không chở qua được những bộ phận thay thế, và sản xuất ca nô dùng đầu máy xe hơi chạy than trên bộ cho chạy dưới nước, khi vỏ ruột xe không có.

■ *xem tiếp trang 31*

chuyến xe lôi buổi tối - đường về - những con đường - những nếp sống

VĂN thồn bộ quần áo lót còn ẩm, hai cặp lạp xưởng, vài cuốn sách vào túi vải rồi bước ra hiên. Chiếc cổng gỗ cũ ở đó, không thay đổi. Vùng bóng tối của chùm lá vú sữa cũng còn đó, không thay đổi Tất cả đều không thay đổi nhưng cũng không nhàm chán. Thủy bước theo Văn và sát bên Văn như cái bóng của Văn. Văn thấy xót xa lạ thường. « Lúc nào em cũng cô đơn, cũng đáng thương. Còn anh, anh đi hoài, đi hoài, như một thằng lãng tử. Anh muốn ở lại với em, dầu chỉ dăm ba phút nữa thôi nhưng còn kỷ luật quân đội, còn giờ tiềm canh, còn phiên gác đêm nay !» ..

Văn gài then cửa, đứng ở ngoài khung gỗ và đứng ngó Thủy đăm đăm Thủy cười buồn rầu Khuôn mặt nàng chìm trong bóng tối, đẹp mờ ảo. Văn muốn đặt lên môi xót thương lên đó — lên khuôn mặt đó — nhưng Văn sợ nỗi xúc cảm bỏ dở làm cho anh và Thủy xót xa thêm. Văn cúi đầu, nắm chặt tay Thủy. Thủy nói, nhẹ như hơi thở :

— Gần 8 giờ rồi, anh đi đi kẻo muộn. .

Văn gật đầu, buông tay Thủy ra, lặng lẽ đi. Thủy nói theo, giọng vẫn nhỏ nhưng đầy vẻ khẩn khoản :

— Thứ bảy, nhớ về sớm với em nghe !...

Văn hơi nghiêng dầu nhìn lại. Thủy dựa cửa trông theo. Tóc nàng sõa dài trên vai gầy Bộ quần áo mặc nhà may bằng vải nội hóa, trắng, nổi bật và thật mềm mại trong vùng ánh sáng mầu đen. Văn gật đầu, rất nhẹ. Vì Văn biết Thủy đã hiểu là Văn chấp thuận lời nói của nàng.

Và Văn bước nhanh trên nền xi măng cửa ngõ hẻm. Con đường nhựa, con đường thành phố ở ngoài kia vẻ tối om. Đêm nay nhà đèn lại cúp điện. Ánh nến, ánh đèn dầu trong những ngôi nhà bên đường không làm tươi, làm sống dậy cái sầm uất huy hoàng, của 1 thành phố buôn bán về đêm. Văn có cảm tưởng phố cũng đang buồn như mình, đang lặng câm như anh, như cõi hồn anh lúc này

Chiếc Lambretta đậu ở ngã tư đường vừa nổ máy và sắp sửa chạy Văn nắm chặt giây cột túi vải, phóng những bước dài và bồng. Bây giờ, thật Văn không còn nghĩ gì nữa. Tất cả mục đích hướng về chuyến xe. Đối tượng của Văn bây giờ là chiếc xe. Văn nhìn về cái khuôn cửa trống, cái lòng xe chật chội, rồi Văn cố sức lao đầu vào trong đó.

Trong xe, trên chiếc ghế đối diện với Văn, có một người ngồi. Đó là một bà già, ăn mặc theo lối nhà quê. Bà ta vừa nhai trầu nhồm nhẻm, vừa ngó Văn trân trân.

NGƯỜI ĐÀN BÀ NHÀ QUÊ (*độc thoại*) Con ơi, con ơi, con yêu của mẹ ơi, con còn nhớ mẹ không ? Mẹ của con đây. Người mẹ khốn nạn của con đây ! Con có giận mẹ không ? Con có oán mẹ không ? Tội nghiệp con, năm nay con hai mươi lăm rồi phải không ? Năm nay mẹ năm lăm rồi, mẹ nhớ rõ lắm con ơi. Ngày ấy, mẹ có thai con vào năm mẹ hăm chín và mẹ đẻ con vào năm ba mươi. Ba mươi tuổi, mẹ mới được hưởng cái đau đớn thiêng liêng vì mẹ của con nghèo khổ, mẹ của con là thứ tôi đòi hèn mọn, suốt từ thuở lên mười toàn ăn cơm thừa canh cặn, làm công lưng cả ngày và bên tai không khi nào ngớt tiếng chửi bới thối tha.

Nhưng mẹ không bao giờ buồn. Cái số con người ta nó như thế — Cái số làm tội tớ thì muôn đời vẫn là tôi tớ — Mẹ vẫn tự nhủ từ tấm bé và mẹ làm quần quật như con vật. Mẹ không rõ tại sao mẹ lại phải đến nhà cụ Lý Lủ, làm con ở cho nhà người ta. Mẹ chỉ cốn nhớ mang máng là : Năm ấy trời làm mất mùa, ông bà không nuôi nổi mẹ phải gửi mẹ vào nhà cụ Lý Lủ rồi bỏ làng vào Nam, làm nghề lấy mủ cao su.

Là con nhà nghèo, suốt ngày làm lụng — trăn trâu cắt cỏ, thổi cơm nấu nước, mang cơm ra đồng, mò tôm bắt cá — Mẹ rất ít được ông bà của con chăm nom vỗ về, do đó lòng mẹ dửng dưng khi hai người ra đi. Thành ra, khi đến ở nhà cụ Lý Lủ, mẹ mừng quên cả nhớ, quên cả khóc. Cố khóc là khóc vì bị lũ con cụ Lý đánh đập hoặc xỉ chó cho cắn chơi, thế thôi.

Cuộc đời của mẹ cứ lặng lẽ, tủi cực và nhọc nhằn qua đi. Và vì là một kẻ tôi tớ cho nên mẹ không bao giờ nghĩ đến tình ái, đến chồng vợ. Dù rằng mẹ của con không đến nỗi xấu xí cho lắm. Mãi đến năm hăm chín...

Người đàn bà nhà quê vuốt quệt trầu dính ở hai bên mép, khịt mũi liền mấy cái rồi đưa tay lên quệt ngang mắt).

VĂN — (*độc thoại*) Sao người đàn bà già nua, cằn cỗi này lại nhìn mình bằng ánh mắt kỳ lạ chan chứa như thế ? Y thị là một thứ ma tặc, một thứ gái già trắc nết chăng ? Ồ không, mình không được nghĩ bậy như vậy. Đôi mắt người này lạ lắm thiết tha lắm. Nó có nét trìu mến, nó có ý muốn bộc lộ một tình cảm gì cao quí lạ lùng. Nó là đôi mắt ai quen quá nhỉ !

— Bác cu Phơ, mẹ thằng Tý, thằng Nhỡ ?— Ồ, mắt bác cu Phơ cười cợt nhiều, đâu có lặng buồn như thế !

— Mắt chị Thừa, người chị họ lần cầm, góa chồng của mình ?

— Chắc không đâu, mình nhớ đôi mắt chị Thừa lắm : Nó cũng giống như thế nhưng hơi hiêng hiêng một chút cơ. Nếu vậy thì nó phảng phất nét mắt của ai ? Ai ? Ai nhỉ ? Hay là, hay là... Nó là đôi mắt của người đàn bà quê mùa ở Dốc Lã, Hưng Yên ? Đúng rồi ! «U em Dốc Lã » ơi, năm nay em hai mươi bốn tuổi rưỡi rồi nhưng em kkông sao quên được U, người đã cho em bú, đã mớm cơm cho em và đã trông nom em gần suốt thời kỳ thơ ấu. U còn nhớ em không ? Thằng Văn « hồ phù » hơi một tị là sưng mặt lên — của U đây ! Em còn nhớ rõ ngày ấy mỗi khi em giận hờn, em dậm chân đùng đùng, em kêu ầm lên thì chị Nguyệt, anh Nhật, anh An dí tay vào trán em và chế ;

— Ố cái thằng « hồ phù », cái mặt sưng sỉa lên trông giống con mẹ « vú em Dốc Lã » như đúc.

Ngày ấy em chưa biết Dốc Lã là gì, em cứ tưởng tên U là Dốc Lã, cho đến mãi về sau, khi tản cư về Hưng Yên em mới biết Dốc Lã là một địa danh. U ơi, sao quê U nghèo quá vậy U ? Khi đi qua con đê ấy, em nghĩ đến U, không biết U sống chết, phiêu bạt ra sao và em đã khóc. (Em vẫn luôn luôn hay khóc, hay giận hay hờn như hồi bé bỏng đó U Có lẽ tại em mất mẹ sớm quá, do đó, trong tiềm thức em, thường hiện lên những thổn thức vô cớ như thế U há ?

U ơi, về Hưng Yên được vài năm, gia đình em di cư. Từ đó ước mơ gặp lại U đã tan vỡ trong em. Bây giờ, hai mươi bốn tuổi, rưỡi rồi, có phút thảnh thơi trí óc nào em thường đuổi bắt thơ ấu, để tìm lại cái bóng dáng quê mùa, cục mịch nhưng hiền hậu và đáng thương của U. U ơi, thiên đường trẻ thơ, trong đó có U là Bà Tiên Phúc Hậu không biết em còn tìm bắt đến bao giờ ?!...

NGƯỜI ĐÀN BÀ NHA QUÊ (*giọng vướng mắc xúc động*) Mấy giờ rồi, cậu ?

VĂN — Tôi không có đồng hồ. (*nghĩ*) Thật ra, tôi có một chiếc đồng hồ cha tôi thưởng cho tôi vào năm tôi đỗ tiểu học nhưng tôi đánh mất khi đút vào túi quần, ngồi xích lô đi học. Từ đó không ai mua đồng hồ cho tôi nữa. Và lại chính tôi, tôi cũng ghét những gì cồng kềnh, lôi thôi, vướng víu — dù là vàng bạc, kim cương — và tôi chắc chắn thế nào rồi tôi cũng đánh rơi theo thói quen bỏ tất cả đồ dùng — bỏ cả cuộc đời, bỏ cả thế giới — vào túi quần, nếu có thể.

NGƯỜI ĐÀN BÀ NHÀ QUÊ (*nói nhỏ*). — Trời ơi, con tôi : vẫn cái môi cười trẻ thơ ấy, cái điệu bộ nghiêng đầu, múa tay ấy ! Ước gì mẹ được ôm đầu con, hôn lên má con một cái !...

VĂN.— Bà bảo gì ? Bà về Xóm Mới ?

NGƯỜI ĐÀN BÀ NHÀ QUÊ.— Không, à vâng : Tôi về Xóm Mới. Còn cậu ? (*Nhỏ giọng*) Còn con, con về đâu ? Con về Xóm Mới với mẹ không ?

VĂN.— Tôi cũng về gần đấy; tôi về trường Q.C đó mà !

NGƯỜI ĐÀN BÀ NHÀ QUÊ.— À, Trường Quân Cụ, tôi biết rồi ! Cái trường ở phía tay trái của con đường này, có bảng tên đen thui và ở phía trong có một cỗn nhà đề là «Hội Trường» đó phải không ? Quân cụ là «lính cụ» phải không cậu ? Cậu còn trẻ quá mà sao lại vào «lính già» ?

truyện của

nguyễn đức nam

VĂN — (*cười*) Không có, lính Quân cụ là thứ lính chuyên sửa chữa xe pháo, súng ống, vật dụng hư hỏng và làm những thứ ấy cho quân đội. Tôi đi lính Quân cụ vì tôi cần một chút ít thời giờ để viết văn và để khi giải ngũ, có thể làm nghề sửa chữa máy móc, xe hơi mà sống. Bây giờ, chỉ có thợ thuyền, taxi, gái điếm, xích lô là dễ sống. Nếu chúng tôi giải ngũ, không có nghề chuyên môn trong tay, thề nào cũng chết đói.

NGƯỜI ĐÀN BÀ NHÀ QUÊ.— Sao cậu không đi làm sở Mỹ ? Người ta nói : làm sở Mỹ nhiều tiền lắm mà ?

VĂN.— Còn phải đi lính đã chứ ! Mình đi làm sở Mỹ hết, không còn ai đi đánh giặc nữa, lỡ mất nước thì sao ?

(Chợt chiếc lambretta quặt vào lề đường và đứng khựng lại. Một đứa con gái, mặc pyjama màu vàng pha đỏ — may bằng một thứ lụa rất mỏng, tóc quấn cao để hở ngọn gáy trắng nhễ nhại, mặt mày thoa phấn, tô son lem nhem.,. nghênh ngang bước lên. Một mùi thơm rẻ tiền, ngai ngái và gây gây từ người, từ tóc đứa con gái xông lên nồng nặc).

VĂN.— (*Nói bằng lời cảm*) Mùi nước hoa rẻ tiền quá. Em là thứ điếm nào ? sáu chục hay một trăm ? Có lẽ mình khó khăn quá. Mình phải cố bỏ nhăn mặt đi kẻo nó tủi, tội nghiệp. Dù sao thì nó cũng là người. Dù sao nó cũng còn cái tự ái tối thiểu của một con gái, của một con điếm.

NGƯỜI ĐÀN BÀ NHÀ QUÊ — (*nguýt dài, nói trống không*) Ăn mặc hở hang thấy mà ghê ! Mặc như vậy, thà cởi truồng ra còn hơn,..

À ĐIẾM — (*mặt hơi vênh vênh, dầu môi ra huýt gió*) « Nếu em không là người yêu của lính,... (*ngó Văn cười*)

VĂN — (*nhìn vào bộ ngực đầy*) Ngày xưa hồi mới lớn, mình luôn luôn tò mò về đàn bà, về những thứ mà đàn ông không có. Bây giờ, mình biết hết rồi, sao vẫn chưa bỏ được tò mò nhỉ ? Những thực thể đó có giá trị, có mãnh lực khêu gợi tuyệt đối ư ?

À ĐIẾM — (*Nghiêng hẳn người đi để gió lùa thổi tung lồng áo lên và cũng cúi hẳn xuống để cho cô áo trễ lòi ngang ngực.*) (*Nói nhỏ*) : Anh lính trẻ ơi, anh đẹp trai, anh dễ thương quá ! Anh nhìn em với tia mắt lạ quá chừng Anh có thèm em như những tên đàn ông khác không ? Nếu anh thèm, em chịu liền ! Em không lấy tiền của anh đâu ! Em còn đưa tiền để anh uống cà phê, uống sữa hột gà nữa đó ! Chịu hông, cưng ?

VĂN.— (*Quay đi chỗ khác thì thầm*) : Thủy ơi, anh thèm những rung cảm khi chúng mình gần nhau, vô cùng. Nhưng anh vẫn phải nhịn, anh vẫn cố nén thèm muốn đó vì anh biết em sợ, vì em muốn cho tình yêu mình trong như nước ròng. Anh đã ở bên em suốt một ngày. Anh để dành cả 24 giờ phép cho em, cho riêng em vậy mà khi anh đi, anh cũng không thể hôn em được một lần. Để bây giờ ngồi trước mặt ả điếm này.

(Chiếc xe Lam lại thắng gấp. Một người đàn ông mặc đồ trận, hai nách kẹp hai nạng, từ lề đường bước đến sau xe. Mặt lạnh như tiền, anh ta liệng nạng gỗ lên lòng xe. Tiếng động phát ra thật khô, thật chối. Nhưng, mặt anh ta vẫn lạnh, vẫn tỉnh bơ và đu người lên xe.

VĂN (*nhô ra phía cửa, nắm chặt hai vai áo anh ta*) Để nguyên, tôi kéo lên cho.

NGƯỜI THƯƠNG BINH. (*Rơi phịch xuống nệm xe, bên cạnh một ả điếm*) Cám ơn Thiếu Úy. Thiếu Úy vào trại trực đêm nay ?

VĂN.— Không, đêm nay tôi bị ứng chiến. Còn anh đi đâu bây giờ đây ?

NGƯỜI THƯƠNG BINH.— (*thở dài*) Vào Cộng Hòa, Thiếu úy ơi !

VĂN.— (*nhìn đôi nạng gỗ, nhìn ống quần rộng thùng thình, không mang một cẳng chân*). Anh bị thương trong trận nào, lâu mau rồi ?

NGƯỜI THƯƠNG BINH.— Ở trong trận Đồng Xoài đó, Thiếu úy. (*Kể lể*) Hôm đó đơn vị em phải đến giải vây cho một đồn Nghĩa quân, đóng cách Đồng Xoài chừng 2 cây số. Ngay từ lúc đầu, chúng em đã nghĩ đến lối đánh « công đồn đả viện » của địch và ông đơn vị trưởng của chúng em đã dự trù mọi kế hoạch phản công. Đúng như dự đoán, đơn vị em đến cách đồn chừng một cây số thì bị phục kích. Dù đã sẵn sàng chiến đấu, nhưng hỏa lực địch quá mạnh và với quân số địch lớn gấp 3 gấp bốn quân số ta nên đơn vị em thiệt hại khá nặng. Ngay trong mấy phút đầu giao tranh địch đã hạ của chúng em mất gần một tiểu đội. Tuy vậy, nhờ sự bình tĩnh của cấp chỉ huy và sự nóng lòng báo thù của chúng em, chúng em xung phong lập tức vào ổ hỏa lực địch, vào chỗ bố trí của địch. Nhờ cuộc xung phong cấp thời đó, quân đội ta đã gây hốt hoảng cho địch khiến địch đánh bó tay, và vì vậy, quân ta rút lui được Trong cuộc xung phong đó, em bị một mảnh lựu đạn cắt ngang chân, bị thương lung tung và đã tưởng bỏ xác ở đó nhưng cuối cùng, nhờ sự chỉnh đốn hàng ngũ kịp thời, quân ta phản phục kích và mang được em về khu tập họp an toàn...

Em về đây gần hai tháng rồi và những mảnh đạn ở trong người sắp lấy ra hết. Ngày mai, em mổ lần cuối cùng nữa là xong...

(Chợt có tiếng trẻ con kêu thét lạn, như cầu cứu. Văn ngẩng đầu nhìn ra hè đường. Ở đó, bên cột đèn, một đứa bé chừng 8, 9 tuổi — mặc quần soóc bạc màu, áo sơ mi trắng cộc tay, đội mũ hướng đạo cũ — đang giơ tay vẫy lia lịa, mồm kêu thất thanh : « Lam-bơ-ta ! Lam-bơ-ta». Nhưng mặc cho thằng bé vẫy gọi rối rít, chiếc Lambretta vẫn vèo vèo vọt đi.

VĂN (*Hét lên*).— Ngừng lại, ngừng lại ! Lambretta ngừng lại đi !

NGƯỜI LÁI XE.— (*Quay lại, ngạc nhiên*) Thiếu Úy xuống đây ? Hồi nãy Thiếu Úy nói : xuống trường Q.C kia mà ?

VĂN.— (*gắt gỏng*) Tôi nói ngừng là ngừng, không có lôi thôi vớ vẩn nữa !

(Xe ngừng với vẻ vùng vằng, giận dỗi. Văn tung người xuống đường, chạy đến bên cột đèn, bế đứa bé lên tay và bước mau về Lambretta. Đứa bé nằm gọn trong tay Văn, mở to mắt nhìn Văn ngơ ngác).

VĂN.— (*cười*) Em bé dễ thương, em là hình ảnh của tôi 15 năm về trước đó, em biết không ? (*Độc thoại*) Mười lăm năm trước, tôi học ở lớp tư trường Quang Trung. Hồi ấy gia đình tôi ở căn nhà số 129 đường Bạch Mai Hà Nội và tôi đi học bằng xe điện. Mỗi sáng, tôi lên xe điện vào khoảng 7 giờ, ở chỗ đường tầu tránh, chênh chếch Đình Đông và tôi đón xe về ở ngã ba Duy Tân Ngô thời Nhiệm. Khoảng đường đó là đoạn đường tôi đi lại suốt mấy năm trời. Nó đã gần gũi với tôi biết chừng nào. Cả chiếc xe điện với cái cần dài và cong, có bánh xe như cái ròng rọc, ăn khớp vào đường giây điện, thỉnh thoảng tóe lửa ra soèn soẹt... với tôi, cũng đã quen thuộc quá rồi. Và có lẽ sự quen thuộc này, đến chết, tôi cũng không thể quên nổi !...

xem tiếp trang 28

khu rừng trong đêm

truyện ngắn SƠ DẠ HƯƠNG

MÙA mưa đến như thường lệ, khoảng đầu tháng năm vào đúng kỳ nghỉ hè của những trường học. Tuy không còn có dịp dậy sớm đưa Liên Hương đi học nhưng mỗi lần tình cờ đi qua con đường cũ tự nhiên có cảm giác bàng hoàng sợ sệt giống như một lần trở lại nhà thương Grall, khi đi qua salle P.O, khi nhìn lại căn phòng, chiếc giường đã từng nằm, đã từng đau đớn khổ sở vì vết thương do vụ mìn nổ hành hạ. Những cánh hoa mầu đỏ làm rực rỡ khoảng đường nhỏ, nơi vẫn thường đứng đợi Liên Hương mỗi khi nàng tan học trở về nhà nay đã trở nên vắng lặng, một thứ yên lặng pha lẫn đội chút buồn rầu, mệt mỏi của một người vừa trải qua một cơn vui đùa quá mức bây giờ chìm đắm trong sự nghỉ ngơi, trong một dáng vẻ trang nghiêm, sầu mộng. Niên học cuối cùng của Liên Hương ở bậc Trung học đã qua đi, hai cánh cửa trường đã âm thầm khép kín, (trở nên lạnh lùng, thờ ơ và lãnh đạm như thái độ của người con gái sau khi đã tham dự một trò chơi quá sức của nàng, tình yêu, sau khi đã phải cố gắng tưởng tượng, khi không thể tưởng tượng được nữa, nàng khóc và nói..., trở nên lạnh lùng, thờ ơ và lãnh đạm như vẻ đẹp của nàng những ngày sau này, khi mối tình đã tan vỡ, nàng rút lui vào thế giới riêng tư của nàng, thế giới nội tâm, cùng với thế giới sách vở, học thức, trở nên lạnh lùng và bí ẩn, trở nên đẹp một cách buồn bã, lầm lì, nàng giống như một người định bước vào đời sống bằng một cánh cửa mở xuống khu vườn tình yêu, mơ mộng và lãng mạn, nàng định dùng tình yêu như một khí giới, như một áo giáp chở che, chống đỡ lại dáng vẻ xa lạ, độc ác của đời sống; đột nhiên nàng nhận ra sự vô dụng, sự bất toàn của thứ khí giới mỏng manh và lố bịch đó, nàng lùi lại, giống như một con sên thu mình trong cái vỏ, giống như nàng công chúa ngủ trong rừng trong đêm khuya bất chợt thức giấc tưởng trời đã sáng, tưởng khoảng thời gian bị ảnh hưởng vì lời thề nguyền độc ác của bà tiên già đã chấm dứt nhưng không phải, đó chỉ là một báo động hoảng, nàng ngủ tiếp...) Không bao giờ còn trông thấy lại người gác cổng gầy gò, ốm yếu, buổi sáng sớm mở rộng hai cánh cửa sắt, chờ đợi đám học trò nhỏ vô sân trường đông đủ, sau đó từ từ đóng cổng trường lại, từ từ và chậm chạp, không phải vì hai cánh cửa quá nặng nề nhưng có lẽ vì muốn che dấu cử chỉ, che dấu dáng điệu hài lòng (niềm sung sướng nhỏ bé trong buổi sáng sớm) khi phải chờ đợi người nữ sinh nhỏ bé cuối cùng, đang đi học trễ và đang vội vàng từ giã người yêu, vội vàng chạy vô cổng trường rồi lại vội vàng chạy ra : nàng quên không dặn chàng trưa nay đừng đến đón nàng vì nàng sẽ về cùng với Lan Anh, bạn nàng... «Em chưa nghĩ đến lúc phải nói cho Lan Anh biết chuyện hai chúng mình. Em không thích khoe khoang hạnh phúc. Hơn nữa em nghĩ một ngày nào đó Lan Anh đã lớn, nàng sẽ hiểu và lúc đó chắc nàng sẽ phá lên cười, và tự hỏi, ngạc nhiên tại sao ngày đó nàng lại yêu em nhiều quá như vậy...» Khi quay lại nhìn, bóng dáng nhanh nhẹn của nàng đã khuất sau hai cánh cửa đang từ từ khép lại, che dấu, phân chia, và ngăn chặn hai phần thế giới, hai bộ mặt khác nhau của đời sống, để cho hai phần thế giới đó khỏi va chạm, khỏi làm hư hỏng lẫn nhau, một phần đời sống trong đó sự xấu và sự tốt được phân biệt một cách rõ ràng, hạnh phúc là một điều bắt buộc phải có, một phần thế giới trong đó có nụ cười hiền hậu của Châu, có Bích Nga, Lan Anh...phần thế giới còn lại xấu tốt lẫn lộn, trong đó có đời sống phóng túng của chàng, của bè bạn chàng, có cánh tay trái của chàng đã bị gẫy, đã được ghép xương lại, tuy bây giờ đã cử động gần được bình thường, tuy chưa duỗi thẳng được như trước nhưng cũng đã bớt nhiều ngượng nghịu chẳng chịt những vết khâu, vết vá, vết sẹo, (đêm thứ nhì sau khi tai nạn xảy ra, khi chàng đã tỉnh táo, đã nhận ra được những khuôn mặt thân yêu quen thuộc, khuôn mặt khô héo của Văn, khuôn mặt lầm lì của Tùng, chàng cố gắng nói nhưng cảm thấy khó khăn vô cùng; chàng cảm thấy rõ ràng, cảm thấy rõ ràng chàng sẽ chết trong đêm, và trước khi chết chắc chắn chàng sẽ được gặp nàng, gặp lần cuối cùng. Chàng sẽ cố gắng nói chàng yêu nàng, yêu nàng vô cùng, và chàng không cảm thấy sợ hãi sự chết. Chàng chỉ sợ đã yêu nàng quá nhiều nên làm nàng khổ sở « Chúng ta hình như chỉ sợ một điều là chúng ta không sợ chúng ta sẽ hết yêu thương nhau, nhưng chúng ta chỉ sợ chúng ta sẽ yêu thương nhau nhiều quá ». Chàng cảm thấy rõ ràng đời chàng sẽ kết thúc như vậy, và không còn một cách nào khác. Sáng sớm hôm sau, khi chàng nhận thấy đã chống cự nổi với thần chết, đã lừa dối được định mệnh, đồng thời chàng cũng nhận ra sự sống sót của chàng như một điều gì bất thường, sự sống sót của chàng giống như một nốt nhạc sai, dư, thừa, một giọng hát lạc giọng trong toàn thể một bài nhạc, bài ca, sự sống sót của chàng là một điều gì xúc phạm đến tình yêu thiêng liêng: Chàng vẫn còn sống và nàng cũng không đến được nhà thương thăm chàng trong đêm đó. Trong khi lần hồi sống lại, những lần nàng vào thăm chàng, những lần lặng nghe nàng kể chuyện nàng đã khóc khi hay tin chàng bị tai nạn, nàng đã khóc và không dám dụi mắt vì sợ mắt sẽ đỏ và mọi người trong nhà sẽ biết. Chàng nghe nàng kể lại, vừa cảm động vừa hồ thẹn. Khi nàng ra về rồi chàng thường nghĩ đến những chữ như sống nhục... đời sống... đời sống như một xúc phạm, một sỉ nhục tình yêu...) Hai cánh cửa sắt đã khép kín như để giữ gìn, ấp ủ và dành dụm những tiếng cười đùa cho niên học sau nhưng một vài tiếng cười đùa riêng biệt, một vài cánh chim nhỏ bé đã lọt khỏi nơi giam giữ thân yêu, đã bay đi xa và có lẽ không bao giờ trở lại. Không

giống như chàng đã phải trở lại nơi chốn cũ để tìm cách làm sống lại quá khứ, sống lại một quãng đời êm đẹp đã qua đi, đã mất. Châu học dược khoa, Liên Hương y khoa, Bích Ng. đi học ở một xứ lạnh. Bức hình chụp nàng đứng trên tuyết, mặc áo lạnh thật dầy, tất cả trắng toát trừ mái tóc, vẫn mái tóc cắt kiểu con trai, vẫn cái nhìn thẳng thắn gần như lạnh lùng dễ làm người đối diện bối rối, đôi mắt vẫn long lanh như xưa nhưng đã phãng phất đôi chút mơ màng chắc không phải do hình bóng một người con trai nhưng có lẽ do lòng nhớ quê hương. Liên Hương nói số con bé thật sung sướng, «sung sướng... bọc trong hạt điều.....» đại khái Liên Hương nói Bích Nga bạn nàng được hưởng quá nhiều may mắn, nàng sung sướng, thứ sung sướng không cần biết đến sự khổ sở, không cần biết có sự khổ sở ở trên đời, thứ hạnh phúc ngây thơ và vô tội, thứ hạnh phúc mà có lẽ một đôi khi Liên Hương và tôi đã ao ước được hưởng nếu không suốt đời thì cũng trong một khoảng thời gian và nhất là trong khoảng thời gian chúng tôi còn yêu thương nhau luôn luôn mong gặp nhau và luôn luôn lo sợ những người thân hoặc quen biết gia đình nàng bắt gặp. Đó có lẽ là lần đầu tiên Bích Nga cảm thấy bàng hoàng. Trong tiếng kêu thất thanh : « Không ! không phải vậy» lần đầu tiên nàng cảm thấy sợ hãi, mơ hồ cảm thấy một cái gì khủng khiếp. Một bộ mặt khác của đời sống.

Phải làm sao chứ Liên Hương. Phải làm sao... phải làm sao tiêu diệt được sự khổ sở.

(Tiêu diệt sự khổ. Làm chi sự khổ sở biến mất. Sau này. có lẽ Liên Hương cũng đã nghĩ như vậy khi nàng xóa bỏ hết cả, khi nàng nói «Không !». Có lẽ nàng cho rằng nếu hạnh phúc, không có thì một ám ảnh của hạnh phúc một bóng ma hạnh phúc cũng không được có. Ngày 28-3 tôi gặp lại nàng, gặp lần cuối cùng. Trời mưa. Trận mưa mở đầu mùa. Thời tiết thay đổi, khí hậu ẩm ướt làm cánh tay trái của tôi trở nên đau nhức, khó chịu. Chiếc đinh bằng kim loại dài nằm trong cánh tay chắc đã bắt đầu gây phiền nhiễu. Tôi ra Saigon, tìm vào một quán nước và vừa uống cà phê vừa ngó trời mưa. Quán nước này ngày trước tôi và Liên Hương thỉnh thoảng có đến. Tôi còn nhớ một lần ngồi ở đó, tôi uống bia và bỗng có ý định hôn nàng. Lúc đó buổi trưa trong quán chỉ có một vài người ngoại quốc đang dùng bữa. Họ vừa ăn vừa cắm cúi đọc báo. Ngày hôm sau nàng bảo tôi nàng biết ý định của tôi lúc đó và nàng phải quay mặt đi để che dấu nụ cười. Đang ngồi đột nhiên tôi nhớ đến nàng, đột nhiên tôi có ý nghĩ tôi phải tìm gặp nàng và chỉ cần nhìn mặt nàng lần này, lúc này, là tôi sẽ hiểu rõ ràng nàng còn yêu tôi hay không, Tôi đến trường nàng học, tôi ngồi ở hiên ngoài, nơi ngày xưa khi còn học cũng ở trường đó tôi vẫn thường ngồi trò chuyện cùng bè bạn hoặc chờ đợi ngớt mưa. Tôi ngồi chờ nàng thật lâu. Cơn mưa vẫn tiếp tục. Cuối cùng tôi chạy vào trong trường tìm nàng. Tôi gặp nàng đang đứng nói chuyện cùng mấy người bạn trai cùng tuổi. Nàng rời khỏi đám bạn bè và hai đứa chúng tôi vừa đứng đợi ngớt mưa vừa nói chuyện, những câu chuyện thật nhạt nhẽo. Khi cơn mưa đã ngớt chúng tôi thản nhiên chào nhau ra về, mỗi người đi một ngả đường. Khi nàng đã đi được một quãng xa, đột nhiên tôi quay lại và chạy theo nàng, chạy thật mau, tôi bắt kịp nàng và hỏi nàng còn yêu tôi không. Nàng lắc đầu. Tôi bảo nàng

Il n'y a que trois choses que l'on puisse faire avec une femme, dit un jour Cléa : on peur l'aimer, souffrir pour elle et en fait de la littérature.

Durrell (Justine)

nói. Nàng nói, Nàng nói thêm nàng chưa hiểu tình yêu là gì. Tôi mệt và giận, muốn đánh nàng. Bất chợt tô nhìn thấy bóng tôi trong một tấm kiếng xe hơi : đầu tóc rũ rượi, thở hồn hển, cánh tay lòng không, nước mưa rỏ từng giọt trên khuôn mặt hốc hác, tôi đột nhiên nhận ra khuôn mặt thảm hại của tình yêu, tôi đột nhiên có cảm tưởng đã sống hết đời tôi, đã sống hết mối tình. Tôi bảo nàng đi về, tôi bảo tôi đi về. Tôi hiểu rằng tình yêu của tôi đối với nàng đã hết)

Phát hành trong tháng này

CẢNH TƯỢNG

ĐÊM NAY

TẬP TRUYỆN NGẮN ĐẦU TAY CỦA

VIÊN LINH

Thời Mới xuất bản

vũ hoàng chương, tiếng thở dài của phương đông trầm mặc

«Ôi Lý Bạch Trang Chu đường chim nẻo Nguyệt
Đời họa còn ta là theo vết người xưa..»
VHC.

NÓI đến Vũ Hoàng Chương là nói đến dòng thời gian xa thẳm mất hút trước tầm mắt, là nhắc đến vùng bao la dầy đặc như lớp khí quyển vây quanh trái đất tạo nên ứ đọng với từng ngón hoài nghi, với niềm dằn vặt khôn nguôi giữa sự bứt rời và níu kéo trong một thể xác nửa mệt lả vì yêu thương, nửa giận hờn nỗi thất bại của tâm linh trước sự chia lìa của Thơ và Thực Tại.

Sinh ra đời dưới một ngôi sao tốt. Từ nhỏ, Vũ được đùm bọc trong nhung lụa, được dạy dỗ ở cả hai phía, Tây học và Hán học. Vũ đã hấp thụ, am hiểu văn học Tây phương đồng thời do sự giáo huấn của ba mẹ, Vũ cũng say mê Đông phương qua giáo lý Thánh Hiền và sớm suy tư với triết thuyết Lão, Trang qua cổ thư Trung Quốc.

Sự ám ảnh của thời đại hoàng kim chìm khuất với vóc dang chàng Tư Mã áo xanh trên bờ sông Dương Tử, hay khuôn mặt nang ca kỹ bên Tầm Dương«tay ôm đàn che nửa mặt hoa»,.. đã làm phai mờ tất cả kích thước các nhà thơ lớn phương tây : Hugo, Lamartine, Musset, Baudelaire, Verlaine, Rimbaud đang chiếu sáng trên vòm trời thi ca Việt Nam khoảng 1935-43 với từng người thơ chịu ảnh hưởng sâu đậm kỹ thuật, nhất là tư tưởng vay mượn của nền thi ca miền tóc vang tuyết trắng.

Vũ là tượng hình đứng cô liêu trong vòm trời quá khứ. Ánh sáng của ngọn hải đăng le lói giữa đêm khuya mịt mùng sóng vỗ. Vũ lắng nghe hồn mình trải rộng trên mỗi con nước đại dương và thầm ước sẽ tìm được trong sự luân lưu đó, chút hơi thở của người xưa vọng đến. Nhưng ánh sáng của ngọn hải đăng vẫn le lói hằng đêm và đại dương cứ luân lưu theo chu kỳ miên viễn, hơi thở của quá khứ trôi đi biền biệt không để lại vết tích gì trong vũ trụ bao la, có chăng, chỉ còn lại niềm tưởng vọng giữa sự sống-hôm-nay gửi về cõi chết-hôm-qua bằng môi trường suy cảm. Vũ đã suy cảm và lựa chọn khổ đau, với đam mê hủy diệt. Vũ khước từ công danh phú quý mà cuộc đời đã trao tặng sau những năm đèn sách để tự dấn thân vào thế giới thi ca, tức là mang lấy nghiệp. Sự «đầu thai lầm thế kỷ» mà Vũ đã viết ra, hét to lên trong cơn mê loạn của thể xác đọa đầy, trong nỗi vỏ xé của tâm linh trước cuộc sống khắc nghiệt, nghẽn lối, trước cơn bi phẫn của con chim bị buông tên rã cánh, nhìn trời cao mà không vút lên được, nhìn trái ngọt cây lành mà không vừa an hưởng, nhìn thân phận trôi đi, trôi đi như ảo ảnh để nuối tiếc giấc mơ thành bướm thuở nào.

Thế đó, dòng sống với ngần ấy tê liệt, ngần ấy bi thương, ngần ấy giận hờn trong một xã hội đốn mạt, trong một quốc gia nô vong, Vũ cảm thấy mình đã nhiễm độc và để giải độc. Vũ tìm quên trong chiều sâu của ảo giác do men khói tạo thành. Ở đó, Vũ đón nhận về phần mình tất cả đau thương, qua từng sợi khói lung linh, qua lời hò hẹn chênh vênh, qua tình yêu gục mặt, qua đổ vỡ niềm tin để thoát vào cảm thông với hơi thở mỏi mòn rã bằng hy vọng ! Vũ tiếp thu những giá trị bi thương ấy, những nghẹn ngào câm tiếng đó bằng niềm sảng khoái vỡ bờ. Vũ từ bỏ thực tại như từ bỏ chính bản thân. Vũ lững thững đi vào xứ Mộng. Trong cõi mông lung của tiềm thức, từng hình ảnh xa lìa, khắc khoải đã bám riết lấy suy tư, xiết chặt thân phận Vũ vào chiếc nôi bằng tơ có móc đầy gai nhọn. Sự lìa bỏ bản thân, lìa bỏ thực tại phải được coi như chứng tích. Chứng tích ấy, mỗi ngày mỗi nỗi hằn như vết roi định mệnh mà Vũ đã tự nguyện mang trong trái tim với ước nguyền không hề phai lạt.

Hành trình vào thế giới thi ca của Vũ, người ta không thể không xuyên qua bản chất thực thể của Vũ với tấm lòng rộng mở, với ý hướng chói lòa chiếu rọi vào mỗi dòng, mỗi chữ để cùng đau, niềm đau tâm sự! Vũ, mẫu người thơ đặc biệt, không giống với bất cứ thi nhân nào đã và đang có mặt. Vũ làm thơ để cất lên lời chào, tiếng khóc. Vũ làm thơ để giối dăng ý tình, để tiếp nối hơi thở gửi từ kiếp trước. Cái đau, Vũ khóc ngất trong thơ không phải cái đau cuồng loạn vì bịnh tật của Hàn Mạc Tử, càng không phải cái đau của Huy Cận với «*Chàng là con một người mẹ hay sầu Nên trọn kiếp mắt chàng thường đẫm lệ*» Không, không, cái đau của Vũ nó cao rộng và siêu thoát. Nó có đấy, nhưng nó cũng vô vàn xa vời như chiếc bóng hồ ly, như tiếng nhạc lãnh đạm đội từ cung Hằng thăm thẳm. Phong độ trong thơ Vũ là phong độ của cánh chim hồng hộc bay xuốt ngàn vạn dặm dài, qua bao nhiêu không gian ước định. Thơ Vũ hiện diện như loài hoa quý, ngạo nghễ rung rung từng cánh mỏng cho phấn hương tan vào thinh không gửi đến mọi phương trời, mọi góc cạnh tâm tư đang chới với trong mê muội, trong dục vọng thấp hèn giữa cuộc sống buông trôi.

Hành trình vào thơ Vũ, mỗi con người tự cảm thấy lâng lâng như lạc vào giấc mơ kỳ thú. Thời gian, không gian xáo trộn, quỷ với người là tình nhân, gỗ đá cũng mặc áo linh hồn. Nhưng muốn hiểu thơ Vũ đến kỳ cùng, người ta phải tìm hiểu cả cái dòng sống phức tạp xuyên qua từng khía cạnh ngọt ngào và cay đắng, đã làm Vũ chết điếng sầu đau, tê rời cảm xúc.

TÌNH YÊU VÀ ĐAM MÊ

Đi vào tình yêu là đi vào nguồn vui đau khổ Từ khung trời hy vọng đổ sang vùng địa ngục tối tăm. Từ ánh mắt sáng ngời do lửa yêu đương thắp sáng đến nấm mộ u uất dựng lên giữa cõi sống như một sỉ nhục. Khuôn mặt người đàn bà mang tên Kiều Thu mà Vũ đã ôm ấp mười năm, mười năm nhen nhúm với ước vọng, với chờ đợi não nề, với dặm dai mệt mỏi. Kiều Thu, Kiều Thu, hỡi! người đàn bà may mắn đã được Vũ khóc trong thơ, đã được Vũ vuốt ve với vần điệu gấm nhung, đã được Vũ tôn lên ngai thờ Nữ sắc, nàng có biết chăng, dung nhan ấy đã trở thành bất tử. Người đàn bà ấy giờ đây đang có mặt ở phương nào, đang ẩn mình trong góc cạnh nào của cuộc sống, sung sướng hay khổ đau, đã già hay còn trẻ, hãy ngẩng mặt lên đón nhận nơi đây lời chúc tụng.

Tình yêu mà Vũ đã gửi tặng nhầm nơi không phải thứ tình yêu qua nhanh như gió thổi, như làn chớp ngang trời. Nó ray rứt sượng sùng. Nó tái tê da thịt, cuồng dại tâm linh đến nỗi Vũ phải kêu la:

« Yêu sai lỡ để mang sầu trọn kiếp.
Tình mười năm còn lại mấy tờ thư!»

Biết rằng thất bại và biết được giá trị khổ đau, Vũ muốn tìm quên bằng cách đắm chìm thân phận vào trời say, nhưng không được,

«... Say đã gắng để khuây sầu lẻ gối
Mưa, mưa hoài rượu chẳng ấm lòng đau
Gấm the nào từ buổi lạnh lùng nhau
Vàng son có thay màu đôi mắt biếc?
Tình đã rời đi riêng mình tưởng tiếc
Thôi rồi đây chiều xuống giấc mơ xưa
Lá, lá rơi nằm bệnh mấy tuần mưa
Say chẳng ngắn những đêm dằng dặc nhớ...»

(Lá Thư Ngày Trước, MÂY)

Như thế đó! Tình yêu đối với Vũ là hình phạt nặng nề hơn ân thưởng. Những khuôn mặt đàn bà đi qua đời Vũ, được Vũ nhắc đến trong tác phẩm, đều chập chờn như những bóng ma Từ cô gái tóc vàng đến từ miền tuyết trắng hay ả ca kỹ nổi danh phường Dạ lạc cũng chỉ là hư ảnh. Vết thương tình ái làm Vũ nhức nhối đến bây giờ, trong buổi xế chiều của cuộc đời, vẫn là Kiều Thu. Nó là ung thư đục khoét ở chiều sâu cơ thể. Nó làm cho con người chết mỏi mòn vì ám ảnh, sầu đau. Vũ mang vết thương đó đi lang thang trên mọi nẻo đường đời như mang một số kiếp phụ thuộc.

«Trăng của nhà ai Trăng một phương
Nơi đây rượu đắng mưa đêm trường
Ở đêm tháng sáu mười hai nhỉ
Tố của Hoàng ơi hỡi nhớ thương...»

Ngày 12 tháng 6 là ngày người yêu sang ngang. Sự dứt bỏ này làm tổn thương đến danh dự người trai ngoài hai mươi tuổi. Nhưng, nàng bỏ ta không phải là hết, Ta vẫn mê nàng. Ta là gã si tình ngàn kiếp,

«... Tháng sáu mười hai từ đấy nhé
Chung đôi từ đấy nhé lìa đôi
Em xa lạ quá đâu còn phải
Tố của Hoàng xưa Tố của tôi...

Rồi Vũ thét ngất,

«... Kiều Thu hề Tố em ơi
Ta đương lửa đốt tơi bời mải Tây
Hàm ca nhịp gõ khói bay
Hồ xừ xang xế bàn tay điên cuồng

Kiều Thu hề trọn kiếp thương
Sầu cao ngùn ngụt mấy đường tơ khổ

Xừ xang xế xự xang hồ
Bàn tay nhịp gõ điên rồ khói lên...»

(Mười hai tháng sáu, MÂY)

Niềm bi thảm của tình yêu ứ kéo lê tâm linh Vũ như vết hằn khổ nhục. Khuôn mặt và vóc dáng người đàn bà đó đã gây nên ấn tượng khốc liệt làm Vũ choáng váng đến run sợ định mệnh. Chính vì không đủ can đảm, Vũ chạy trốn thất vọng đi tìm đam mê để giết nỗi buồn dằng dặc. Vũ dìm đời mình vào dòng sông Mê khoái cảm. Vần điệu trong thơ Vũ ngây ngất như ủ say men khói, lãng đãng lạc vào cõi u huyền mộng mị.

Thi phẩm MÂY chào đời năm 1943 là thi phẩm sáng chói nhất của Vũ, vì ở giai đoạn này, Vũ đã sống trọn vẹn với hơi thở thi ca, với quê Nâu lửa đóm bằng máu và hồn. Vũ thiêu dần thân xác chẳng những với ngọn dạ đăng chập chờn hoa bấc mà còn đắm say tiếng cầm ca, sênh phách rộn ràng trong từng đêm dài cửa Ô đau khổ. Vũ muốn xé tan thân phận mình và tiêu hủy cái số kiếp bi đát để tìm về giải thoát, sự giải thoát nào đó có mầu nhiệm hay không, Vũ chẳng cần biết. Vũ nhìn trông trọc vào cõi Hư vô mong soi tỏ bản chất mình qua đốm lửa lung linh mờ ảo.

Ngày rồi đêm, khúc vui, cung buồn cứ đuổi theo nhau chạy luồn trong huyết quản Vũ để biến Vũ thành một tù nhân của đam mê, vọng tưởng. Niềm thương nhớ chắc chẳng bao giờ nguôi, từng nỗi khắc khoải, phân vân hiện hình trong thơ Vũ như chứng minh sự buông thả lênh đênh của một tâm hồn đã quá no đầy oan nghiệt,

«Phơi phới linh hồn lỏng khóa then
Say nghe giọt nhựa khóc bên đèn
Mê ly cả một trời Đông Á
Sực tỉnh trong lòng nấm mộ đen..»

(Hơi Tàn Đông Á, MÂY)

ẢNH HƯỞNG VÀ ĐỐI THOẠI

Tâm hồn Vũ là những sợi giây tơ được căng thẳng trên vòm trời mộng ảo. Một hơi gió, một chớp mắt, một va chạm cỏn con cũng đủ làm

● xem tiếp trang 22

---

bài của TẠ TỴ

nguyên tác La Concierge Érudite của Robert Pinget □ Hoàng ngọc Biên dịch

Một căn phòng riêng của người gác dan. Ở giữa, một cái bàn tròn có phủ một tấm thảm móc dan. Chung quanh có những chiếc ghế thời Henri II. Phía trong là một tủ ly tách lớn cùng thời ngồn ngang những bức tượng bằng thạch cao và bằng đồng. Mỗi bên tủ đựng ly tách có một bức tranh lồng khung mạ vàng và phía dưới là những cây màu xanh trong các chậu che ngoài. Phía trên đầu bàn có một ngọn bách đăng với những chuỗi dài bằng thủy tinh.

Cửa kính lớn ở bên phải có đề chữ «gác dan» mà người ta đọc ngược phía sau. Cửa bên trái toàn bằng ván.

Bà gác dan, bà Trouille, đang ngồi ở bàn, đối diện với khán giả. Bà ta có dáng một con mụ lẳng lơ và điên khùng. Trạc năm mươi. Nhồi phấn quá lố. Trước mặt bà là một bản thảo mà bà đang đọc.

BÀ TROUILLE : (*bà ta đọc*) : Nữ công tước lại rót một tách trà. Công tước đang mơ mộng viển vông vừa hút một điếu xì gà to lớn bỗng giật mình và bảo bà : «Này bà, lại một tách nữa sao ? Bà cũng biết là như vậy bà sẽ không ngủ được đâu.» Nữ công tước cười một cái cười bí ẩn và vẫn không trả lời. Bà không trả lời sao ? Công tước hỏi. Có gì quan trọng đâu, nữ công tước nói. Và bà ném chỗ trà trong táeh vào mặt ông. Công tước bị bỏng rất nặng. Ông ngạt thở. Nữ công tước đắc thắng. Một tên bồi phòng nghe công tước ngạt thở bèn chạy lại. Khi thấy công tước nằm bất tỉnh hắn gọi một tên bồi khác. Rồi chúng vực ông lên giường ông. (*Bà ngẩng đầu lên. Suy nghĩ.*) Giường ông ? Thường quá. Đối với một vị công tước thì ta phải nói sao nhỉ ? (*Bà ta lấy trước mặt một cuốn tự điển những chữ đồng nghĩa và tìm những chữ đồng nghĩa của chữ giường mà bà ta đem kiểm lại.*) Chỗ nằm. Chõng. Bộ ván. Bộ ngựa, Giường lính. Sập. Phản... (1) (*Một lúc*). Ta phải dùng chữ chỗ nằm rồi. (*Bà đọc định nghĩa*). Dùng trong thơ hay trong hành văn cao quý. (*Một lúc*) Được lắm. (*Bà gập cuốn tự điển lại, rồi bỏi bỏ trên bản thảo và sửa lại. Bà tiếp tục đọc*). Lên giường ông. Nữ công tước vẫn đắc thắng. Bà ta không nhúc nhích khỏi ghế mình đang ngồi. Đắc thắng chán đi rồi, bà cầm ống điện thoại và quay một số. A lô ? Anh đấy à ? Em vừa tạt nước trà của em vào mặt hắn đấy. Em đã lấy môt cớ vụn vặt thôi. Hắn hỏi em tại sao em không nói chuyện với hắn. Ồ. Adrien ! Bây giờ chúng ta tự do rồi ! Lẽ ra em có nên giết hẳn hắn không nhỉ ? (*Đến đây có người gõ ở cửa kính*) Cái gì đấy ? (*Người ta nghe có tiếng nói ở ngoài. Bà gác dan đến mở cửa.*)

TIẾNG NÓI Ở NGOÀI : Xin bà vui lòng chỉ hộ phòng của nữ công tước Bois-Suspect.

BÀ TROUILLE : Sân đầu tiên, cầu thang lớn. tầng thứ hai bên phải. (*Bà ta đóng cửa và trở lại bàn. Bà tiếp tục đọc.*) Ồ, Adrien ! Chúng ta tự do rồi ! (*Ngẩng đầu lên suy nghĩ.*) Chúng ta tự do được vài ngày. (*Bà sửa lại bản thảo. Tiếp tục đọc*). Lẽ ra em có nên giết hẳn hắn đi không ? Phạm tội ! Anh sẽ yêu được một kẻ phạm tội chăng ? Tội trạng cao quý ! Em yếu đuối lắm, Adrien ạ. Một người trong dòng họ Bois-Suspect ngày xưa không hề ngần ngại chặt đôi một lúc đến ba kẻ thù. (*Bà sửa lại bản thảo*). Bốn. Em nói gì, cả một đội quân đấy chứ. Anh có biết truyền kỳ của dòng họ Bois-Suspect không ? Nhưng mà anh có biết truyền kỳ là gì không đã ? (*Bà ngẩng đầu lên.*) Đến đây, Adrien phải nói cái gì ở đầu giây kia chứ. (*Một lát.*) Tôi thật là điên, người ta đâu có nghe ông được. (*Tiếp tục đọc.*) Anh bảo sao ? Quý tộc, anh không chú ý đến giai cấp đó à ? Anh thường lắm, Adrien ạ, thường lắm. Em giận đấy. Nữ công tước bỏ giây nói xuống. Bà ngạt thở. Cái thể chất yếu ớt của bà không cho phép bà đi tới thêm nữa. Bà rung chuông gọi người đàn bà bồi phòng và bảo đưa cho bà lọ muối của bà.

(*Người ta nghe tiếng ông Trouille.*)

TIẾNG ÔNG TROUILLE : Tôi có thể vào chứ ?

BÀ TROUILLE : Ông muốn gì đấy ?

TIẾNG ÔNG TROUILLE : Tôi quên cái này.

BÀ TROUILLE : Vào đi. (*Ông Trouille từ cửa bên trái bước vào.*) Người ta không yên tĩnh mà làm việc được nữa. Thôi, lẹ lên chứ.

ÔNG TROUILLE : Người ta hỏi ai đấy bà ?

BÀ TROUILLE: Nữ công tước. Ông quên cái gì đấy?

ÔNG TROUILLE : Cái này. (*Ông ta đến lấy đôi dép trong một góc phòng.*)

BÀ TROUILLE : Từ rày xin ông nhớ xếp nó vào trong phòng đấy ? Như vậy thì làm sao tôi tập trung ý nghĩ được ? (*Bà ta nhìn ông chăm chú*) Ông lại bị rách một lỗ nơi áo nữa sao ? Đến xem (*Ông Trouille lại gần bà. Bà ta nhìn chỗ bị rách.*) Đồ ngu, ông cố tình làm rách đấy phải không ?

ÔNG TROUILLE : Không phải lỗi tôi. Tôi vừa ở bàn giấy ra thì...

BÀ TROUILLE : Lỗi người khác, dĩ nhiên rồi. Thật ông đưa cả lũ tới chỗ phá sản mất. Tôi không thể cứ tranh đấu một mình được.

ÔNG TROUILLE : Tranh đấu ?... Dù sao bà cũng nói quá đấy.

BÀ TROUILLE : Một cuộc tranh đấu kiểu Teuton, ông à.

ÔNG TROUILLE : Sao ?

BÀ TROUILLE : Kiểu Teuton. Nghĩa là của Teuton.

ÔNG TROUILLE : Bà có những ý nghĩ thật lạ.

BÀ TROUILLE : Đó không phải là những ý nghĩ. Đó thuộc về huyền thoại. Thôi, đi đi ông, ông làm tôi phát cáu rồi đấy. (*Ông Trouille đi ra ở cửa bên trái. Bà Trouille tiếp tục đọc.*) Lọ muối của bà. Bà hít rất dài. Bà đã kịp tránh được khỏi ngất. Nữ công tước nằm dài trên một chiếc giường nghỉ. (*Ngẩng đầu lên*). Một chỗ nằm nghỉ. (*Một lát*). Nói vậy đúng không nhỉ? (*Lật tự điển ra lại Đọc lại hết các chữ giường, chỗ nằm, chõng, v.v.*) Có vẻ không đúng. (*Gấp cuốn tự điển lại. Suy nghĩ.*) Chỗ nằm nghỉ... chỗ nằm nghĩ... Ghế bành ! Ghế bành ! (*Bà sửa lại bản thảo. Tiếp tục đọc.*) Nữ công tước nằm trên một cái ghế bành dài. Bộ salon được căng bằng lụa gỗ hồng. Những chân quì bằng đá hoa dưới những tấm kính phản chiếu những ánh rực rỡ đông phương chung quanh bà đội đỡ những cây rất hiếm trong các chậu che ngoài màu đỏ thắm. (*Ngẩng đầu lên*). Chậu che ngoài... chậu che ngoài... (*Lật tự điển ra lại. Tìm kiếm. Không tìm ra*). Không có chữ đồng nghĩa. (*Bà đọc lại*). Những ánh rực rỡ đông phương chung quanh bà đội đỡ trong các... (*Một lát*) màu đỏ thắm... (*Ngẩng đầu lên.*) các... màu đỏ thắm... Bình hoa ? Đội đỡ những cây rất hiếm trong các bình hoa. (*Tỏ dấu chịu. Sửa lạ*

BÀ GÁC DAN THÔNG THÁI

bản thảo. Tiếp tục đọc.) Những chiếc ghế dựa gỗ đào trên tấm thảm Ba Tư được sắp xếp theo hình bán nguyệt như suốt ngày suốt đêm lúc nào cũng đợi chờ những vị đại sứ và những nhà tỉ phú đến ngồi chung quanh một cái bàn tròn xoay đầy mứt kẹo và bánh trái mà những vị này vốn biết những sở thích tế nhị của bà chủ, với sự nhiệt thành của họ, đã không ngớt làm vui lòng bà bằng cách cho đem đến từ những tiệm ngon nhất ngoài phố. Mánh khoé tình yêu mà ! Ai mà nói được những phép thuật của mình ! Cả cuộc đời người đàn bà, linh hồn của một xã hội tổ chức theo những định luật của con tim ! (*Bà ngẩng đầu lên.*) Những định luật của con tim ! (*Tiếp tục đọc.*) Những phong tục quê mùa của ta không phải là không biết những vẻ quyến rũ của những phong tục đã làm vẻ vang cho những người mà... (*Bà không thể tự đọc lại.*) những người mà... sự tàn sát ghê rợn ? ... vẻ vang cho những người mà đoạn đầu đài... đoạn đầu đài ? đã tước đoạt mất những phần tử cao quý nhất .. (*Bà sửa lại. Tiếp tục đọc.*) Sự tàn sát ghê rợn của đoạn đầu đài đã tước đoạt mất những phần tử cao quý nhất.

Nỗi buồn của những cuộc cách mạng đẫm máu ! Sự kinh tởm những cuộc khích động dân chúng ! Những bầy thú hăm hở diệt trừ đóa hoa của một nền văn minh rạng rỡ, những đoàn người gầm thét, những đám tiện dân khát vọng ! Những phế tích, những phế tích bốc tỏa máu những nạn nhân ! Những cuộc lễ hy sinh ! Những cuộc lễ hy sinh ! (*Có người gõ ở cửa kính*) Gì đó ? (*Người ta nghe có tiếng nói ở ngoài. Bà gác dan đến mở cửa.*)

TIẾNG NÓI Ở NGOÀI : Xin bà vui lòng chỉ hộ phòng của nữ công tước Bois-Suspect.

BÀ TROUILLE : Sân đầu tiên, cầu thang lớn, tầng thứ hai bên phải. (*Bà lại đóng cửa và trở lại bàn, ngồi xuống*)

TIẾNG ÔNG TROUILLE : Người ta hỏi ai đấy bà ?

BÀ TROUILLE : Nữ công tước. Ông không quên cái gì chứ? (*Bà lại cầm bản thảo lên. Đổi ý. Đứng dậy, đến lấy một bức tranh trong tủ đĩa bát và nhìn.*) Versailles ! Chuỗi hạt của hoàng hậu ! Đứa con của Đền Thánh !(*Bà đến ngồi xuống lại. Tiếp tục đọc.*) Nữ công tước thấy diễn qua trước đôi mắt của tiềm thức bà những cảnh tàn khốc của lịch sử hiện vẫn còn đánh dấu một cách sâu đậm trong những... (*Ngẩng đầu lên. Tìm kiếm.*) Trong tâm can. (*Bà viết. Tiếp tục đọc.*) Trong tâm can những kẻ còn sống sót bây giờ. (*Một lát.*) Bà cảm thấy cô đơn, cô đơn vô cùng. Bà sẽ ra sao đây ? Bà không yêu công tước. Bà vừa chứng tỏ bà khinh ông ta đến độ nào rồi. Từ trước bà vẫn khinh ông ta. Sự khinh bỉ giết chết dần dần. Công tước chỉ còn là cái bóng của chính ông ta. Ngay những ngày đầu tiên đám cưới, nữ công tước cảm thấy trước cái hố sâu chia rẽ hai người rồi. Một hố sâu không thông cảm. Liền sau đó là sự dày vò cắn rứt. Do lần đám cưới thứ nhất, công tước có được một người con ...(*Bà sửa lại bản thảo. Tiếp tục đọc.*) Do lần hôn nhân thứ nhất, công tước có được một người con mà nữ công tước không làm sao yêu được, vì tìm thấy nơi thằng bé yếu ớt đó tất cả các vết sỉ nhục của người cha. Cái hố sâu giữa bà và chồng bà mỗi ngày lại càng sâu hơn, không những bị đào xới bởi việc hai người không hiểu được nhau, mà còn bởi sự hiện diện của thằng hé Patriceg Cho đến ngày thảm kịch bùng nổ. Người ta tìm thấy thằn. bé nằm chết trên giường. Có tiếng đồn rằng cái chết đó không được tự nhiên. Nhưng người ta đã bưng bít những tiếng đồn đó đi. Công tước và nữ công tước ra đi về miền biển ở và chỉ trở về... (*Bà ngẩng đầu lên.*) Ra miền biển ? (*Một lát*). Đi trượt tuyết trên núi. (*Một lát*). Đi Ấn Độ ! Đi Ấn Độ ! (*Bà sửa lại. Tiếp tục đọc*). Và chỉ trở về hai năm sau. Họ nối lại tình thân hữu với bạn bè rất nhanh nhờ tiền của lớn lao của họ. (*Ngẩng đầu lên.*)Tâm lý thật hay. (*Tiếp tục đọc.*) Những cuộc lễ lại bắt đầu trở lại, những cuộc vui và những cuộc khiêu vũ. (*Có người gõ ở cửa kính.*) Gì đó ? (*Cùng một cách diễn. Bà ta đến mở cửa.*)

TIẾNG NÓI Ở NGOÀI : Xin bà vui lòng chỉ hộ phòng của nữ công tước Bois Suspect.

BÀ TROUILLE : Sân đầu tiên, cầu thang lớn, tầng thứ hai bên phải. (*Một lát.*) Hôm nay có tiếp tân ? (*Một lát.*) Một tiệc rượu ? (*Bà đóng cửa. Trở lại chỗ cũ ở bàn. Sửa bản thảo.*) Những cuộc lễ lại bắt đầu, những tiệc rượu và những cuộc khiêu vũ.

TIẾNG ÔNG TROUILLE : Người ta hỏi ai đấy bà ?

BÀ TROUILLE : Tiệc rượu ở phòng nữ công tước.

(*Ông Trouille đi vào.*)

ÔNG TROUILLE : Sao ?

BÀ TROUILLE : Tiệc rượu.

ÔNG TROUILLE : Họ sắp quấy rầy ta như vậy suốt đêm rồi đấy. Tôi sẽ móc một tờ cáo tri. Nữ công tước ở tầng thứ hai. (*Ông ta lấy một miếng giấy trên bàn và bắt đầu viết.*)

BÀ TROUILLE : Nếu có ai bị quấy rầy thì tôi cho rằng người ấy chính là tôi đấy. (*Một lát. Bà nhìn ông ta viết.*) Hãy viết bà nữ công tước.

ONG TROUILLE : Tôi biết rồi.

BÀ TROUILLE : Ông biết, ông biết ! Ông mà biết cái gì, hạ cái đồ bạc nhược khốn khổ kia ?

(*Ông Trouille đến móc tờ cáo tri trên cửa lớn*)

---

(4) Chữ phóng tác.

Le temps est un enfant qui joue, en déplaçant des pions; la royauté d'un enfant — Héraclite

NGUYỄN. Anh Nguyên. Tên gọi đã lâu lắm mới nghe, cũ kỹ như tấm áo mặc trên người. Chiếc áo không còn đứng, trùng buông kéo tri trên vai, lông trụi như chó già.

Nguyên. Nghe rõ không? Giọng nói sạch trơn, thánh thót. Không vướng bợn chút âm thanh của quá khứ. Của dĩ vãng. Hiện tại ôm ấp, đầy ắp, vĩnh viễn như một khúc nhạc.

Người đàn ông ria mép đen nhánh, ít nhất trẻ hơn Phương năm bảy tuổi. Cặp môi hở, đôi mắt nheo lại lúc nào cũng như đang cười, dáng cao gầy xương. Phong thái ung dung, tự chủ, mỗi cử chỉ đều đắn đo lịch lãm đóng đúng vai người chồng học thức, kém tuổi nhưng chế ngự được vợ. Người bạn cùng lớp, cùng loại, sốc nổi bộp chộp hơn. Con nhà giàu, du học Âu Châu, một chức vụ quan trọng trong xã hội này. độc thân, phong lưu sành sỏi.

Phương ngồi giữa hai người đàn ông nhỉ nhảnh vui đùa, biết mình được săn sóc, chỉ nhìn thấy mình soi chiếu trong mắt những người khác.

— Bao giờ thì anh định lấy vợ? Cả anh Lộc nữa?

— Tôi sợ đàn bà. Nhất là đàn bà Việt Nam.

— Anh có sợ tôi không?

— Cái đó chị phải hỏi Minh: « Toa » có sợ bà đầm « toa » không?

Họ cùng cười. Minh nghiêng đầu nhìn vợ, Phương quay mặt tủm tỉm. Que diêm xoè phụt và bị tắt. Ngọn lửa, hơi xanh biếc thuôn dài, nhún nhảy tay Lộc đưa tới. Thuốc đã cháy thành tro trong nõ.

— Anh Lộc. Anh chưa mời tôi nhảy bài nào.

— Hân hạnh được mời bà Minh.

Sàn nhảy thêm hai đôi mới. Đèn tắt bớt, như bị huyễn hoặc bởi tiếng kèn và hơi rượu. Phương nhảy ngoài xa mềm mại thành thạo. Minh ra dấu gọi bồi đến nói nhỏ vào tai.

Sự trở thành bi đát... Người ta phải nhìn thấy sự trở thành, phải được nhìn thấy...

— Anh Nguyên. Tôi rất tiếc chưa đọc quyển sách nào của anh.

— Không, tôi đã in quyển sách nào đâu.

— À. Chắc anh đang viết một quyển. Nếu anh định lên trên này yên tĩnh làm việc, mời anh cứ coi nhà chúng tôi như của anh. Anh muốn ở đến bao giờ cũng được. Tôi quý bạn cũ của nhà tôi, nhất lại là một nhà văn.

— Cám ơn anh. Nhưng tôi...

— Tôi hiểu tính nghệ sĩ của các anh. Tôi trước kia, thú thật với anh tôi cũng có mộng trở thành nghệ sĩ. Bây giờ tôi là bác sĩ nhưng tính tôi vẫn còn nghệ sĩ.

Anh dùng thêm rượu nữa.

Gió lộng xung quanh nhà, ở ngầm, trên mái. Gỗ thật dầy, nặng. Lỗ tai như hang sâu hút. Đèn vụt tắt trong vài giây, đêm lùa vào không trông, thấy nỗi đầy trong phòng rộng.

Nỗi rét mướt của những mùa đông đã chôn vùi.

Cô bé ngồi thẳng trên ghế, mặt sáng trong màu hồ phách, mái tóc ôm nửa gáy, cổ vươn khỏi chiếc áo len chui như một con hươu, cầm nhọn hơi nghênh lên. Phương trở lại bàn, kéo ghế bên cạnh chồng. Lộc đỡ lưng ghế khuất mờ.

— Anh Nguyên không nhảy? Anh mời cháu Quỳnh đi.

Nụ cười phảng phất mờ tỏ không đậu trên môi, cô bé nắm hai tay ghế, người ngả về phía trước, sẵn sàng đứng dậy. Phòng đông hơn, có những người ngồi ở gần. Minh khoát tay: Khoan đã, sau mục nầy. Người bồi bàn bưng khay champagne đến, dọn dẹp bàn, bày ly mới.

— Champagne. Được, được.

— Dành cho anh Nguyên vinh dự..,

— Tôi, hả?

Nút chai bắn nổ, đụng vào một vật cứng rơi xuống sàn, bọt bắn tóe tan trên tay, trong tiếng reo ngắn của những người ngồi.

— Chị... Chị Minh... mừng chị. Chưa, chưa đủ đâu. Tôi còn xin phép mời một cốc nữa. Sau đã. Anh Minh... Hân hạnh được quen anh. Anh... Tôi không say. Anh Lộc... Xin lỗi, tôi nhớ không lầm tên chứ? Tôi... tôi xin nhận phần cuối cùng... Quỳnh... đưa cốc đây. Cháu phải uống rồi chú mời cháu nhảy một bài... Một bài thật dài... dài... như truyện cổ tích. Uống đi, không sao, cháu phải uống mừng.. Mừng ai chốc nữa chú nói riêng cho Quỳnh biết...

Sự im lặng bất ngờ đập nhẹ vào tai. Dường như Phương không bằng lòng, ngoảnh mặt trò chuyện với Lộc. Minh nở nụ cười bao dung kẻ cả.

— Xin phép anh... để tôi được mời chị.. như một người bạn cũ. Anh đồng ý không?.. Cốc này là dành cho cô Phương... Cô phải uống hết...

Phương gượng cười liếc chồng hỏi ý. Lộc chăm chăm nhìn vào mặt.

— Nếu cô không uống hết... là cô...

Minh cười nói một câu gì sau lưng. Lộc bảo:

3

truyện dài

thanh tâm tuyền

Anh uống đi chứ, coi chừng cốc của anh đổ hết. Nhiều cặp mắt đang nhìn ngó. Cây đèn lồng gắn trên cột suýt đụng vào đầu. Say thật hay sao? Điếu thuốc lá của ai, gắn trên môi từ bao giờ tắt ngóm, tàn ướt đen không rơi.

— Bây giờ xin phép anh chị.. tôi nhảy với cháu Quỳnh.

— Anh còn vững không?

— Sao lại không? Tôi sẽ nhảy như bay điệu Pasodoble.

Minh gỡ điếu thuốc còn ngậm dính: Để tôi hút cho. Sàn nhảy đông vui thấp thoáng. Cô bé đã đứng ở một góc dưới thấp nhìn lên, mắt như hai điểm sáng chiếu thẳng, váy bó lấy đôi chân.

— Quỳnh đấy hả?

Quỳnh đấy hả?

Buổi chiều thấp, đặc. Mưa bám trên áo. Chuyến xe buýt vắng ra ngoài thành phố, cô bé ngồi thu trên băng đối diện, mắt chiếu vu vơ vào những người lạ. Giống một người quen thân nào không nhớ kịp.

Cô bé đi lên một con dốc, rẽ vào trong cánh rừng nhỏ thưa bên đường, tò mò ngoảnh nhìn kẻ lạ mặt theo rõi.

— Chú Nguyên, chú say rồi.

Cô bé cười khúc khích, bấm vào bên vai, điều khiển bước nhảy len lỏi giữa đám hội tưng bừng. Nhịp rộn rang, dồn dập. Hơi thở mệt trống buồng ngực, chân liu quíu chuệnh choạng. Men rượu bay bám quanh mặt như ánh sáng quay chấp chới. Cái áo nặng lòa xòa như anh hề. Cô bé cúi nhìn dưới chân, dấu nụ cười nửa miệng.

— Chú Nguyên. Chú chóng mặt không?

Càng về cuối nhịp càng thúc hối. Đột nhiên buông tay đứng thỏng giữa đám hỗn loạn say sưa. Cô bé ngước mắt, quan sát.

Nỗi vui khuya xa, như một lối mòn·

■ *còn nữa*

HOÀNG CẦM

Trong kháng chiến chống Pháp, Hoàng Cầm được phong tặng là nhà thơ đuổi giặc. Bài Bên Kia Sông Đuống sau đây là một điển hình. Từ 1956, sau khi đứng vào nhóm Nhân Văn Giai Phẩm chống lại nhà cầm quyền Hanoi, Hoàng Cầm đã như một cánh chim bị giam, im hẳn tiếng trong sinh hoạt văn nghệ ở Miền Bắc.

bên kia sông Đuống

Em ơi !
Buồn làm chi !
Anh đưa em về bên kia sông Đuống
Ngày xưa cát trắng phẳng lì,
Sông Đuống trôi đi
Một giòng lấp lánh
Nằm nghiêng nghiêng trong kháng chiến trường kỳ
Xanh xanh bãi mía bờ dâu
Đứng bên này sông sâu luyến tiếc
Sao xót xa như rụng bàn tay

Bên kia sông Đuống
Quê hương ta lúa nếp thơm nồng
Tranh Đông Hồ, gà lợn nét tươi trong
Màu dân tộc sáng bừng trên giấy điệp
Quê hương ta từ ngày khủng khiếp
Giặc kéo lên ngùn ngụt lửa hung tàn
«Chó ngộ» một đàn
Lưỡi dài lê sắc máu
Kiệt cùng ngõ hẻm, bờ hoang
Mẹ con đàn lợn âm dương
Chia lìa trăm ngả
Đám cưới chuột đang tưng bừng rộn rã
Bây giờ tan tác về đâu ?

Ai về bên kia sông Đuống
Cho ta gửi tấm the đen
Mấy trăm năm thấp thoáng mộng bình yên
Những hội hè đình đám
Trên núi Thiên Thai, trong chùa Bút tháp
Giữa huyện Lang Tài
Gửi về may áo cho ai
Chuông chùa vãng vẳng nay người ở đâu ?
Những nàng môi đỏ quết trầu
Những cụ già bay tóc trắng
Những em sột soạt quần nâu
Bây giờ đi đâu ? Về đâu ?

Ai về bên kia sông Đuống
Có nhớ từng khuôn mặt búp sen
Những cô hàng sén răng đen
Cười như mùa thu tỏa nắng.
Chợ Hồ, chợ Sủi người đua chen
Bãi Trầm chỉ, người giăng tơ nghền lỗi
Những nàng dệt sợi
Đi bán lụa màu
Những người thợ nhuộm
Đồng tỉnh, Huê Cầu
Bây giờ đi đâu ? Về đâu ?
Xi xô cướp bóc
Tan phiên chợ nghèo
Lá đa lác đác trước lều
Vài ba vết máu loang chiều mùa đông

Đêm buông xuống giòng sông Đuống
Con là ai ?
Con ở đâu về ?
Hé một cánh liếp
Con vào đây bốn mảnh tường che
Lửa đèn leo lét soi tình mẹ
Khuôn mặt bừng lên như dang nắng
Ngậm ngùi tóc trắng đang thầm kể
Những chuyện muôn đời không nói năng

Đêm buông sâu xuống giòng sông Đuống
Ta mài lưỡi cuốc
Ta uốn lưỡi liềm
Ta vót gậy nhọn
Ta dũa mác dài
Ta xây thành chiến thắng ngày mai
Lao xao hàng cây bụi chuối
Im lìm miếu đổ chùa hoang
Chập chờn đom đóm bay ngang
Báo tin khủng khiếp cho giặc kinh hoàng
Từng tiếng súng vang vang
Trong đêm khuya thoảng cung đàn tự do
Thuyền ai thấp thoáng bên hồ
Xóa cho tan hết những giờ thảm thương

Đêm đi sâu quá giòng sông Đuống
Trại giặc bắt đầu run trong sương
Giáo lòe giữa chợ
Gậy lùa cuối thôn
Lúa chín vàng hoe giặc mất hồn
Ăn không ngon
Ngủ không yên
Đứng không vững
Chúng mày phát điên
Và quay cuồng như đứng trong đống lửa
Mà cánh đồng ta còn chan chứa.

HOÀNG CẦM

TRẦN TUẤN KIỆT

tiếng vọng

Cũng không cần từ chối một thế giới trong
đó mình không còn gì
Cũng không vinh dự lớn lao gì khi mình trần
trề nguồn đau thương tuyệt vọng
Hỡi đêm thâu chiều đã tắt
Chiều đã tắt nhưng khuyên đêm đừng quên
Vì sao hôm đã báo hiệu rực rỡ ngoài trời
Như một hạt giống đầu tiên gieo nên cánh
đồng sao óng ánh
Ta như một lão già trên cánh đồng cỏ
quạnh đó
mắt đã mù mờ mà nghe rõ lắm
tiếng khua động mơ hồ và hồi hộp
như thủy ngân
đó là giọng hót thanh thản vô cùng
của loài chim ngũ sắc trong hồn ta

bạch vân

Thượng Đế người dệt vải
Quăng thoi nhật nguyệt sầu
Tháng năm đờ đẫn lại
Lá vườn rơi về đâu
Hồn ta như mây trắng
Giàn lên bao vòm cầu

NHÃ CA

thơ về một ngày

hết một ngày lúc lắc
trên mặt kim đồng hồ
chiều đời tôi ngơ ngác
trên trán buồn tỉnh khô

chẳng phải cần trang điểm
nhan sắc tự chin muồi
soi cho mình quen thuộc
gương với bóng cùng cười

đời sống ta sẵn đó
nhận khẩu phần và nhai
nhai xong chùi mặt mũi
coi xem mình giống ai

hãy nán thêm vài phút
chờ coi ngày bỏ đi
chờ coi đêm tiếp tục
chờ coi, ăn thua gì.

VIÊN LINH
chính lộ

Je me retrouve avec mon amour
ANDRÉ FRÉNAUD
(Pour ne rien perdre de ma vie)

I

Tôi gặp ông ta giữa một con đường
Bèn cúi hỏi cụ ơi, lối nào là đúng hướng
Ông mắt khép như cái nhìn lạnh nhạt
Dửng dơ vươn ngọn gậy chỉ lui

Phía sau lưng tôi chính đường anh phải tới.

Hôm ấy trời mưa
Mũ đội đầu thân che vải
Tôi lần đi, chân cấu đất lầy
Ngược chiều người tóc bạc

Sống là chung vấn đề
Song mỗi người một cuộc

II

Trong một hoàng hôn xám
Cây héo nỗi bi thương
Mặt đất với thiên tai hoạn nạn
Nở bừng trái ngẫu sinh.

III

Đối diện trước rừng ảo vọng
Tôi vỡ tung ngàn hạt lệ hân hoan
Phủ xuống em cơn nức nở
Mưa đến đầy trời
Da kéo máu hồng tươi thân thể mới.

Hôm qua mọi người lên Núi Sọ
Đau khổ oằn vai
Tôi rảo bước ngược chiều dốc đó
Tìm hạnh phúc đâu đây

Có nắm tóc bảo mày Giu-Đa
Không giữ nổi đôi chân dục vọng.

IV

Tôi gặp ông ta tại một bờ sông
Bèn hỏi cụ ơi, nơi nào tôi trở lại
Ông cúi mắt khép như cái nhìn lạnh nhạt
Dửng dơ vươn ngọn gậy chỉ lui

Phía sau lưng tôi chính đường anh phải tới

Có đóng đinh gọi tôi này nọ
Không phong thần nổi kẻ hồi sinh,

V

Sau bao nhiêu đau đớn anh đã trở về
Ôm kín em trong lòng dục vọng
Ngửa cổ thở hơi sương
Hồn nở bình minh đời nắng vàng

Không nỗi thân yêu nào
Rực rỡ bằng khuôn mặt
Phủ dung nhan mưa
Soi người tình chói nắng.

VI

Tôi đã yêu đã yêu
Sau một thời quên lãng
Sắp ba mươi mới thấy ái tình
Làm nức nở trái tim đất sét.

VII

Tôi gặp ông ta trong một nghĩa trang
Bèn cúi hỏi cụ ơi, nơi nào đi tới nữa
Ông mở mắt xếp gọn gàng chiếc gậy
Xuôi tay chân và vĩnh biệt dương gian

Mày sẽ về an nghỉ
Trong chính trái tim quen.

5.1966

PAUL LAURENCE DUNBAR
cuộc đời

Ngủ vùi trong một só sau miếng bánh vụn và
Khóc một giờ sau một phút cười và
Lo lắng triền miên sau chốc lát vui và
Đớn đau trùng trùng khi nụ cười chưa nở và
Như thế đó cuộc đời.

TRẦN KIM VŨ
dịch bài Life trong tuyển tập Poème célèbres

son nam

TIỂU THUYẾT PHONG TỤC

30

vạch một chân trời

HAI Tam, Hai Tứ gì ! Mênh mông thiên địa mà ! Còn cái vụ tìm vàng thì đừng hòng. Tôi nghe người ta đồn đãi nhưng có gặp đâu. Anh Hai ở đây cho vui, muốn ở bao lâu thì ở. Biết nghề trị rắn là quí lắm.

Lão thầy rắn hỏi :

— Tại sao ông anh tên là Chòi Mui ?

Lão Chòi Mui kể lại vài đoạn đời lưu lạc, từ Vĩnh Long đến ven rừng U Minh gần bờ sông Cái Lớn. Hồi mới đến xứ nầy, lão đánh liều vào rừng đốn củi đem bán Nhưng khổ thay, chở củi đến nơi nào cho có người mua, ở xứ quá nhiều cũi ? Muốn chở củi, phải sắm chiếc ghe khá to Người ở chợ Rạch Giá chẳng thèm mua củi,nếu cần, họ cứ ra bãi biển mà đốn hoặc«quơ bậy» mấy nhánh tre khô sau bè nhà.

Chịu không nổi cảnh thiếu thốn cô độc, lão đến gần rạch Nhà Ngan, nơi khá tấp nập, qui tụ hơn mười căn chòi. Dân ở Nhà Ngan chuyên nghề lên rừng ăn ong, tìm ong mật, bán mật và sáp cho bọn tàu buôm Hải Nam.

Nghe nói tới mật ong, lão thầy rắn thèm nhểu nước miếng, sực nhớ rằng hơn mười ngày qua, lão thiếu chất ngọt trong cơ thể :

— Còn mật không ? Ong làm ổ tại đâu ?

Lão Chòi Mui cười hề hề :

— Tới mùa mới có mật. Bây giờ thì kiếm một nhểu cũng không ra. Tìm được bao nhiêu mật thì bán ráo trọi, lấy tiền mua gạo.

— Như tôi là người xứ xa mới tới, nên làm thế nào để kiếm tiền ? Xóm nầy tản lạc hết rồi, chẳng lẽ cứ đôi ba ngày là xảy ra một chuyện rắn cắn ?

Lão Chòi Mui đáp :

— Trước tiên nên kiếm một cái chòi mui !

— Chòi mui là gì ? Ông anh nói quanh quẩn, tôi vẫn chưa hiểu.

— Là một căn chòi mà mình tạo ra dễ dàng khỏi tốn kém. Nó nhẹ nhàng, gọn gàng,... Ông anh thấy mấy chiếc ghe chở củi đậu bên kia sông không? Họ làm cái mui tạm, hình tròn, sườn tre lợp lá. Mùa nầy họ quăng cái mui lên bờ. Khi cần đi xa, họ làm cái mui khác Mình qua đó mà xin một cái mui, để trên nền đất cao ráo là xong chuyện. Xứ nhiều cây nhiều lá nhưng người nào cất chòi, cất nhà là dại dột.

— Họ sợ giặc tàu Ô tới đốt phá ?

— Năm bảy năm, tụi tàu Ô mới gây sự một lần. Mọi khi, tụi nó mua bán đàng hoàng lắm.

Tại sao giặc tàu Ô gây sự ? Lão thầy rắn nhớ tới Hai Tam và con Nhung. Đúng rồi ! Bọn tàu Ô bắt con Nhung và Hai Tam để dẫn đường đi tìm vàng. Hồi ở rạch Ông Rầy, Hai Tam khoe khoang điều đó.

Bắt con Nhung đem về làm vợ, loại trừ Hai Tam, tìm kho vàng. Ba mục ấy hiện ra rõ rệt trong đầu óc lão thầy rắn hơn bao giờ hết.

Đến hừng sáng, lão thầy rắn lại nghe tiếng tù và thổi vang rền phía vàm sông Cái Lớn. Lão Chòi Mui lồm cồm ngồi dậy :

— Mình chạy !

— Chạy về đâu ?

— Sao ông anh gan quá vậy ? Ở lại làm gì ?

Lão thầy rắn cố che giấu tâm sự riêng. Lão muốn rình mò, núp dưới mái lá để theo dõi quân tàu Ô, với hy vọng gặp con Nhung. Lão tin rằng con Nhung sẽ bị bọn giặc dẫn dắt đi, cho đi đầu. Biết đâu, gặp cơ hội may mắn nào đó, con Nhung sẽ chạy trốn. Giặc tàu Ô sống tù túng, dưới tàu, ngoài biển khơi. Chúng nó thèm đàn bà, con gái. Con Nhung là đứa nết na, nhứt định nó sẽ chống cự. Hay là con Nhung đã thất tiết, bán thân xác cho bọn giặc rồi ? Vô lý quá. Đã bắt được con Nhung thì tại sao bọn tàu Ô không bắt được Hai Tam. Hai người ấy trốn xóm Ông Rầy, đi có đôi, trên chiếc xuồng nhỏ.

Lão thầy rắn cau mày, chợt nghe tiếng tù và trỗi lên lần thứ nhì Lão Chòi Mui nói :

— Nếu ông anh ở lại thì tôi đi !

Lão thầy rắn cuống cuồng lên khi thấy lão Chòi Mui khoác áo. Bên ngoài, sương xuống mù mịt. Mấy người trong xóm gọi nhau ơi ới, loan tin :

— Tụi nó vô đông lắm !

Lão thầy rắn nói nhanh :

— Nãy giờ tôi suy nghĩ nên quên trả lời.

Rồi lão ta ngưng giọng, hồi lâu mới nói theo kiểu đạo đức giả :

— Tôi muốn đi theo ông anh nhưng sợ ông anh tốn kém cơm gạo. Ông anh nghèo túng, không ai nuôi nấng. Tôi đi theo tức là gánh của ông anh thêm nặng. Thà tôi núp bờ núp bụi, chết một mình. Chưa làm điều gì có ích lợi cho ông anh mà tôi nhờ cậy miếng cơm manh áo hoài thì khổ nhục quá.

Lão Chòi Mui nói :

— Về chùa với tôi ! Đành vậy ! Ông anh nghĩ thế nào ?

— Ủa ! Ở đây có chùa hả ?

— Có... một cái cổng chùa, trong rừng. Nếu ông anh dám làm bạn với khỉ, với heo rừng thì vô chùa ở với tôi. Ở đó buồn quá, tôi ra ngoài xóm nầy. Nhè gặp bọn tàu Ô ,..xui xẻo quá.

Lão Chòi Mui chạy ra sân, đứng ngóng. Lão thầy rắn nói, giọng nhỏ nhẹ để che dấu sự vui mừng :

— Ông anh sẵn sàng cứu tôi chớ ! Tôi hứa đền ơn xứng đáng. làm công quả trong chùa.

— Thôi cha nội ! giỏi thì coi chừng phía trước, phía sau. Nó tới chưa ? Đem chiếc xuồng dấu trong mé lá đi !

Con đường trước nhà chạy quanh co, làm sao quan sát đối phương được ? Sương lại xuống dày đặc, lúc gần sáng. Lão thầy rắn trở nên dạn dĩ lạ thường. Lão muốn chờ con Nhung rồi lát nữa, nếu không gặp con Nhung thì đi theo lão Chòi Mui tới chùa cũng không muộn. Ngôi chùa ấy được xây cất giữa rừng, chỉ còn một cái cổng thôi. «Có thể là nơi chôn dấu vàng bạc. Chưa ắt đó là chùa Phật. Người Hoa Kiều, người Việt Nam thường gọi là chùa bất cứ nơi nào thờ thánh thần. Lão Chòi Mui là dân thiếu học!»

Để gây sự tín nhiệm với lão Chòi Mui, lão thầy rắn ngồi xuống, nói khẽ :

— Đừng sợ. Tụi tàu Ô sợ bọn mình, tại sao bọn mình sợ nó ?

Lão Chòi Mui đáp :

— Ừ ! Ở lát nữa xem sao !

— Nó thổi tù và là nó lên đường. Nơi xứ lạ quê người, có địa thế hiểm trở, luôn luôn nó dè dặt, tới đâu là hò hét, kêu réo.

— Có lý...

Đột nhiên lão thầy rắn đứng dậy, nắm tay lão Chòi Mui. Trong màn sương trắng xóa, xuất hiện vài bóng đen to lớn. Giọng con Nhung nổi lên tỏ rõ :

— Chạy đi, bà con ơi ! Tụi nó hung ác lắm. Tụi nó kiếm vàng ! Kiếm vàng không được, tụi nó giết bà con mình !

Lão thầy rắn nói với lão Chòi Mui :

— Chạy về hướng nào ?

— Ra sau rẫy, vô rừng. Coi chừng chạy trễ

Lão thầy rắn mừng quýnh, nghĩ ra một sáng kiến thần tình. Lão quát to để con Nhung nhận ra lão :

— Ta là thầy rắn ! Ai dám trốn thì ta cứu !

Hai người nắm tay nhau, chạy miết phía sau nhà, gần rẫy ổi. Bọn tàu Ô xuất hiện, trên mười đứa, hò hét ồm tỏi. Dường như con Nhung đang nói to, giọng của nó bị lấn át.

— Úy trời !

Lão Chòi Mui kêu rú, té sấp xuống đất. Lão vừa vấp vào cái gốc cây. Lão thầy rắn đỡ bạn lên vai :

— Nó tới kìa ! Đừng nói chuyện.

Tuy yếu sức nhưng lão Chòi Mui vẫn gắng gượng, từng bước một. Rẫy ổi đầy cây, mọc loạn xạ, có lẽ là rẫy hoang, chẳng còn hueâ lợi nên không ai chăm sóc. Cỏ mọc lên cao tận gối, tận ngực Vì đuối sức, lão thầy rắn để lão Chòi Mui xuống. Đất quá mềm, ướt át. Ngọn cỏ dâng lên ngập đầu, ngập mắt, không trông thấy gì cả.

— Nó chạy sau vườn, bà con ơi !

Con Nhung nói to, từ ngoài đường cái. Lão thầy rắn im lặng, kính phục sự can đảm của cô gái. Lão suy luận :

— Có lẽ tụi tàu Ô sắp giết con Nhung.

Bây giờ, nếu mình chạy ra đường cái là điều dại dột. Lão thầy rắn nghĩ thầm : Nên chạy trốn, chờ dịp khác.

— Mình chạy nè ! — Lão thầy rắn nói.

Lão Chòi Mui đáp thì thào :

— Coi chừng ! Rẫy ổi tuy rậm rạp nhưng... coi chừng. Ông anh cầm cục đất nầy mà liệng ra ngoài đường cái, liệng cho thật xa. Tụi nó theo dõi cục đất. Trời còn đầy sương, mình dễ rút lui.

Cục đất thứ nhất, thứ nhì đã ném ra xa. Bọn tàu Ô chạy nghe thình thịch, vượt qua khỏi chỗ hai người đang ẩn náu.

Lão Chòi Mui mừng quýnh :

— Bây giờ mình vô rừng cho mau. Mặt trời mọc rồi kìa !

Đôi mắt của lão thầy rắn ngẩng lên : mặt trời mọc trong rừng đầy sương, quả là một kỳ quan. Mặt trời lên cao rồi, hơn hai sào mà chưa phá màn sương. Mặt trời đỏ lòm như cục sắt trong lò rèn. Hai người tiến về phía mặt trời mọc. Sương tan dần, họ không bước xuống bùn lầy nữa. Con đường mòn đầy cỏ hiện ra, cao hơn vùng đất hai bên. Đôi khi cây tràm trốc gốc, nằm chận ngang. Lão thầy rắn hỏi :

— Ai chận vậy? Coi chừng... kẻ thù.

— Bậy nè ! Hễ gió thổi mạnh cây tràm trốc gốc, nằm ngả nghiêng.

Sao không dọn cho trống trải ?

— Cứ để nó nằm đó, như mấy hang đá bí mật, phía trước có tảng đá lấp miệng. Người qua kẻ lại không chú ý. Cái chùa của tôi ở ấm lắm. Cỡ nào nghèo, muốn xa lánh trần gian thì mình vô đó... Bởi vậy chỉ có ông anh với tôi mới biết ở đây có chùa.

— Bao xa nữa ?

— Gần tới rồi ! Vui lắm.

Lão thầy rắn mừng thầm. Có thể đây là ngôi chùa xưa, xây cất từ đời Đế Thiên Đế Thích với những cái tháp bằng đá đã sụp đổ. Lão Chòi Mui là người rất hiền lành, thật thà. «Sống với lão, mình tha hồ thao túng. Tốt hơn lúc nầy mình không nên hỏi nhiều, e tham lam».

Một thân tràm nằm ngả, chận ngang đường. Đây là cây tràm thứ ba mà lão thầy rắn đã gặp. Lão Chòi Mui như không chú ý, cho đó là loại tràm có rễ cạn, bị trốc gốc. Nhưng lão thầy rắn quan sát kỹ lưỡng Bên cạnh gốc tràm có dấu chân người đạp dẫm lên cỏ, dấu chân còn rành rành. Trên vỏ cây tràm, hiện ra vài vết. Như ai cầm dao chặt vào để làm dấu, giống hệt như chữ thập Vỏ tràm bị đứt. Lão thầy rắn nhướng mắt, liếc nhanh : dường như là bai chữ thập.

Bọn người chặt vỏ tràm ấy không theo con đường mòn. Họ vượt qua bên kia đường, để lại vài dấu dẫm nát và hai gốc củi cháy đen. Có lẽ họ đốt lửa, lúc ban đêm, khi trời sáng họ đi tuốt.

Ai vậy ?

Bao nhiêu câu hỏi là bấy nhiêu hy vọng. Lão thầy rắn vừa đi vừa nhìn xuống con đường mòn, Lão đặt ra một giả thuyết: Có thể đây là sào huyệt bí mật của bọn cướp. Bọn tàu Ô chưa dám đi sâu vào rừng để mai phục hoặc bắt bớ lão Chòi Mui tại chùa.

Lão Chòi Mui cười vang :

— Gần tới chùa rồi ! Cảnh đẹp ghê ! Ông anh thích không ? Tư bề chim kêu vượn hú.

— Thích lắm. Nhưng tôi sợ...

— Sợ điều gì ?

Để chứng minh rằng mình là người lương thiện, lão thầy rắn đáp :

— Sợ...lần hồi phong cảnh nầy bị ô uế.

— Còn lâu lắm ! Làm sao nó bị ô uế vì mùi phàm tục được ! Bởi vì ông anh chưa thấy rõ đó thôi. Tôi gọi đó là cảnh chùa chớ thật ra không có chùa chiền gì ráo !

Lại một sự ngạc nhiên khó chịu. Lão thầy rắn hoảng hốt, nghĩ đến vài giai thoại trong truyện Tàu. Bọn gian đạo sĩ luyện lò Bát Quái, lấy xương người làm củi đốt lò. Phải chăng lão Chòi Mui đưa lão tới đây để làm việc hy sinh ?

— Anh Chòi Mui... nói sao ?

— Tôi nói cảnh chùa này buồn thảm lắm.

— Tại sao buồn thảm ?

— Lát nữa sẽ biết.

— Sao anh không nói trước ?

— Nếu nói trước thì ông anh trốn trở về. Buồn lắm, dành cho kẻ già cả thất thời lỡ vận. Kìa ! Chùa của tôi đó !

Vừa nói lão Chòi Mui vừa chỉ về phía bên tay mặt. Một làn khói xám vươn lên, khác hẳn màu xanh của lá rừng.

Lão Chòi Mui nói tiếp :

— Căn chòi trong đó. Nhưng cổng chùa ở trước mặt, ngay bụi cây gừa !

— Sao tôi không thấy cổng ?

— Cổng bị sập rồi ! Mọt mối ăn gần hết nhưng chót cổng có hình... ông Tề Thiên Đại Thánh, một tay cầm cái vòng tròn... tròn vo. Còn tay kia thì ổng cầm cái lưỡi liềm. Chắc là mặt trời với mặt trăng.

— Sao chưa thấy ông Tề Thiên ?

— Ổng bị rớt xuống cổng, tôi để thờ tại gốc cây cho vui...

● còn nữa

Anh Văn dễ học

dễ nói lưu loát

Nhưng : kết quả sẽ không bao giờ đến khi :

— HỌC GẤP

— HỌC LỆ

— HỌC ĐỘT GIAI ĐOẠN

— HỌC CHO MAU hết sách vì : Đó chỉ là Danh Từ và những Danh Từ... Nhưng với thiện chí và kiên nhẫn học tuần tự từ lớp vỡ lòng (khóa 2 tháng).

Do giáo sư Hoàng-Xuân-Chung Tốt nghiệp văn bằng **E. E.** và **P. E. : The Regent London.**

Đích thân dẫn giảng : **39** đường **Yersin** Saigon.

Rồi đây bạn có thể VIẾT, ĐẶT CÂU đúng VĂN PHẠM

Đó là yếu tố tiên khởi dẫn bạn đến sự nói **đúng cách và chính xác**. Khi xuất ngoại, khi dự những kỳ thi vấn đáp cũng như tiếp xúc thường đàm. Có dạy cá nhân. Phiên dịch và những sách mới nhất hiện nay của Gilivray Wright (chỉ nhận 10 người). Nơi học lịch sự như ở Âu châu.

vũ hoàng chương...

■ tiếp theo trang 13

cho đường giây rung lên nức nở. Vũ treo cuộc sống của mình trên những sợi tơ mong manh đó và để mặc cho âm hưởng reo vang tự đáy lòng cô độc. Vũ không nhìn vào cuộc đời có đấy để tìm vị trí thực thể của mình. Vũ xoay mặt đối diện với quá khứ, đối diện với những ước mơ từ ngàn xưa xa vút. Sự đối diện này tạo cho Vũ niềm tin tưởng vì Vũ cho rằng đã tìm thấy ở vóc dáng dĩ vãng, cái-qua-rồi, bình ảnh bản thân hiện rõ trong lăng kính tâm tư. Vũ không chấp nhận cuộc đời có mặt. Vũ nhìn lại phía sau, vẽ lại tiền thân bằng vần điệu. Cả một vòm trời nặng chĩu mây mù, Vũ dùng tâm linh chiếu sáng để nối lại đường giây giao cảm, để khỏa lấp sai biệt của khoảng cách vô cùng rộng lớn. Vũ mơ giấc mơ thành bướm của Trang Chu và hoang tàng với từng bước chân khoáng khoát của Lý Bạch, Đỗ Phủ, Thôi Hiệu, Bạch Cư Dị. Vũ say mê trong tưởng tượng bờ liễu Hàng Châu lả lướt hoặc sóng nước xanh rờn vỗ bến Tầm Dương với nét nguy nga, cao trọng của lầu Hoàng Hạc ngàn năm sừng bóng. Vũ chịu ảnh hưởng sâu đậm của nền thi ca Trung Quốc thuở thịnh Đường và mê triết thuyết vô vi của Lão Tử. Cái «Có» cái «Không» phải chăng là mầu nhiệm? Đêm đêm Vũ thường đốt đèn lên trang sách hỏi người xưa về Ý Thức Huyền vi để mong tìm ra lối thoát cho bản ngã, tài năng,

«..Phải chăng muốn kiếp nặng nề
Từ Hư không lại trở không Hư
Lẽ nào mộng cả thôi ư ?
Người ơi! giọt bể chứa dư tang điền. »
(Bài ca Siêu Thoát, RỪNG PHONG)

Không tin vào giá trị tuyệt đối của cuộc đời có mặt, Vũ nghiêng về hoài cảm. Từ hoài cảm tiến tới hờn giận sự hiện diện của thực tại, một thực tại nhức nhối, nhơ bẩn. Vũ vượt lên, thoát mình vào ảo giác, trộn lẫn cái «Còn», cái «Mất», cái «Có», cái «Không» để đi vào quan niệm bi thương, giận rồi. Vũ vẫy vùng trong mớ hư ảnh do cổ nhân để lại. Vũ kêu gọi từng hình thể xa vời trở về với đối thoại. Vũ cho rằng, cuộc đời hiện hữu không phải là chỗ đứng của mình nên thay vì đối thoại với người sống, Vũ trò chuyện với những vóc dáng mơ hồ chạy lởn vởn trong tiềm thức, hay ẩn hiện sau mỗi cơn say dài men khói. Từng chấm sáng lân tinh xoay quanh đốm lửa hắt hiu tỏa hương mê hoặc. Vũ gọi về tâm sự! Vũ dìu nhẹ thời gian trở ngược vòng vận chuyển. Vũ mơ về thời đại hoàng kim xênh xang nhạc ngựa, gỗ, đá giao duyên. Vũ đối thoại với các linh hồn, ma quỷ bằng lời thơ tiếc nuối,

«... Khi thiêng chừng sớm lìa nhân thế
Dương thịnh rồi chăng Âm đã suy
Quạnh quẽ thu phần thơ bặt tiếng
Lầu hoang chìm dấu cỏ hồ ly
Còn đâu thuở ấy niềm khăng khít
Quỷ với người chung một mái nhà
Trăng bạn, hoa em trầm mối lải
Đèn khuya dìu dặt bóng yêu ma...»
(Cảm Thông, MÂY)

Ma quỷ, Hồ ly đối với Vũ như những người bạn chí thiết. Vũ trao đổi tâm sự với chúng như trò chuyện với các danh nhân, cao sĩ. Vũ mặc áo linh hồn cho gỗ, đá, cỏ, cây,

...«Ái đó – Phải chăng hồn cỏ cây
Bấc thơm dầu quánh nhựa hây hây
Dầu vơi bấc mỏng manh gầy
Bước chân nào bợ ngợ
Hoa đèn lung lay..»
(Nửa Truyện Hồ Ly, MÂY)

Những niềm cảm khái của Vũ không nhất thiết phải đứng nguyên ở vị trí tiếc thương quá khứ với giấc mộng đẹp qua đi không bao giờ trở lại, đôi khi, nó vùng lên bão khí. Sự vùng lên để chứng tỏ một thái độ và cũng để tìm không khí mới cho cuộc đối thoại, vì đối thoại không hẳn là phải chung thủy với một lập luận, chính thực để hiểu biết thêm những điểm khác biệt với chính mình. Từ truyện người tráng sĩ Kinh Kha với đ rờng gươm lỡ dở không thành việc lớn tới tiếng sáo u buồn của Cao Tiệm Ly tiếc thương người bạn đời, đến vị anh hùng áo vải đất Qui Nhơn đã làm đẹp lòng Vũ bằng vần điệu gieo vàng, chuốt ngọc,

«.. Hãy dừng lại Thời gian
Trả lời ta ! Có phải,
Dưới vầng nguyệt lạnh lùng quan ải
Dưới vầng dương thiêu đốt quan san
Lớp hưng phế xô nghiêng triều đại...
Mà chí lớn dọc ngang
Mà nghiệp lớn huy hoàng
Vẫn ngàn thu còn mãi
Vẫn ngàn thu người áo vải đất Qui Nhơn ..»

(Bài Ca Bình Bắc, HOA ĐĂNG)

Đó, tâm hồn Vũ rung lên từng cung bực uyển chuyển, nhịp nhàng theo tiết độ. Tình yêu, hồi tưởng, đam mê, khổ đau, hờn giận đã bủa vây dòng sống nội tâm Vũ, biến Vũ thành một biểu tượng đặc biệt trong thế giới thi ca hiện đại.

NIỀM CÔ ĐƠN VÀ DUNG NHAN CÕI CHẾT

Mỗi con người là một hoang đảo, nếu không có sự liên hệ do cuộc sống tạo nên để ràng buộc nhau trở thành xã hội, quốc gia hay nhân loại. Từ thuở sơ sinh, âm thanh thứ nhất chào đời là tiếng khóc chứ không phải nụ cười. Tiếng khóc, niềm ám ảnh khôn nguôi đối với con người hiện diện. Cái vòng sinh, bệnh, lão, tử như mối giây oan nghiệt thắt chặt mỗi cá nhân vào nghiệp chướng không để ai thoát khỏi, dù người đó là gì chăng nữa. Vũ vào đời với từng bước nhỏ nhẹ, với thân phận tiền oan. Màu áo xanh Tư Mã, Vũ khoác lên đôi vai mỏng manh như một biểu hiệu cố định, đồng thời Vũ cũng mang luôn niềm cô đơn giữa đời sống — một đời sống nô vong – đang đuổi theo sự an hưởng vật chất trước mặt, hay gục đầu trong vũng lầy hoàn cảnh. Vũ ngẩn ngơ giữa cõi đời với túi hành trang chất đầy hoài vọng lẫn bi thương. Vũ hoài vọng đến một khung trời bỏ ngỏ có bướm vàng, lá thắm tình tư suốt bốn mùa giao hưởng, ở đấy, con người được tự do trút bỏ mọi câu thúc hình hài, nhởn nhơ giữa muôn tiếng đàn ca, với thiên tiên vui múa khúc Nghê Thường. Vũ có thể tâm sự trực tiếp với «gỗ danh sĩ», «đá thuyền quyên» như thuở nào trái đất mới hình thành mầm sống. Nhưng Vũ đã sinh ra giữa thời đại cơ khí, giữa hoàn cảnh phức tạp của xã hội Việt Nam nô lệ, nên hoài vọng và niềm bi thương ấy bị dồn nén vào trong để kết tụ thành khối đau buồn đặng đặc. Vũ nhìn lên vòm cao rồi cúi mặt xuống đất. Vũ không tìm thấy lối thoát nào ngoài thi ca. Vũ cô đơn. Mọi cánh cửa đều khép chặt trước mặt. Ba chiều không gian đã đóng kín, Vũ đành đốt tâm tư để mở một chiều riêng cho mình. Ấy đó, niềm cô đơn mà Vũ đã mang trọn kiếp người bật khóc trong thơ,

... «Ai biết gì đâu một cuộc đời
Nhớ thương hờn giận chẳng kể nguôi
Chẳng thương Xuân sớm phai màu tóc
Chẳng nhớ mình đang sống kiếp người
Chẳng đắp cũng non hờn chót vót
Chẳng dâng mà biển hận đầy vơi
Hỏi chi sự nghiệp cùng thân thế
Sông núi – kìa xem – đã lỡ bồi...»
(Giấc mơ Tái Tạo,
TRỜI MỘT PHƯƠNG)

Từ hờn, hận Vũ đi vào bi phẫn.

... «Ai đó mách giùm ta với
Quần gót thế nhân như đàn quạ kia chăng
Hay như mây cao đơn chiếc cánh chim bằng
Ấp ủng cân đai hề trói giam tài năng
Vỡ mộng buông câu hề kho trời gió trăng»...
(Túy Hận Cuồng Ngâm, MÂY)

bài của

tạ tỵ

Chính vì cô đơn quá đỗi nên Vũ b quan, muốn rẫy bỏ nguồn sống đi tìm dung nhan cõi chết. Vũ phác họa cõi chết như một đổ vỡ toàn diện. Con người, sự vật đều mất hẳn. Ý thức về cõi chết la ý thức thực tế. Nhưng thường ra, mỗi người đều ước muốn có được cái chết yên lành cho riêng mình. Vũ không nghĩ thế. Vũ hình dung cõi chết như sự hủy diệt, một tai nạn bãi hùng khủng khiếp với phi thuyền gẫy lái, với trận lụt Hồng Thủy do cơn mưa đổ tự trời cao không giờ tạnh, hoặc cái chết do chính tim óc mình đòi ly khai với thể xác. Cõi chết mà Vũ tin rằng không ai được cứu rỗi dù Ma-vương hay Phật-Như-Lai, dù quỷ Sa-Tăng hay Chúa Trời ! Các vị thần linh đều bất lực vì cái chết này do chính con người tạo ra, con người phải chấp nhận hậu quả. Nói đến cái chết là nói đến niềm hoài nghi cuộc sống. Vũ nói về nó cũng tha thiết, cũng chìm đắm như nói chuyện yêu thương. Một đôi khi sự giả tưởng đưa suy nghĩ đi quá trớn, phóng đại ý nghĩa sự thực, tuy rằng trong thực tế đôi lúc ngẫu hợp, nhưng nó không mang giá trị tuyệt đối. Nó cần thời gian và chứng nghiệm.

Vậy cõi chết Vũ hình dung thấy, phác họa ra, chỉ là ảo tưởng, nếu vạn nhất có thật, chắc chắn không phải là cõi chết con người thèm khát hay tình nguyện. Có chăng, nó chỉ liên hệ đến một mình Vũ với ưu tư thầm kín,

« Cả trái tim tôi.
Cũng đòi biệt thử
Nó quyết đi tìm Thượng Đế
Trên con đường không giới hạn bằng tiếng khóc trong nôi
Và điếu văn trước mồ
Nó hy vọng sẽ đích thân làm nhạc trưởng
Đánh nhịp tưng bừng cho nước lửa hòa âm trắng đen hợp xướng.
Cho bản đồng ca ảo tưởng
Hiện hữu vang lừng sân khấu Hư Vô...»

(Thản Nhiên, TRỜI MỘT PHƯƠNG)

và cơn mưa không bao giờ tạnh,

«... Còn mưa rồi sẽ đến vô cùng
Khối nước đè lên bẹp Thủy Cung
Ngũ đại dương thành tên gọi hão
Năm châu vùi xuống đáy mồ chung ».

(Kiềm Tỏa, TRỜI MỘT PHƯƠNG)

SỰ BỪNG TỈNH VÀ Ý THỨC KHỔ ĐAU

Sau mấy chục năm dài đằng đẵng, Vũ ngụp lặn trong hoài vọng và ước mơ thảng thốt mong tìm siêu thoát. Hình ảnh quá khứ trôi lều bều với dư âm buồn thương lãng đãng ở cuối trời mộng tưởng. Vũ khóc đã khô cong nguồn lệ. Vũ ôm bên mình mối hận lòng cùng tháng năm cách trở. Màu áo xanh năm trước đã tàn phai ý mùa Tư Mã. Bến Tầm Dương nào đó, bênh đênh dăm bầy con thuyền nát, vài nàng ca kỹ già nua ngồi gục đầu lên bờ liễu úa vàng sắc cũ. Vóc dáng «nàng hồ ly» của Bồ-Tùng-Linh thôi về dưới mái Liêu-Trai.Cây thông ngàn xưa vướng mắc. Vũ bừng tỉnh và nhận thức cuộc sống với giá trị thực thể của nó đi theo nhịp tiến hóa. Vũ không thể đứng nguyên chỗ, gõ chậu mà ca như thời Trang Tử. Vũ phải sống, phải ăn, phải thở, phải chịu mọi phiền muộn về vật chất như mọi người. Vũ đau đớn tháo gỡ từng mảnh xiêm tơ vấn vương tâm tưởng. Vũ nhìn thẳng vào cuộc sống ở mỗi góc cạnh suy tư. Vũ chấp nhận thực tại tức là Vũ đã nhìn rõ vị trí kiếp người. Do đấy, lời và ý trong thơ Vũ đã chuyển hướng. Nó trình bày những hình ảnh mới với thể thơ Nhị Thập Bát Tú,

Cánh tay Đô Thị vươn dài
Báo hoa cọp gấm tàn phai mộng rừng
Một thời hương sắc trên lưng
Đồ theo giòng suối rưng rưng bóng tà.

(Rừng Hết Mùa Thiêng, NTBT tập 2)

hoặc,

« Dấu mũ trên chữ A
Là chim bay lộn ngược
Trên nền giấy trắng bao la
Trùng dương vội vàng in lấy bóng
Chim bay dìu mây bay...
. . . . . .
Hỏa sơn cười sặc sụa
Rung chuyển vòng đai biển Thái Bình
Một lần nữa uốn cong lưỡi lửa
Ngún ngụt thi nhau tập đánh vần
Một phụ âm và hai nguyên âm...»

(Khai Sinh, TRỜI MỘT PHƯƠNG)

vần và ý thơ này rất mới chẳng những đối với Vũ mà còn làm bỡ ngỡ người quen đọc Vũ với hàng thơ đẹp, reo vang như tiếng vó ngựa đập lưng đèo. Nhưng không phải cứ đổi mới, cứ thoát xác là xong nhiệm vụ, là tước bỏ được mặc cảm. Vũ càng đi sâu vào cái mới bao nhiêu thì niềm khổ đau lại dâng lên bấy nhiêu. Ý thức khổ đau không buông tha con người đã quá chiều vọng ước. Trong cõ mộng lung của vô cùng, Vũ lại mập mờ nhìn thấy hình ảnh mình thất thểu in trên tấm màn vân cầu. Thời gian cứ trôi bình thản theo nhịp chuyển dịch của Vũ Trụ. Con người cứ mòn mỏi theo tháng năm vô nghĩa. Sự góp mặt tạm bợ này Vũ đã biết, đã suy luận về nó rất nhiều. Bởi vậy, Vũ vẫn coi nguồn khổ não như ân sủng thiêng liêng và giá trị cõi sống không sao thoát được vòng kiềm tỏa của bầy giây tình oan nghiệt. Vũ đối diện với lửa bấc hằng đêm để soi tỏ bản thân trước số phận con người lê thê bào ảnh. Vũ uống từng giọt mật đắng chảy qua tân tri, ngấm vào huyết quản làm khô dần ý sống. Vũ giận rồi, vùng lên nắm chặt lấy khổ đau mà nguyền rủa. Nhưng tiếng thơ oán hờn vẫn vang lên nhịp điệu thê thiết ngàn kiếp không phai,

Đo màn mây sớm nét mưa chiều
Đo cả hơi đàn cả tiếng tiêu
Con số ra tay đè nén mãi
Con người phận mỏng đến bao nhiêu.

(Phương trình số phận, NTBT tập 2)

Con người phận mỏng lắm nếu đem so với phương trình vũ trụ. Con người chỉ là «hạt cát bến sông Hằng», là cái chớp mắt, là vi tí sinh vật đối với thế giới bên ngoài. Khoa học đã chứng nghiệm sự thực bằng phátminh, bằng con số bắt mọi người chấp nhận. Vũ tức giận sự lũng đoạn của khoa học trong địa hạt tâm linh,chính vì vậy. Vũ phải mang ý thức khổ đau, có lẽ, tới khi vắng mặt !

TIẾNG THỞ DÀI VÀ Ý NIỆM GIẢI THOÁT

.. «Từ khi trái đất ra đi
Lệ chia phôi đã xanh rì trùng dương...»

Thơ Vũ là tiếng thở dài của Phương Đông trầm mặc. Tiếng thở dài đó cất lên giữa vòm trời rất đỗi buồn thương, ray rứt trong mỗi vần điệu, trong ngôn ngữ của Thơ. Sau những cố gắng đi tìm cho chính mình luồng sinh khí mới, nếp suy cảm mới, nhưng rốt cuộc, tiếng nói của Vũ vẫn nguyên vẹn là niềm u uất, mệt mỏi, chán chường ! Vũ muốn dìm chết dĩ vãng trong Trời-Quên-Lửa-Khói, nhưng sau mỗi cơn say tự dưới đáy vực, Vũ cảm thấy tâm hồn mình càng lún sâu xuống Địa-Ngục-Quá-Khứ. Nó quật ngã Vũ lúc nào nó muốn. Nó là định mệnh. Nó bám riết lấy Vũ với dằn vặt trường miên, với hờn thương vô độ. Nó nhập vào thơ Vũ. Nó chứng minh sự phai tàn của một thế hệ. Nó có mặt để ghi dấu thời gian như vết xe lướt qua mặt đường lầy lội. Thật vô ích và xiết bao đau đớn, đêm đêm nhìn nhớ thương tỏa dài theo lửa khói rồi chìm lắng vào Hư Vô câm tiếng.

Thơ Vũ là cơn đau đứt nuối với số phận riêng lẻ. Thơ Vũ không chuyên chở những món hàng hợp thời trang cùng chân dung thê thảm của chiến tranh có đấy, hoặc tỏ bầy thái độ trước cuộc đời hôm nay. Thơ Vũ đơn

■ xem tiếp trang 26

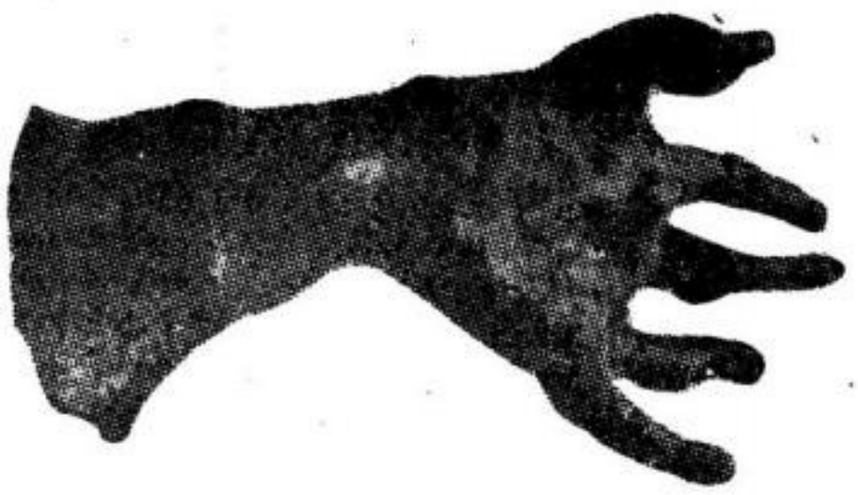

GIÁNG PHÚC

nguyên tác : SCOTT FITZGERALD ▢ bản dịch : HƯƠNG LÂM

Ở trong kia nóng thật. Jarvis cũng công nhận như thế.

Nàng cười trong lúc Regan nhè nhẹ đưa khăn ướt thoa lên trán một cách rụt rè.

— Nàng lại tiếp : Em thấy khỏe rồi.

Mặc dầu tâm hồn nàng không còn căng thẳng nữa, nàng vẫn cảm thấy áo não lạ thường và hèn hạ vì đã lộ cho mọi người trông thấy sự bí ẩn của lòng mình.

VI

Nửa giờ sau, theo con đường chính, nàng từ từ bước về phía cổng vào đầu dựa vào cánh tay của Kieth.

— Chiều nay sao thì giờ đi quá chóng, anh nàng thở dài, anh rất não lòng khi thấy em té xỉu.

— Bây giờ em khỏe rồi anh Kieth ạ, anh đừng lo ngại gì nữa.

— Tội nghiệp em gái của anh quá. Không ngờ lễ ban phước lành lại quá lâu đối với em, có lẽ em đã mệt nhọc vì đi đường giữa trời nắng để vào đây chứ gì.

Nàng tươi cười đáp :

— Đúng ra thì em ít khi dự lễ ban phước lành, em thường đi lễ, Misa cũng đã quá sức rồi

Nghỉ một lát nàng tiếp :

—Em không muốn làm phật lòng anh, anh Kieth ạ, đi đạo Thiên Chúa sao em thấy có nhiều điều bất tiện quá. Bây giờ tưởng người ta theo đạo không phải như trước nữa. Nếu nói về luân lý thì những cậu thanh niên có đạo mà em quen đều tự do phóng túng cả. Hơn nữa, những người hết sức thông minh, họ đọc sách suy nghĩ nhiều lắm nhưng về đức tin họ chẳng có gì.

— Em cứ kể hết cho anh nghe đi — Còn nửa giờ nữa xe mới đến đây.

Họ cùng ngồi trên chiếc ghế dài để bên cạnh lối đi.

— Gerald Carter chẳng hạn, anh chàng này đã xuất bản một cuốn tiểu thuyết. Nghe người ta nói đến sự bất diệt của linh hồn thì anh ta cười đến vỡ bụng. Còn anh chàng Howa.. và một chàng trẻ tuổi khác mà em thường gặp mấy lúc này là Phi Bêta Kappa ở Harvard cũng tuyên bố rằng không có người thông minh nào có thể tin nơi đạo Thiên Chúa siêu phàm mặc dầu anh ta công nhận Chúa cứu thế là bậc vĩ nhân về học thuyết xã hội. Nói thế chắc làm anh khó chịu lắm phải không anh ?

Nàng im không dám nói thêm nữa.

Kieth cười, trả lời :

— Em không thể làm thương tổn đến Thầy Cả vì nhiệm vụ của họ làm cho họ trơ trơ với mọi sự va chạm.

— Nếu thật vậy, nàng tiếp, thì cũng không còn gì đáng nói.

Thiết tưởng mọi sự đều có vẻ hẹp hòi.,. Lấy một thí dụ trong các trường đạo, người ta được tự do bàn về nhiều vấn đề mà chính ngay những người công giáo không dám nghĩ đến như vấn đề hạn chế sự sanh đẻ chẳng hạn.

Kieth lộ vẻ phản ứng nhè nhẹ, nhưng nàng thấy ngay nên tiếp lời :

— Mà bây giờ vấn đề gì người ta cũng đề cập đến cả.

— Anh tưởng như vậy thì hơn.

— Vâng, thế phải hơn, em đã nói tất cả cho anh nghe rồi đấy anh Kieth ạ. Em chỉ muốn tỏ cho anh biết là lúc nãy không hiểu tại sao em lại quá... quá biếng nhác, hững hờ...

— Việc đó không làm cho anh lo ngại đâu em Lois ạ, anh hiểu em hơn em tưởng. Ai cũng qua một thời kỳ khủng hoảng như thế cả nhưng rồi đâu sẽ vào đó, anh chắc như vậy. Đức tin mà chúng ta có sẵn sẽ giúp ta vượt khỏi mọi sự khó khăn.

Anh nàng vừa đứng dậy vừa nói rồi họ cùng đi bách bộ dọc theo đường.

— Em nhớ một đôi khi cầu nguyện cho anh nhé, anh mong thế, anh rất cần lời cầu nguyện của em, Lois ạ, có lẽ vì anh thấy chúng ta đã quá thông cảm nhau nhất là mấy giờ vừa qua.

Mắt nàng bỗng nhiên sáng bừng lên, nàng nói :

— Phải đấy, phải đấy, em cũng cảm thấy tâm hồn em gần anh hơn ai hết trong đời này.

Anh nàng dừng lại dơ tay chỉ bờ lề bên cạnh con đường nhỏ và tiếp :

— Chúng ta có đủ thời giờ để ..

Họ đứng trước bức tượng cao bằng hình người thật của bà Thánh Nữ Đồng Trinh xây giữa mô đá hình bán nguyệt.

Hơi ngượng nghịu nàng quỳ xuống bên cạnh anh cố gắng cầu nguyện nhưng không tĩnh tâm được.

Nàng chưa đọc xong kinh nguyện thì người anh đã đứng dậy. kéo tay nàng lên.

— Anh muốn tạ ơn Đức Mẹ đã ban cho anh em ta được gặp nhau hôm nay, chàng chỉ nói từng ấy.

Lois cảm thấy nghẹn ngào muốn tỏ cho anh biết rằng câu nói đó đã đầy đủ ý nghĩa đối với nàng như thế nào rồi nhưng không tìm ra chữ.

Không khi nào anh quên được cuộc hội ngộ dịp hè này, giọng nói của anh nàng có vẻ run run. Thảy đều được an bài như ý muốn. Em Lois, em chính thật là người anh mong đợi.

— Em rất hài lòng anh Kieth ạ.

— Em biết không, anh nhận được nhiều ảnh của em từ lúc còn nhỏ, trước tiên là ảnh chụp trong thời kỳ thơ ấu, đến lúc đã thành một em bé chân đi dép đang nô đùa trên bãi biển với chiếc gàu múc nước và cái xuổng xúc cát bên cạnh mình rồi đột nhiên đến cô thiếu nữ nghiêm nghị có cặp mắt sáng ngời và vẻ trầm ngâm. Thế rồi anh xây mộng xung quanh hình bóng em. Người nam nhi cần bám vào một cái gì có thể sinh tồn. Em Lois ạ, anh còn nhớ hồi đó anh có ý nghĩ làm sao giữ được bên mình tâm hồn trong trắng của em, khi đời sống không được tươi sáng và ý niệm về Thượng Đế chỉ là một sự mỉa mai, hơn nữa lòng ham muốn, tình yêu thương và bao nhiêu gì nữa đã quay cuồng trong trí óc anh và thúc dục anh : « Kia, hãy mở rộng mắt ra mà nhìn, đấy là cuộc sống ! Mầy đã ngoảnh mặt, xây lưng rời bỏ cuộc sống ! » Chính lúc trải qua thời kỳ đen tối ấy anh thường thấy lởn vởn trước mắt anh linh hồn ngây thơ của em, mỏng manh nhưng thật trong trắng và đẹp tuyệt vời.

Lois không cầm được giọt lệ. Hai người ra đến cổng tu viện, nàng vừa dựa lưng vào cửa sắt vừa chùi mạnh vào mắt.

— Rồi sau đó, lúc em bị đau nặng anh đã qui suốt một đêm để xin Chúa phù hộ cho em giữ em lại cho anh vì lúc đó anh biết anh còn ước ao hơn nữa kia : Chúa đã ban cho anh sự ước vọng thêm nữa. Anh muốn biết rõ là em đang thở và sống trong cùng một thế giới với anh. Anh đã thấy em lớn lên, lòng thơ ngây thanh bạch của em trở thành một ngọn lửa : sẵn sàng soi sáng những linh hồn bạc nhược hơn. Lúc ấy anh cũng ước mong một ngày nào nâng niu con em trong lòng để nghe chúng thỏ thẻ gọi bên tai người linh mục già và khó tánh : «Cậu Kieth».

Kieth có vẻ hân hoan lúc nói chuyện :

— Em Lois của anh nghe nầy, lúc ấy anh còn xin Chúa ban cho anh nữa. anh muốn được đọc thơ em, muốn em dành riêng cho anh chỗ ngồi ở bàn ăn. Anh muốn nhiều, nhiều lắm. Lois cưng của anh ạ.

Nàng nức nở nói :

— Nhưng thật ra anh đã... biết rồi mà, cứ nói là anh biết rồi. Em đối xử với anh như một trẻ thơ, em đâu ngờ anh có thể như vậy, em thật... anh Kieth của em ạ.

Người anh cầm tay nàng vuốt ve nhè nhẹ.

— Kia xe đến. Sau em trở lại nữa nhé ?

Nàng đặt hai bàn tay lên má của anh ghì đầu chàng về phía mình đoạn để mặt còn đẫm lệ sát mặt của anh nói khẽ :

— Kieth, anh ruột của em ơi, một ngày kia em sẽ thổ lộ cho anh biết..

Anh nàng đỡ nàng lên xe. Nàng lấy khăn tay ra, can đảm cười trong lúc người đánh xe vụt roi cho xe chạy. Người ta chỉ còn thấy một luồng bụi bay lên mù mịt. Người thiếu nữ kia đã khuất dạng.

Người anh đứng lại một hồi bên lề đường, tay để lên rào sắt, miệng mỉm cười, bỗng nhiên kêu lên, vẻ xao xuyến :

— «Lois, Lois...

Đến xế chiều, hai ba tu sĩ đi ngang qua thấy Kieth quỳ dưới tượng nữ Thánh Maria, lúc trở về họ còn thấy chàng ở đấy.

Rồi hoàng hôn xuống, lúc ngọn cây bắt đầu rì rào trên không trung, dế đã ra rả kêu, chàng vẫn còn trơ trơ quỳ nguyên chỗ cũ.

VII

Người nhân viên chính phòng điện tín Sở Bưu Điện trung ương Beltimore nhăn răng hỏi người phụ :

— Thế nào ?

— Anh có để ý đến người thiếu nữ không, con người đẹp mang chiếc khăn che mặt có chấm đen. Nàng ở đây rất lâu mới ra. Anh đã bỏ mất cơ hội tốt.

Nàng có gì đặc biệt ?

— Chả có gì nhưng đẹp tuyệt.

Hôm qua nàng đến gởi điện tín hẹn gặp anh chàng nào ấy ở một nơi nào tôi không nhớ rõ. Hồi nãy, nàng trở lại cầm trong tay bức điện tín sắp đưa cho tôi, nhưng bỗng nhiên, đổi ý kiến lại xé đi.

— Kỳ thật !

Ra khỏi bàn giấy, người nhân viên Bưu điện nhặt hai mảnh giấy xé đôi, ráp lại bên cạnh nhau, trong lúc đó người bạn ông ta nhìn qua vai đọc và lơ là đếm xem bao nhiêu chữ. Đúng 11 chữ :

« Đây là lời Vĩnh biệt.
Anh nên sang Ý Đại Lợi.
Lois »

Họ hỏi nhau :

— Thế mà lại xé đi hả ?

HƯƠNG LÂM
Dịch theo bản dịch của Marie—Pierre Castelnan.

sắc đẹp bảo vệ

HẠNH PHÚC TƯƠNG LAI

Ngày tân hôn, chàng là một thanh niên tuấn-tú, nàng là một thiếu nữ diễm kiều.

Họ sánh vai nhau như đôi Loan, Phượng.

Thế mà sau 5 năm hương lửa, rải qua vài lần sanh nở, xuân sắc của nàng đã đứng chựng để bắt đầu đi lùi vào sự tàn phai.

Bây giờ, khi vai sánh vai, người ta không còn thấy ở chàng và nàng sự xứng đôi vừa lứa nữa.

Sự già nua này đe dọa hạnh-phúc tương lai của nàng ! cách khủng khiếp...

Thế nên, người phụ nữ muốn nắm giữ hạnh-phúc tương lai của mình, ngoài yếu tố hạnh kiểm thì sự bảo vệ sắc đẹp vẫn là yếu tố vô cùng quan trọng.

Muốn bảo vệ sắc đẹp lâu dài thì ngay từ thanh xuân đến khi nên không vợ, lúc nào : về sức khoẻ thì căng tập thể dục, về sắc đẹp thì nuôi nưỡng làn da luôn luôn tươi mịn, dhông tàn nhang, vết nám ; không mụn sần, quầng đỏ, không khô khan, nhăn, nhờn v.v... với GRÈM THORAKAO

GRÈM THORAKAO lại có sẵn phấn để thường ngày trang điểm đẹp đẽ dản-dị, đồng thời cũng chống được nắng

Nhà trang trí và đồ gỗ

BEAUBOIS

Sẵn lòng góp ý kiến về trưng bầy căn phòng quý bạn tới một đẹp mắt và một vừa ý lý tưởng

vũ hoàng chương...

● tiếp theo trang 23

côi giữa nguồn sống đang dâng trùng trùng, lớp lớp. Nhưng, chính vì thế thơ Vũ tồn tại.

Niềm chia ly cách trở do núi sông, nhân thế cộng với tháng năm tủi nhục, Vũ đi tìm vùng an nghỉ cho tâm linh. Vũ muốn được giải thoát bằng ý niệm siêu hình, bằng cách phóng hồn vào hư không tuyệt đối. Vũ đi tìm Đạo. Vũ muốn vứt bỏ cái xác phàm hệ lụy bởi cơm áo, yêu thương, hờn giận này đi. Cõi sống làm Vũ chán ngán. Vũ đã uống no đau khổ, hút say phiền muộn! Cuộc đời nào có gì cho ta mong đợi ?

... «*Bụi đỏ phai màu nhân sự*
Trang đạo lý thơm tho từng nét chữ
Mười ngón tay dan díu cõi Vô Hình
Xác tục lâng lâng chờ cơn gió hiển linh
Ai xưa quên ngày tháng hát Vong Tình
Kìa phương Nam, hoa nở ngát lời kinh
Dằng dặc trầm luân mấy độ
Thuyền ta trôi hề ý ta bay
Sương in bóng Nguyệt không mà có
Hay có mà không nhĩ gã say ?»...

(Bài Ca Siêu Thoát, RỪNG PHONG)

Ngọn lửa Từ Bi cháy ngùn ngụt giữa đường nhân thế làm sáng ngời cửa Phật, soi đường cho Vũ tìm thấy chân lý cuộc đời. Vũ dâng hiến linh hồn mình cho đấng Thích Ca, cho cõi Vô Cùng Siêu Thoát. Từ lâu, Vũ nghe được tiếng cá thở than, hôm nay, Vũ đã sõi tiếng rừng cây, Vũ chỉ chờ ngày hiểu được bể sâu của lòng đất là thỏa nguyện ước mơ cuối đường.

Nghe được từ lâu cá thở than.
Hôm nay mới sõi tiếng cây ngàn
Bao giờ tôi hiểu sâu lòng đất
Là thấy đường lên cõi Niết Bàn
(N T B T tập 2)

Là đấy, niềm hoài vọng của con người thơ qua bao nhiêu hệ lụy giờ đây còn lại những gì ? Cuộc đời có không, không có, nào ai biết được, hay cũng chỉ như,

...ca trùng lửa đóm
Cũng hoàn phản hư không dù lăng ngã cổ khâu...
(Tụng Kinh Kha)

Cách đây 23 năm, vào buổi tối đầu Thu, thành phố Hà-nội vừa lên đèn. Gió từ bờ Hồng Hà thổi nghe thấm lạnh. Những chiếc lá đầu mùa đã thả xuống lề đường làm duyên cho thành phố. Nguyễn Đức Nùng, người bạn cùng trường đưa tôi đến gặp Vũ Hoàng Chương tại một căn nhà cổ, sau đền Bà Kiện. Đến nơi tôi gặp thêm Đinh Hùng, Lê Trọng Quỹ cùng vài ba bạn khác. Căn nhà thấp, rất thấp, tối om om. Đó đây từng ngọn dạ đăng cháy lập lờ không soi tỏ mỗi khuôn mặt. Tôi được giới thiệu với Vũ và các bạn. Hình ảnh đầu tiên ghi nhận ở Vũ, đến hôm nay còn in rõ trong tôi như vết tích không hề phai lạt với thời gian, đó là 1 thanhniên mảnh mai chìm khuất dưới bộ bà ba trắng đã ngả màu, nằm nghiêng bên ngọn dạ đăng ma quái. Vũ đưa đưa mắt nhìn tôi mà tôi tưởng như Vũ nhìn vào khoảng trống. Đôi mắt ấy toát ra làn ánh sáng kỳ lạ. Nó lóe lên giống tia chớp rồi vụt tắt giữa màu mây nặng chĩu hơi mưa. Vũ nằm bất động như thiếp vào cơn mơ bỏ dở. Hương nha phiến chập chờn quyến rũ Lát sau nghe chừng đã hả cơn say. Vũ mời tôi vào thăm quê Nâu. Tôi từ chối Vũ phếch môi cười. Toa không chịu vui với em thì đến đây làm gì ? Tôi định trả lời, tôi đến vì mê thơ Vũ chứ không vì khói. Nhưng Nùng đã vội nói — Moa biết, nó chỉ thích thể thao và con gái thôi. Mặc nó! Tôi bẽn lẽn ngồi như cậu bé bị kể tội. Lê Trọng Quỹ nằm gần đấy, cất tiếng ngâm thơ. Giọng ngâm của Quỹ sang sảng, ấm lạ thường. Tiếng thơ dìu theo khói thuốc gây cho tôi ấn tượng là lạ vì chưa một lần được biết. Quỹ ngâm bài « Mười Hai Tháng Sáu » trong tập Mây của Vũ, do nhà Đời Nay vừa xuất bản. Chính thi phẩm này đã đưa Vũ lên tột đỉnh của trời thơ thuở ấy. Vũ gõ que sắt vào thành chén giữ nhịp, đôi mắt nhắm lại như không muốn thấy sự vật xung quanh. Tôi biết Vũ đang trở vào giấc ngủ mười năm lỡ dở. Tiếng ngâm của Quỹ vút lên nhưng bị ngăn trở bởi kích thước không gian chật hẹp nơi đây nó dội lại, trở thành chua chát, não nề. Tôi choáng váng rồi thoát mình a nhập vào không khí cuồng say lúc nào chẳng biết.

Từ buổi ấy, chúng tôi là bạn. Chúng tôi thường gặp nhau, nhưng không một lần, Vũ mời tôi chung say nữa. Tôi mê thơ Vũ đến nỗi thuộc hết tập MÂY lúc nào không hay. Tôi còn thích Vũ ở lối ăn mặc đặc biệt. Vũ thường bận áo gấm màu lam, đi giầy ta, mang khăn xếp, tay cầm quạt và luôn luôn có đem theo cuốn Liêu Trai Chí Dị của Bồ-Tùng-Linh bằng chữ Hán. Vũ đi thất thểu, chậm rãi với phong độ nho gia. Sau đó ít lâu, Vũ về quê nhà ở Nam Định.

Bẵng đi một dạo, cho tới năm kháng chiến thứ ba, tôi mới gặp Vũ tại Đồng Năm thuộc tỉnh Thái Bình, nhân buổi họp mặt Văn Nghệ. Vũ vẫn thế, chiến tranh không làm Vũ đổi thay từ bản thân tới suy nghĩ. Chiếc áo gấm năm xưa đã phai màu gió bụi trường chinh, nhưng phong cách Vũ vẫn y nguyên. Trong thời gian ấy, Vũ làm thơ một phần để tỏ bày thái độ, một phần để nguôi ngoai tâm sự.

...«*Mới hôm nào gác Dì Năm*
Lời thơ ai đẹp tiếng cầm ai say
Tang thương một cuộc ai bầy
Giấc Thiên Thai để trắng tay Lưu Thần
Xa cố đô vắng cố nhân
Trái tim mềm chịu hai lần nhớ thương...»

Lần này chính Vũ ngâm cho tôi nghe trong một quán nước bên bờ đê Giọng ngâm của Vũ ầm đục, thê thiết như vướng nghẹn bởi sương khói quê Nâu. Vũ ngâm thơ như khóc, như hờn tủi, như cơn đau xé ruột.

Qua những giờ phút giao cảm ngắn ngủi đó, chúng tôi lại chia tay với bùi ngùi cách trở Kháng chiến vẫn kéo dài bước chân tuổi trẻ.

Đến năm 1951, chúng tôi lại thấy nhau ở Hà nội. Vũ cho biết đang viết vở kịch thơ Tâm Sự Kẻ Sang Tần. Trong vở kịch thơ này Vũ đã gửi gấm tâm sự mình không ít xuyên qua nhân vật Cao Tiệm Ly. Vũ đã viết 6 vở kịch thơ, mới in 4 và 10 thi tập. Trong số có tập Cảm Thông do Nguyễn Khang dịch sang Anh ngữ và tập Nhị Thập Bát Tú được dịch sang Pháp ngữ do Nữ sĩ Simon Kuhnen de la Coeuillerie với lời tựa của thi hào Ý Lionello Fiumi, cùng một Tuyển Tập cũng do S.K. de la Coeuillerie dịch với minh họa của Suzanne Bomhals và phụ bản của Ysabel Baes Cuốn Tuyển Tập được giáo sư André Guimbretière đề tựa. Thơ Vũ đã vượt biên giới để hòa mình với thi ca Thế giới.

Nhưng viết về Vũ mà bỏ quên hình ảnh người đàn bà tên Oanh — người bạn đời của Vũ — kể như thiếu xót. Người đàn bà ấy nổi danh tài sắc một thời — đã cùng lênh đênh, chìm nổi theo số phận Vũ. Người đàn bà ấy có tình thương yêu vô lượng, có sức chịu đựng phi thường. Sự nghiệp của Vũ hôm nay được thành quả, một phần cũng bởi lòng hy sinh cao cả và ý chí sắt son của tâm hồn khả kính ấy. Trong xuốt mười mấy thi phẩm, Vũ chỉ nhắc đến tên Oanh có một lần, trong tập HOA ĐĂNG. Nhưng thật ra, bóng dáng ấy phảng phất có mặt trên mọi trang thơ vì nó đã dính liền vào thịt da, vào huyết mạch Vũ từ lâu rồi. Vũ rất nhạy cảm nên dễ giận hờn. Thực phẩm trần gian quá đắng cay, Vũ phải ẩn nấp vào trời MÂY để tìm hương vị ngọt ngào cho cuộc sống riêng tư.

Việc nhận diện Vũ hoàng Chương không mấy khó. Cái khó là viết về người cùng thời, hơn nữa, là bạn. Tôi băn khoăn, phân vân trước khi viết vì tự nghĩ, mình không đủ sáng suốt để tìm hiểu Vũ với cái nhìn vô tư.

Nhưng đến lúc này, tôi cảm thấy vơi nhẹ đôi vai. *tháng 5-1966*

MAI THẢO

TRUYỆN DÀI

29

viên đạn đồng chì nổi

NỮ cười ? Được lắm ! Cứ cười. Nhưng Nữ hãy coi chừng. Kẻ cười lớn rồi cũng thể một ngày khóc ngất. Đừng đẩy tôi đến chân tường, đến đường cùng. Kẻ bị đẩy đến chân tường, sẽ phản ứng lại bằng những phản ứng tàn bạo, điên cuồng, liều lĩnh chính nó không ngờ tới và chính nó không kiểm soát được. Bởi nó không còn lựa chọn nào khác. Tôi cũng vậy. Nữ đừng đẩy tôi đến chỗ không còn lựa chọn nào khác. Khi đó chúng ta sẽ cùng chết. Chỉ còn là như thế.

Niệm dằn mạnh từng chữ, nhắc lại câu nói thâm sầu và quyết liệt :

— Cùng chết với nhau.

Một im lặng khác thường chiếm lấy căn buồng tối thẫm sau câu nói của Niệm gợi lên hình dáng ma quỷ lạnh lẽo của tử thần. Đêm chung quanh cũng là một đêm của tử thần. Cỏ hoang. Vườn sương. Thông reo, than vãn. Côn trùng não nuột. Nữ cúi đầu và Niệm cũng cúi đầu xuống. Trên hai mái đầu là sức mạnh vô hình của định mệnh đe dọa một tàn phá hãi hùng. Mỗi người theo đuổi một ý nghĩa riêng. Trời sẽ sáng. Ngày sẽ lên. Một ngày quyết liệt. Tất cả những hy vọng, những mơ ước, toàn vẹn cái trước sau của một đời người thu vào sự quyết định của một buổi chiều mà Nữ và Niệm cùng biết nó đang tới, nó chỉ còn xa cách với đêm sương đang tàn này, một buổi sáng, một buổi trưa. Tối mai, khi bóng tối lại tỏa tấm màn đen mênh mông kín trùm xóm Hạ không tiếng, ai đã chết và kẻ nào còn sống, kẻ nào còn được là người, ai đó đã thành ma ? Xin trời đất phù hộ che chở cho chàng, Nữ thì thầm cầu nguyện. Nàng nghĩ, không lúc nào nàng cần phải bình tĩnh phải can đảm, phải sáng suốt như ở khoảng thời gian sắp tới từ tảng sáng đêm nay đến nhá nhem bóng tối chiều mai. Nàng có cảm tưởng như xóm Hạ chợt có một linh hồn siêu phàm, một sức mạnh ghê gớm. Kẻ nào lọt vào xóm Hạ này, như nàng đang bị giam cầm ở xóm Hạ, như Niệm đêm đêm đi về xóm Hạ hoang vu, xóm Hạ tị hiềm, như Vinh chiều mai sẽ một mình dấn thân vào xóm Hạ để cứu nàng, chỉ còn là một sinh vật bé nhỏ, bất lực, yếu đuối lọt vào cánh tay lồng lá ma quỷ của xóm Hạ. Khi đó xóm Hạ sẽ cất cao điệu cười rùng rợn, bàn tay lồng lá của nó sẽ xiết chặt, xiết chặt lại, đến đứt hơi, đến nghẹt thở, cái bẫy khủng khiếp của xóm cỏ hoang địa đầu giới tuyến này sẽ khép đóng lại như một nấm mồ oan khiên, tiêu hủy không tha thứ bất cứ sinh vật nào giám cả gan lọt vào vùng tiêu hủy của nó. Đàm đang tàn và xóm Hạ hiện hình trong tưởng tượng sao xuyến của Nữ như một lưới nhện khổng lồ. Chiều mai, Vinh không tới đây, nàng sẽ bị giết chết, nàng sẽ chẳng bao giờ được trở về vùng ấm áp bên kia đê, nàng sẽ chẳng bao giờ được nằm xuống, bò qua lỗ hổng đó của hàng rào kẽm gai cuối con đường tắt ấy, để được sung sướng đứng lên bên này hàng rào, trên sân quận, để được tỉnh dậy sau đó, sau cơn ân ái, sau trận tình mê cuồng, xấm chớp, trong cách tay âu yếm của chàng. Nếu chàng đến ? Nguy hiểm sẽ đợi chờ chàng trên từng bước chân, sau từng gốc cây, từng bờ tường, từng bụi cỏ của xóm Hạ thù oán. Nàng làm gì được ? Cho nàng ? Cho chàng ? Không, Nữ nghĩ Nữ không làm được gì hết, chúng nó có súng ống, chúng nó đã bố trí, nàng chỉ là một con mồi nhử cho Vinh tới, nàng biết vậy, nhưng nàng tay không, nàng không làm gì được, nàng chỉ là một người đàn bà yếu đuối giữa một bầy người độc dữ hơn cầm thú. Nghĩ vậy, Nữ chỉ còn biết cầu nguyện. Và hy vọng một mầu nhiệm nào đó xảy ra...

Và Nữ nhắm mắt lại. Nước mắt chảy dàn dụa trên hai gò má. Nữ hướng tất cả sức mạnh của tâm hồn nàng trong khẩn cầu sự mầu nhiệm nào đó sẽ xảy ra chiều mai, trong thông reo rì rượi đầy trời, khi ánh mặt trời nhợt nhạt của mùa đông tàn dần trên xóm Hạ ảm u.

Bên cạnh Nữ, Niệm ngồi bó gối. Thân thể y lạnh toát. Sự bất động như một đớn đau tê liệt. Bên ngoài, đêm loãng dần. Tiếng than vãn bất tuyệt phía rừng phi lao chợt ngừng bặt trong khoảng khắc. Côn trùng cùng bất chợt im tiếng theo. Xóm Hạ lung linh ma quái trong im lặng hoàn toàn. Một vật mờ mờ nhú lên ngoài khe cửa. Buổi sáng đã phảng phất.

●

VINH đẩy cánh cửa buồng ngủ, bước ra, và ngạc nhiên nhìn thấy những vệt sương mù là là tỏa lan sát thấp trên mặt đất khắp khênh của khoảng sân quận lỵ trống trải. Lá cờ đập phần phật trên ngọn cao. Gió lồng lộn ở nhiều khoảng trống không nhìn thấy. Mùa đông miền Bắc, mùa đông giới tuyến kéo dài trên những tầng không gian bao la và sâm ngắt, trên cao ấy là những khoảng rộng không bến bờ hợp thành của trăm muôn hướng gió đi về miên man không ngừng.

Ngoài đê, phía cổng quận, lọt vào tiếng máy nổ của một chiếc xe chở khách sửa soạn lên đường, tiếng máy rú lên, lớn hơn, rồi chiếc xe hiện ra ở một khoảng trống của con đê chạy dài. Chiếc xe nghiêng nghiêng, chạy về phía cổng xếch tơ, Vinh nhìn theo cái bóng dáng lênh đênh của nó trên mặt đê cao, và biết là chuyến xe cuối cùng đã trở về Hà Nội. Xe đậu lại trước bót gác xếch tơ. Thấp thoáng mấy thân hình vạm vỡ cởi trần của lính lê dương chung quanh xe, rồi là cái dóng kiểm soát chắn ngang đường được nhấc bổng lên, một đám bụi dấy lên, và chiếc xe đã khuất lấp tầm mắt sau những vì tường loang lổ của lô cốt sừng sững in trên nền trời xa dần xuống thấp. Đáng lẽ, Vinh đã ngồi trên chuyến xe ấy. Chiều nay là thứ bảy. Chàng đã thu xếp mọi công việc, dự định chiều nay sẽ vượt Hồng Hà, về Hà Nội thăm Hiền và thằng Dũng.

■ **còn nữa**

chuyến xe lôi buổi tôi...

● tiếp theo trang 9

Nhưng một hôm xe điện đã bỏ tôi, xe điện đã làm tôi đi học trễ. Hôm ấy, trời lạnh cóng, tôi thèm nằm trong chăn ấm quá nên dậy muộn. Khi vú em – « vú em Dốc Lã »— mặc quần áo, quấn « fu-la » cho tôi xong thì đồng hồ đã chỉ 7 giờ. Tay ôm cặp, tay cầm khúc bánh mì pa-tê còn nóng, tôi điên cuồng phóng mình trên hè đường, đến chỗ tầu tránh. Nhưng con tầu đã kêu lên leng keng và chạy. Tôi hoảng sợ vừa chạy theo tầu vừa gào lên : « Dừng lại, dừng lại cho tôi lên !». Mặc cho tôi kêu gào, mặc cho tôi chạy bổ nhào bổ chửng, mặc cho tôi khóc, người điều khiển vẫn cho xe điện chạy đi. Khi đã biết rằng bị bỏ rơi, tôi đứng giữa đường tầu, nhìn theo toa cuối cùng vùn vụt lao đi, xa dần, xa dần... rồi bước từng bước vô vọng trên những thanh sắt bắc ngang đường tầu về nhà.

Về đến nhà, tôi bị một trận đòn vì tội dậy muộn và sau đó, được lấy một chiếc xe đạp be bé – trong số xe đạp cho thuê – để đi học. Từ đó, tôi không thèm đi xe điện đến trường nữa và mặc dầu rất sung sướng với chiếc xe đạp con con, với niềm hãnh diện là người đầu tiên trong các lớp tư có xe đạp đi học, mỗi khi nghĩ đến lần bị xe điện bỏ rơi, tôi vẫn thấy thù ghét những người lái xe không chịu ngừng khi trẻ con gọi vô chừng...

ĐỨA TRẺ CON.— *(Nói thầm)* Ông này là gì há ? Ông ta tử tế với mình ghê há ? Có lẽ ông ta là người do Bà Tiên đỡ đầu của mình sai xuống giúp mình há ? Nếu không có ông ta, mình lại lỡ một một chuyến xe nữa ! Bây giờ tối quá rồi, mình chưa về chắc má mong lắm há ? Chắc má với thằng Đực ăn cơm rồi ? Đói quá, con đói quá Bà Tiên ơi ! *(Quay nhìn Văn, sờ lên lon Chuẩn Úy của Văn)* ông làm chức gì đó ông ?

VĂN.— *(Vuốt tóc đứa trẻ con, cười)* Nhỏ lắm : mơi có Chuẩn Úy thôi em à.

ĐỨA TRẺ CON *(Nghiêng đầu)* Chuẩn Úy có súng lục như súng của cao bồi trong phim «Bắn chậm thì chết» không ?

VĂN.– *(Mơ màng)* Hồi học lớp tư trường Quang Trung mình thường mặc quần đen, áo blouson đen, đeo mặt nạ đen, đội mũ đen, đi ủng đen, đeo súng colt giả, làm Zorro...

ĐỨA TRẺ CON – *(Hát)* Ô e Rô Be đánh đu, Tạc dzăng nhầy dù, Sia Rô bắn súng, chết cha con ma nào đây thằng Tây bóp cò thần lằn cụt đuôi: *(Nói)* Em cũng coi phim Sia Rô rồi. Thằng Sia Rô mặc đồ đen, cưỡi ngựa đen, bắn súng « chi » một cây há Chuẩn úy ? Súng của Chuẩn uý có giống súng của thằng Sia Rô không ?

VĂN – *(nói nhanh)* À có, à cũng giống chứ ! Cùng một thứ Colt 45 cả mà !

ĐỨA TRẺ CON – *(giọng kính phục)* «Le» quá ta ! Lớn lên, em cũng làm chuẩn uý, bắn súng colt như cao bồi cho tụi thằng Bầy cà ri « teo » luôn...

Ả ĐIẾM — *(dầu môi, góp chuyện)* Xi trong « phim » hát bóng, người ta giả đò « dậy » mà cũng tin ! Ham lắm.

ĐỨA TRẺ CON – *(cãi)* Sức mấy mà giả đò ! Tui thấy súng thằng cô bồi bốc khói ra rõ ràng, thấy thằng ăn cướp té xuống thiệt, thấy cả máu chảy ra tùm lum nữa nè !..

Ả ĐIẾM — *(lấp liếm)* quê, quê, quê một cục !

NGƯỜI ĐÀN BÀ NHÀ QUÊ – *(cười nhìn Văn thầm gọi)* Con ơi con, hồi mẹ bỏ đi con cũng trạc tuổi này đấy ! Mẹ còn nhớ rõ : buổi sáng hôm ấy khi mẹ dắt con đến Cô Nhi Viện, con đã khóc như mưa và mẹ phải nói dối là mẹ đi chợ, chút nữa về đón con, mua quà cho con, con mới chịu theo Bà Sơ vào phòng nhận trẻ em.

Con ơi, nhìn cái bóng be bé xinh xinh, nhìn khuôn mặt ngơ ngác đầm đìa nước mắt của con, mẹ đau đớn tưởng chừng như đứt từng khúc ruột. Nhưng, mẹ đã phải cắn răng, bậm môi mà đi. Mẹ phải vào Nam tìm ông bà, tìm cha con. Có người ở Nam-kỳ về, nói với mẹ rằng : đã gặp cha con mấy lần ở Sè-goòng và dạo ấy, cha con làm ăn khá giả lắm. Nỗi nhớ thương, lòng thèm muốn ân ái và những mộng ước của một con-đàn-bà-ba-mươi-tuổi-mới-biết-mùi-đời đã khiến mẹ lên đường tìm cha con. Con ơi, nếu con biết rằng : hồi cha con gặp mẹ, mẹ chỉ là một con vú em, cha con chỉ là một anh lính lầy và cha mẹ chỉ gặp nhau được vài đêm – vài đêm vụng trộm tình tự, vài đêm ân ái điên cuồng — rồi cha con lên tầu thủy theo đoàn quân Lê dương vào miền Nam, thì có lẽ con không oán hận mẹ về tội bỏ rơi con có phải vậy không ? Nói đi con, nói là con tha thứ cho mẹ đi con !

VĂN.– *(Nhìn người đàn bà nhà quê, giận dỗi)* U ơi U, em ghét U lắm, sao hôm ấy U nói với em là U về quê thăm gia đình, thăm thằng con U bị ốm, mà U đi luôn, không thèm lên Hà nội với em ? Mẹ em mất em chỉ còn U, U lại bỏ em, U đi. U có biết là ngày ấy em đã khóc sưng cả mắt, khản cả cổ không ? U có biết là từ ngày ấy, vì nghĩ đến mẹ, vì nhớ đến U mà tính tình em thay đổi bẩn không ? Chỉ trong có mấy năm đầu của thời thơ ấu, em đã mất hai người – hai điểm tựa tình cảm – nên từ đó em luôn luôn mang nặng nét u sầu đó U.

ĐỨA BÉ CON.— *(Lay tay Văn, hỏi lớn)* Chuẩn úy, chuẩn úy bắn chết bao nhiêu thằng Việt Cộng rồi Chuẩn úy ?

VĂN.— *(Lắc đầu, mỉm cười)* Tôi đánh trận dở lắm. *(Chỉ người Thương Binh)* Ông lính này mới bắn chết nhiều Việt Cộng em ạ.

ĐỨA BÉ CON *(Hỏi nhỏ)* Ông ấy giết được bao nhiêu V.C. hả, Chuẩn úy ? Mà sao ổng bị què cẳng vậy ?

VĂN.– *(Nghiêm trang)* Ông ấy tay không đánh 15 thằng Việt Cộng. Ổng đánh được 14 thằng rồi, chẳng may bị thằng cuối cùng lấy mã tấu chém vào chân. Bây giờ tuy ổng què rồi nhưng thực sự ổng không què. Chỉ những thằng có đầy đủ chân tay, sức lực mà trốn tránh nhiệm vụ quân dịch, sống chui rúc ở các xó xỉnh mới chính là những đứa què quặt, đui mù, em ạ.

ĐỨA BÉ CON.— *(Nhíu mày)* Ông này nói cái gì kỳ quá ! Chắc ổng là ông Bụt hiện thành hình người để thử trẻ con rồi. Ông thương mình, thế nào ổng cũng giúp mình, đêm nay thế nào cũng cho mình con ngựa, bộ quần áo cao bồi và khẩu súng ; khoái quá đi !...

(Lambretta ngừng ở đầu một ngõ hẻm. Một thiếu phụ, mặc áo dài màu hoàng yến, tuổi vào khoảng 25, 26, khuôn mặt trắng, tròn, và có vẻ u buồn như bà-hoàng-một-thời Soroya, lặng lẽ vén tà áo, ngồi co ro bên cạnh Người Thương Binh).

NGƯỜI THƯƠNG BINH.– *(Cúi đầu, than nhỏ)* Ước chi mình khỏe... Ôi, nhưng mà Bác sĩ bảo mình phải kiêng đàn bà – làm cái gì cũng được nhưng phải kiêng đàn bà, vậy đàn bà độc đến thế kia ư ?—thì còn hy vọng gì nữa !

VĂN — *(Nhìn thẳng vào mắt người thiếu phụ)* Sao mắt chị hoe đỏ vậy, chị Hà. Sao khuôn mặt búp bê – khuôn mặt Thúy Vân, khuôn mặt của những người ít lo nghĩ, ít buồn – mà có những nét sầu thương như thế ? Ai làm chị buồn ? Hay là những người đàn ông đến với chị, lại đã bỏ đi ? Hay là một người nào đó chị yêu đã chết, như Marcel, như Phú, như Long ? mà chị có phải là chị Hà, người đàn bà đã cho tôi ở trọ, đã thương yêu tôi như một thằng em, đã khóc khi phải đi Nam vang, lấy chồng ? Đã khóc khi người chồng đó tử nạn vì mìn Việt Cộng ? Đã khóc thêm một lần nữa khi người chồng thứ hai bỏ đi thật xa ? Ồ nhưng mà có lẽ chị không phải là chị Hà vì chị Hà của tôi không phốp pháp bằng chị...

truyện của

nguyễn đức nam

NGƯỜI THIẾU PHỤ.– *(Liếc xéo sang Người Thương Binh, hơi nhích bờ mông tròn -- ra vẻ e lệ, khép nép – rồi liếm môi — lưỡi đỏ uốn éo như lưỡi rắn — và quay nhìn Văn, mắt rưng rưng).*

Anh ơi, sao anh ác độc quá vậy? Em tưởng anh là người có ăn có học, em tưởng anh là con người có tình cảm. Vậy mà anh xử sự như một tên vũ phu, vậy mà anh đánh em! Mà nào em có hỗn gì với anh đâu! Khi mới gặp nhau, anh chiều em, anh nói ngọt với em chừng nào, anh nắn nỉ em cho anh, bao nhiêu. Bây giờ, em có mang, em đến tìm anh, anh lại đánh đuổi em và anh mắng em là đồ-đĩ-tràm-thằng. Anh ơi, dù anh đều giả với em như thế nhưng em vẫn không sao hết yêu anh, không sao quên được! Em còn nhớ rõ những buổi trưa mùa xuân vàng tươi, em đến với anh, anh đứng đợi em ở cổng ngõ, dưới bóng trứng cá và anh cười thật đẹp. Rồi anh nắm tay em đi vào ngôi nhà be bé xinh xinh của anh. Em đã sống những giây phút thần tiên ở đó cũng như đã cảm thấy nỗi đau đớn đầu tiên kết thúc cuộc đời con gái ở đó. Em tưởng anh sẽ thương em mãi. Em tưởng ngõ hẻm đó – buổi sáng mầu hồng, buổi trưa vàng ong, buổi chiều tím thẫm — là nơi kết tụ tất cả rực rỡ, sáng lạn của thiên nhiên và nó là của riêng em. Thế mà bây giờ: em đã cúi mặt chạy mau ra khỏi ngõ hẻm, để trốn những cái tát, để tránh những lời mắng nhiếc tàn tệ của anh. Anh đã bỏ em! Ngõ hẻm đáng yêu cũ không còn đẹp với em nữa. Em đã đứng lặng ở đầu ngõ, muốn chết nhưng không còn đủ sáng suốt để tìm xem nên chết cách nào! Anh ơi, sao anh tàn ác thế? Anh chỉ nghĩ đến cái sướng cho thân xác anh còn giọt máu của anh, còn đứa con của anh trong bụng em thì anh thản nhiên quên lãng, để mặc cho em mang nhục, mang hận như thế này! Chẳng nhẽ tình yêu toàn cảnh chó má như thế sao anh? Anh trả lời em đi, sao anh cứ nhìn em trân trân như cặp mắt của kẻ chết oan vậy, anh?...

(Những giọt nước mắt tròn tròn và óng ánh đuổi nhau trên má thiếu phụ. Nàng đưa khăn lên chấm chấm và gài lên mắt chiếc kiếng đen mù mịt)

VĂN.— *(Nói nhỏ mơ hồ như lời gió)* Sao chị khóc? Ôi, người đàn bà này có cái điệu khóc thầm lặng, chịu đựng và dễ thương – giống Thủy — quá! Làm sao mình có đủ từ ngữ, có đủ tinh tế, để nhận xét, để diễn tả được nét đau đớn duyên dáng này bây giờ?

Ả ĐIẾM.– *(Lầu bầu)* Hứ, lớn đầu rồi mà còn «vãi» nước mắt ra. Chắc lại đi với trai, chồng bắt gặp, đánh đuổi đi chứ gì? Đáng kiếp cái đồ đàn bà lúc nào bề ngoài cũng ra vẻ đứng đắn, ngay thẳng mà bề trong thì đĩ long đĩ lỏ!

NGƯỜI ĐÀN BÀ NHÀ QUÊ.– *(Lên tiếng, giọng dỗ dành)* Thế nào, chồng nó nghe lời vợ bé về đánh đập mình phải không? Ôi, cái lũ đàn ông mà mê vợ bé là đồ bỏ đi, đưa bố nó ra tòa xin ly dị, việc chó gì mà khóc!

NGƯỜI THIẾU PHỤ.— *(Lắc đầu, sỉ mũi và sụt sịt khóc)* Nếu biết như thế này thì ngày trước chả thèm nữa cho xong!

NGƯỜI ĐÀN BÀ NHÀ QUÊ.— *(thở dài, nói nhỏ)* Ừ nếu biết ngày nay mất con thì ngày trước chả thèm vào Nam tìm chồng nữa cho xong!...

Ả ĐIẾM.— *(Cúi đầu, mặt biến đổi từ vênh vào sang tiếc nuối)* Ờ, nếu biết bây giờ phải làm thân đĩ rạc đĩ rày như thế này thì ngày xưa đừng nghe theo lời con mẹ Ba Răng Vàng bỏ xứ lên Sègoòng cho xong!...

(Trong khi ba người đàn bà cúi đầu, than thân trách phận, mấy người đàn ông nhìn ra ngoài đường, xem xe đã chạy đến đâu. Chỗ đó là Ngã Ba Chú Ía. Nhà ở đây đều thấp, tối tàn và lộn xộn. Trước mỗi nhà, đều có những đứa con gái ăn mặc hở hang, diêm dúa, những bà già nói cười nhem nhở, những đứa trẻ con đen đúa, bần thỉu, những gã ngoại kiều phì nộn, mặt mũi đỏ gay, đùa rỡn ngả nghiêng. Tất cả những bộ mặt ấy kiến tạo thành một thế giới nhớn nhác, nhầy nhừ. Tất cả những hoạt động ấy thiết lập một khung cảnh hỗn tạp đến phi nhân. Lẫn trong khung cảnh nhớp nhúa ấy, là cái vẻ ồn ào, nhộn nhịp của vài tiệm cơm, giải khát đầy nhóc những người)

VĂN.— *(Lầm bầm xót xa)* Chơi đấy, ăn đấy: chai lì thật! Các nhà xã hội học, các nhà đạo đức có hiểu rằng: cuộc đời là nhào nặn bằng bần thỉu và thanh cao, cuộc sống là hình thành với buồn nôn, với nuốt chửng không?

ĐỨA BÉ CON *(Thò đầu ra khỏi cửa sau của xe, hét lớn)* «Hê-lô, Hê-lô, Oăm đô-la, Ô.kê, Năm-bơ-oăm...»

(Lời hét ngây thơ của đứa bé con làm ba người đàn bà choàng tỉnh khỏi cơn than thân trách phận và làm cho Văn cùng Người Thương Binh bật cười. Chiếc Lambretta cũng như vui lây và phóng nhanh hơn về phía bệnh Viện Cộng Hòa. Ngã-Ba-Chú-Ía với quang cảnh bùn lầy nước đọng đã lùi lại đằng sau. Bờ tường bệnh viện màu vàng chạy ngược chiều xe, lẫn vào bóng tối. Cổng bệnh viện với thanh ngang chặn xe và vài người lính canh đứng gác lơ mơ, như chờ cơn ngủ đã hiện ra)

NGƯỜI THƯƠNG BINH.– *(lớn giọng)* Tốp đi, tốp đi, cho xuống đây đi!

(Chiếc lambretta quặt vào lề đường. Người Thương Binh quơ vội đôi nạng gỗ, nhoài người ra sau xe, chống nạng lên mặt đất và đu xuống. Vòng về phía trước trả tiền xe xong, Người Thương Binh khập khễnh đi trở lui).

NGƯỜI THƯƠNG BINH.– *(ngoái đầu lại, nhìn Văn, cười méo mó)* Chào Thiếu úy.

VĂN.— *(cười, lòng nôn nao)* Chào anh, chúc anh chóng bình phục. *(Nói một mình)* Tội nghiệp anh! Nhìn cái thân xác gầy gò khật khưỡng, lê lết vào cổng bệnh viện của anh, tôi không hiểu ở đời này còn có hình ảnh nào đáng khóc hơn nữa chăng?

Tôi không kiều thiên hạ có ai nghĩ đến anh, biết ơn anh không, riêng với tôi, anh luôn luôn là người noi gương, đáng mến. Anh là một chiến sĩ vô danh của dân tộc, anh biết không?

ĐỨA BÉ CON.– *(Níu tay Văn)* Sao ông lính này lại vào bệnh viện buổi tối, Chuẩn úy?

VĂN.– *(Nói nhỏ, giọng buồn bã)* Ông ta còn đau, không được về nhà em ạ,

ĐỨA BÉ CON.— *(ngạc nhiên)* Ủa, ông ta giết được nhiều VC thế, sao không ai gắn anh dũng bội tinh không quàng vòng hoa chiến thắng cho ông ta?

VĂN — *(Soa đầu đứa bé, cười buồn)* Ồ, ông ta là hiệp sĩ mà, đâu có cần được trả ơn!

(Có tiếng con gái bảo xe dừng lại. Xe ngừng, Á điếm lui hui chui ra. Một bàn tay y thị đặt trên đùi Văn, cào nhè nhẹ. Đôi mắt y thị nhìn vào Văn tình tứ một lần chót, rồi nhảy phóc xuống đường Ngực y thị vẫn để hở, phóng túng như lúc nào. Chiếc Lambretta lại chạy đi, bỏ cái bóng điên dại lại khu «cấm quân nhân»..:

VĂN.– *(Lẩm bẩm)* Con vạc lại trở về với kiếp ăn đêm?...

NGƯỜI ĐÀN BÀ NHÀ QUÊ — *(Chửi đồng)* Bố tiên sư nhà nó, làm con đĩ rạc đĩ rày lại còn không biết thân, mặt mày nhơn nhơn, trông mà phát lộn ruột!

NGƯỜI THIẾU PHỤ — *(Âm thầm day nghiến mình)* Ôi, thà là con điếm, kiếm tiền bằng thân xác mà luôn luôn nhơn nhơn — vì không biết mặc cảm—còn hơn làm một con đàn bà đoan chính mà chửa hoang như mình. Đàn bà đoan chính mà chửa hoang mới nhục nhã biết là chừng nào! *(Im lặng một lúc lâu)* Thôi, sắp đến Ngã Năm rồi, phải xuống tìm nhà Bà Mụ thôi, xin ở nhờ cho đến lúc sanh vậy chứ biết tính sao bây giờ! *(Nói to)* Bác tài cho tôi xuống đây đi, bác!

NGƯỜI LÁI XE.– *(Nói như hét)* Đây là cổng trại lính, ngừng xe không được. Còn vài trăm thước nữa là đến Ngã Năm rồi, cô Hai xuống một thể vậy, nghe!

NGƯỜI THIẾU PHỤ. *(Tặc lưỡi)* Trời, lại phải đi bộ trở lui, mất thời giờ ghê đi!

5 phút sau:

NGƯỜI LÁI XE.– *(Hô lớn)* Đây Ngã Năm, cô bác nào xuống thì xuống mau đi để tôi còn về xóm ăn cơm đây?...

(Xe ngừng cùng với lời hô. Người thiếu phụ gỡ kính đen, bước xuống đường. Chiếc quần chật theo lối đứng khom khom, lại chật thêm, bầy ra cả khuôn thịt nung núc. Đứa bé con cũng hấp tấp nhảy xuống theo.

VĂN.– *(Nói nhỏ)* Tội nghiệp chị, chị đi đâu giờ này với bộ mặt thương đau, với đôi mắt u sầu ấy? *(Quay nhìn đứa bé con hỏi lớn)* Này em, nhà em ở đâu mà em xuống đây?

ĐỨA BÉ CON.— *(Nhoẻn cười, chỉ tay về phía Gò Vấp)* Nhà em ở đằng, em xuống xe ở đây và sang bên kia đường đón xe Xóm mới Gò vấp.

VĂN.— *(Giơ tay vẫy)* Thôi em bé về nhé!

(Chiếc xe Lam lại phóng đi. Người thiếu phụ áo vàng khuất dần vào bóng tối của xóm nhà lá. Đứa bé con chạy lon ton trên đường, vừa chạy vừa vẫy, cười toe toét).

VĂN — *(Thở dài)* Tám chín tuổi đầu đi học về bằng hai ba chuyến xe. Tuổi thơ Việt Nam khổ nhiều quá.

NGƯỜI ĐÀN BÀ NHÀ QUÊ — *(chép miệng)* Tội nghiệp thằng bé, mới chín xíu tuổi mà 8 giờ tối rồi còn phải lần mò trên quãng đường vắng về nhà một mình. *(Bật khóc)* Con ơi, mẹ còn nhớ có những buổi tối – tối mù tối mịt như thế này — con ra đón mẹ ở đầu làng và chạy lon ton theo mẹ về nhà. Ngày ấy, con cũng trạc tuổi thằng bé này nhưng vì thiếu ăn, vì khổ cực nên con gầy hơn một chút. Ngày ấy, mẹ không có thời giờ âu yếm con nhiều vì mẹ phải gánh hàng đi chợ suốt từ sáng đến chiều. Bây giờ, muốn có con ở bên cạnh để thương, để yêu thì không biết con lưu lạc phương nào, con ơi...

VĂN.—*(Rùng mình)* Con bỏ đi lạc sao?

NGƯỜI ĐÀN BÀ NHÀ QUÊ.— *(Gào lên)* Không, không. Nó không có đi lạc gì hết ráo? Tôi đã bỏ nó, tôi đã bỏ con tôi từ năm nó lên 9 tuổi đầu. Tôi đem bỏ nó vào cô nhi viện để đi kiếm chồng tôi. Nhưng trời ơi, tôi đã kiếm chồng tôi 15 năm trời chẳng thấy mà con tôi đã phiêu bạt, không biết sống chết ra sao, ối con ơi!..

VĂN.— *(Gục đầu)* Ôi, cuộc đời, sao cứ lẻ loi cọc cạch nhiều quá vậy? Sao cứ mất bố, mất mẹ, mất con, mất anh, mất em lung tung vậy?

NGƯỜI LÁI XE.— *(Giật giọng)* Đến Trường Quân Cụ rồi, Thiếu Úy ơi!

VĂN – *(Hấp tấp xuống xe, nhìn người đàn bà nhà quê, bồi hồi)* Thôi chào bà – à quên, chào U, chào Uem-Dốc-Lã trong huyền-ca-tuổi-thơ của em!... *(Đến bên Người Lái Xe, vừa trả tiền vừa hỏi)* Bà ta nhà ở đâu, sống với ai, Bác biết không?

NGƯỜI LÁI XE *(Cười khoe mấy chiếc răng vàng bóng nhoáng)* Con mẹ đó khùng, ai mà dám ở chung nữa Thiếu Úy!

Nói xong, anh ta sang số, cho xe Lam vọt đi. Văn xách túi vải, bước vào cổng trường. Người lính gác cửa giơ tay chào, Văn cười chào lại và đi mau vào sân cỏ. Từ trong hội trường, tiếng hát Hồng Hảo thoang thoảng đưa ra.

— Đường về man mác sầu.. mình ta bơ vơ.. trong bóng đêm lẻ loi..

viên đạn đồng chữ nổi

TRUYỆN DÀI CỦA **MAI THẢO**

sắp kết liễu trên NGHỆ THUẬT

đã được nhà xuất bản VĂN in thành sách

Phát hành toàn quốc vào đầu tháng 6-1966

NHÀ XUẤT BẢN

Antiêm

hộp thơ 1510 — Saigon

Đã phát hành tác phẩm thứ ba

CÕI NGƯỜI TA

TERRE DES HOMMES

của Saint-Exupéry

Câu chuyện kể, là chuyện phi công và phi cơ.

Nhưng giọng người là giọng trần gian đi tìm linh hồn mình giữa non nước quạnh. Saint-Exupéry đã đi mất từ lâu, nhưng tiếng ngân dài trong suốt vẫn xuyên vào trong giấc chiêm bao thương nhớ của những người ở lại.

bản đặc biệt để bán tại :

SAIGON : nhà sách Tự Lực, đường Lê Lợi – QUI NHƠN : nhà sách Khánh Hưng 309 Gia Long – ĐANẴNG nhà sách Sông Đà, Lam Sơn và Văn Hoa – HUẾ : nhà sách Tân Hoa

cuộc đời Ê văn siêu

■ tiếp theo trang 7

Thành công lớn, dốc vốn cộng tác với một họa sĩ sản xuất đồ sơn mài để sẵn, chờ khi hết chiến tranh thì xuất cảng.

1943, đổi về Công chính Hà Nội, sở Công ốc. Cộng tác mật thiết với nhà Hàn Thuyên của Trương Tửu, tiếp tục viết *Hợp lý hóa* (Ford) *Tương lai kỹ nghệ Việt Nam* và báo *Văn mới nghị luận*. Giúp Hàn-Thuyên tổ chức lại nhà in theo phương pháp khoa bọc để sản xuất nhanh bằng những phương tiện eo hẹp.

Báo động liên miên, nhà in dời về cùng quê Ba la Bông đỏ (Hà-Đông), quay máy bằng tay, sách cũng vẫn ra được đều.

1945, đảo chính Nhật. Xin nghỉ dài hạn và chấm dứt cuộc đời công chức để dốc hết lực lượng vào việc viết sách *Vỡ lòng*, báo *Văn mới* cùng vận động quần chúng công nhân với Nguyễn Hải Âu. Cuối 1945, vận động giới Văn nghệ thành lập hội Bản quyền Tác giả.

1946 tổ chức và quản lý nhà tổng phát hành «Phương Đông», cơ quan phát hành sách cho các nhà xuất bản, tổ chức những cuộc hội thảo về văn hóa (nhóm Sáng tác) để đả thông tư tưởng giữa các xu hướng chính trị quốc tế.

Cuối 1946, toàn quốc kháng chiến.

1947, tản cư về Hà Đông, Vân Đình, tham gia hội đồng chuyên môn sản xuất kỹ nghệ. Lãnh nhiệm vụ đóng ca nô máy giúp bộ Công chính việc giao thông bằng đường thủy. Đi nghiên cứu ở Thanh Hóa, Vinh, Đô Lương, cửa Rào. Trở về thu xếp vào Bắc Trung Việt để đóng ca-nô. Pháp hành quân cắt mất đường, phải đuổi theo chính phủ lưu vong về Phú Thọ, Tuyên Quang. Trả lại công tác. Giúp chị là Thị-Sói, tổ chức quán cơm bình dân bán cho đồng bào tản cư cùng các đoàn thể nhân dân.

Mùa thu 1947, Pháp rục rịch đánh lên Thượng du chính quyền chạy về Bắc Cạn, quán cơm dẹp xuôi thuyền về Hà Đông tìm thuốc chữa bịnh sốt rét ngã nước. Bị bắt trong cuộc hành quân bao vây và tảo thanh, làm cu ly dắt trâu ăn cướp và khuân vác những đồ mà quân đội Viễn chinh thổ phỉ. Đến Hà Đông được trả tự do. Về Hà Nội làm thợ mộc đóng khuôn đúc cho sở lọc nước Yên Phụ

6-1948 mới xin thôi được. Về cộng tác với bạn họa sĩ Trịnh Hữu Ngọc cho chạy nhà máy sản xuất đồ gỗ Mémo. Rồi làm giám đốc kỹ nghệ cho hãng thầu Constantin xây dựng nhà cửa cùng tái thiết cầu cống.

Thu 1949, vô Saigon, làm ủy viên trị sự hãng Du lịch The Far West Trevel Service.

1951, làm văn phòng nghiên cứu kỹ thuật cho hãng thầu Société d'entreprises de Contructions métalliques et mécaniques ở Khánh hội.

Cuối 1952, chủ trương biên tập tuần báo *Mới* của Phạm văn-Tươi. Cuối 1953, tán thành chủ trương Trung lập chế là giải pháp chấm dứt chiến tranh mà đất nước không bị chia đôi, làm chủ bút báo *Phương Đông*, vận động phát huy chủ trương ấy.

1954, hội nghị quốc tế Genève chia đôi đất nước. Viết *Văn minh Việt Nam* (xuất bản tháng 4-1955). Cộng tác với Phạm văn Tươi làm nhà phát hành báo chí Đắc lực. Cộng tác *Văn nghệ tập san*. Viết tiếp *Nếp sống tình cảm của người Việt Nam* (xuất bản năm 1956), viết *Nguồn gốc văn học Việt Nam* (1956) *Văn học thời Bắc thuộc*.

Cộng tác với nhóm Đào văn Tập biên soạn Việt Nam Bách Khoa từ điển; tổ chức Tổng hội Ái hữu các trường kỹ nghệ.

1957, giám đốc văn chương nhà xuất bản Đất Nước, viết *Học để làm gì ?*, *Sửa đổi lề lối làm việc* (thương gia và kỹ nghệ gia), tự xuất bản *Văn học Việt Nam thời nhà Lý* và tranh *4.000 Văn hiến Việt Nam*.

Cộng tác với *Sáng tạo*, *Bách khoa*.

1958, chủ trương biên tập nhật báo *Cách mạng quốc gia*; cộng tác với Võ Đức Diên, tổng giám đốc nha Kiến thiết và Thiết kế đô thị, góp ý xây dựng khu Thủ Thiêm để giải tỏa Đô thành, dịch luật pháp về nhà đất.

1959, đi Tây Đức và thăm các thủ đô Tây Âu, cộng tác biên tập tạp chí chuyên môn *Xây dựng* và tạp chí hình ảnh *Sáng dội miền Nam*, đến 1964; có dịp đi khắp các tỉnh ở phía Nam vĩ tuyến 17.

1964, nghỉ làm báo. Viết *Đất nước chúng ta*, san nhuận *Văn minh Việt Nam* 1965 viết khảo cứu cho tạp chí *Vạn Hạnh*, truyện dài *Năm thứ nhất*, *Việt Nam văn minh sử cương* và kịch *Sư Vạn Hạnh* (1966).

phản kháng và bút pháp

■ tiếp theo trang 7

thiên tài là sự phản kháng đã tự tạo lấy cho mình một mực thước. Vì thế, trái với điều mà người ta vẫn giảng dạy, không thể có một thiên tài của sự chối từ và tuyệt vọng thuần túy.

Điều đó cũng đồng thời nói lên rằng một bút pháp lớn không chỉ là đức tính của hình thức. Nó là đức tính đó, khi nó tự kiếm tìm mình, bất chấp cả thực tại, nhưng, nếu thế thì nó lại không còn phải là một bút pháp lớn nữa. Nó không còn sáng tạo nữa, nó bắt chước, như tất cả mọi chủ nghĩa giáo điều khác, trong lúc một tác phẩm theo kiểu cách riêng của nó, phải là một cuộc cách mạng. Nếu cần phải đẩy sự kiểu thức hóa tiến xa, bởi vì nó tóm tắt lại sự can thiệp của con người và ý muốn sửa đổi mà nghệ sĩ đem đến trong sự sao chép lại thực tại, thì cũng nên đừng cho người ta thấy nó, để cho sự phản kháng, nguồn gốc của nghệ thuật, được diễn tả trong sự căng thẳng cao độ của nó. Một bút pháp lớn là một kiểu thức hóa vô hình, nghĩa là đã bị hóa thân. Flaubert đã nói : « Trong nghệ thuật đừng nên sợ sự thái quá », nhưng Flaubert cũng đã nói thêm rằng sự thái quá đó cần phải được « liên tục và cần thiết đối với chính nó ». Khi sự kiểu thức hóa bị phóng đại và để cho người ta trông thấy thì tác phẩm chỉ thuần là một sự luyến nhớ : sự đồng nhất mà nó cố gắng đạt đến sẽ xa lạ với cái cụ thể. Trái lại, khi thực tại được tỉnh bỏ ở trạng thái nguyên sơ của nó và sự kiểu thức hóa không có ý nghĩa gì thì cái cụ thể được trình bày lên một cách hỗn loạn. Nghệ thuật lớn, gương mặt đích thực của phản kháng, nằm ở giữa hai loại tà giáo đó. (6)

SÁNG TÁC PHẨM VÀ CÁCH MẠNG

Trong nghệ thuật, phản kháng tự hoàn thành và sống mãi trong tác phẩm đích thực chứ không phải trong sự phê phán hay bình phẩm. Về phần cách mạng, thì chỉ có thể hoàn tất trong một nền văn minh chứ không phải trong hung bạo hay độc tài. Hai câu hỏi mà hiện nay thời đại chúng ta đặt ra cho một xã hội lâm vào ngõ bí là: sáng tạo có thể có được không, và cách mạng có thể có được không? Hai câu hỏi thật ra chỉ là một, nó liên quan đến sự phục hưng của văn minh.

Cách mạng và nghệ thuật của thế kỷ 20 đều lệ thuộc vào cùng một chủ nghĩa hư vô và cùng sống trong một sự mâu thuẫn. Chúng từ chối những gì mà thật ra chúng đã công nhận trong hoạt động của chúng, và cả hai đều tìm kiếm một lối thoát không thể có, xuyên qua sự hung bạo. Cuộc cách mạng cận đại tưởng đã khánh thành một thế giới mới, nhưng đó chỉ là hồi kết cuộc mâu thuẫn của thế giới cũ. Cuối cùng, xã hội tư bản và xã hội cách mạng chỉ là một, vì cả hai đều tùy thuộc vào một phương tiện, đó là nền kỹ nghệ sản xuất, và vào cùng một lời hứa hẹn. Nhưng một bên thì hứa hẹn nhân danh những nguyên tắc hình thức mà nó không thể vào biểu hiệu nổi, những nguyên tắc đã bị chối bỏ bởi ngay phương tiện mà nó xử dụng. Bên kia lại biện minh cho lời tiên tri của mình nhân danh chính thực tại, rồi cuối cùng lại xóa bỏ thực tại. Xã hội của sản xuất chỉ có thể sản xuất chứ không thể sáng tạo.

Nghệ thuật cận đại, bởi theo chủ nghĩa hư vô nên vùng vẫy giữa hình thức và tả thực. Thật ra, tả thực cũng trưởng giả — nhưng « đen » hơn — và đồng thời cũng thuộc xã hội chủ nghĩa, và như thế nó là một loại tiểu thuyết xây dựng. Chủ nghĩa vụ hình thức cũng thuộc về một xã hội quá khứ khi nó là sự trừu tượng hóa không tưởng (abstraction gratuite), đồng thời nó cũng thuộc về một xã hội mệnh danh là của tương lai, và như thế, nó đã định nghĩa đường lối tuyên truyền. Ngôn từ bị phá vỡ bởi sự chối bỏ vô lý, biến thành sự phát ngôn bừa bãi, bị chế ngự bởi ý thức hệ tất yếu, nó bị giản lược thành mệnh lệnh. Giữa hai loại ngôn từ đó, là nghệ thuật. Nếu người phản kháng phải đồng thời chối từ nỗi ghê sợ của hư vô và sự thỏa hiệp với toàn thể thì người nghệ sĩ lại đồng thời phải thoát khỏi sự mê đắm hình thức và thẩm mỹ quan chuyên chế của thực tại. Thật thế, thế giới hôm nay chỉ là một, nhưng sự đồng nhất của nó là sự đồng nhất của hư vô chủ nghĩa. Chỉ có thể có văn minh khi thế giới này từ chối những nguyên tắc hình thức của thuyết hư vô và chối từ luôn cả thuyết hư vô không nguyên tắc, để tìm thấy con đường của tổng hợp sáng tạo. Cũng bằng cách đó, trong nghệ thuật, thời kỳ của bình phẩm và của phóng sự sẽ lịm chết để mang lại thời kỳ của những kẻ sáng tạo.

Nhưng muốn thế, nghệ thuật và xã hội, tác phẩm và cách mạng, phải trở về với nguồn gốc của phản kháng, ở đó, chối từ và thỏa hiệp, cá thể và toàn thể, cá nhân và lịch sử đều cân xứng trong một sức căng thẳng gay go nhất. Phản kháng chính nó, không phải là một yếu tố của văn minh. Nhưng nó lại mở ngỏ cho tất cả mọi nền văn minh. Chỉ một mình nó, trong lối bí mà chúng ta hiện đang ở có thể cho phép chúng ta hy vọng vào một tương lai mà Nietzsche hằng mơ tưởng : « Thay thế vị thẩm phán và kẻ áp chế bằng một người sáng tạo ». Phương châm đó không cho phép mơ tưởng một cách ngây ngô về một quốc gia được điều hành bởi những nghệ sĩ. Nó chỉ soi sáng thảm trạng của thời đại ta, trong đó cần lao, lệ thuộc hoàn toàn vào mục đích sản xuất, đã không còn sáng tạo nữa. Xã hội kỹ nghệ chỉ có thể khai phá những con đường cho văn minh bằng cách trả lại cho người thợ cái vẻ cao cả của một kẻ sáng tạo, nghĩa là bằng cách hướng sự chú tâm và óc suy tư của người thợ vào việc làm và vào sản phẩm của nó. Nền văn minh mà từ đây rất là cần thiết đó, sẽ không thể nào tách rời, ở trong một giai cấp cũng như một cá nhân, người thợ ra khỏi kẻ sáng tạo, cũng như sáng tạo nghệ thuật đã không hề có ý nghĩ ngăn đôi hình thức và nội dung, tinh thần và lịch sử. Như vậy, văn minh đã công nhận ở mọi người cái giá trị đã được bày tỏ bởi phản kháng. Thật là bất công và hão huyền nữa, nếu Shakespeare điều hành một xã hội của những người thợ đóng giày. Nhưng nếu xã hội của những người thợ đóng giày ấy lại bắt cần đến Shakespeare thì thật cũng bi đát không kém. Shakespeare mà không có những người thợ đóng giày chỉ là một cớ để nguỵ biện cho bạo quyền. Người thợ giày mà không có Shakespeare sẽ bị bạo quyền nuốt sống nếu hắn sẽ không làm được gì cho sự bành trướng của bạo quyền đó. Mọi sáng tạo đều tự nó chối từ cái thế giới của người chủ và kẻ nô lệ. Cái xã hội ghê tởm của chủ và tớ mà chúng ta hiện còn phải sống, chỉ có thể được chấm dứt hay thay thế trên mực độ của sáng tạo.

Nhưng công nhận sự cần thiết của sáng tạo không hẳn là nói rằng sự sáng tạo ấy là có thể có được. Một thời đại sáng tạo trong nghệ thuật được định nghĩa bởi cái trật tự của một bút pháp được đem áp dụng trên sự vô trật tự của thời đại. Nó nói lên những đam mê của những con người thời đại bằng một hình thức hay một công thức nào đó. Vì thế, lập lại bà de la Fayette trong một thời kỳ mà những ông hoàng sầu muộn không còn vui thú yêu đương nữa, là chưa đủ để thành một kẻ sáng tạo. Ngày hôm nay, tuy những đam mê cá nhân đã nhường bước cho những đam mê tập thể, thì bằng

nguyên tác

Albert Camus

ĐINH THÀNH LAM dịch

nghệ thuật, người ta vẫn có thể chế ngự sự thôi thúc của tình yêu. Nhưng vấn đề gai góc là làm sao có thể chế ngự được những đam mê tập thể và những đối chấp lịch sử. Đối tượng của nghệ thuật, bất chấp cả những luyến tiếc của những kẻ chuyên môn bắt chước (pasticheurs), đã đi từ tâm lý đến thân phận con người. Khi mà đam mê của thời đại đe dọa toàn bộ thế giới thì sáng tạo, muốn chế ngự toàn thể định mạng. Nhưng, đồng thời nó cũng đã giữ lại, trước mặt cái toàn thể, sự công nhận cái đồng nhất. Tuy nhiên, sáng tạo là tự nó đe dọa nó và sau cùng, nó bị đe dọa bởi cái tinh thần toàn thể. Trong thời buổi hôm nay, sáng tạo là sáng tạo trong nguy hiểm.

Thật vậy, để chế ngự những đam mê tập thể ấy thì ít ra cũng cần phải sống thực và cảm nhận chúng. Trong lúc hắn cảm nhận những tình cảm đó thì người nghệ sĩ lại bị tràn ngập bởi chính những tình cảm đó. Do đó, thời đại của chúng ta là thời đại của những thiên phóng sự chứ không phải là thời đại của những tác phẩm nghệ thuật. Nếu trong thời kỳ giặc giã và cách mạng không thể có sự sáng tạo được thì chúng ta sẽ không có những nhà sáng tạo bởi vì giặc giã và cách mạng là số phận chung của chúng ta. Huyền thoại về sự sản xuất không ngừng mang ở chính nó mầm mống của chiến tranh, cũng như mây đen sẽ đem giông tố đến. Chiến tranh tan phá Tây Phương và giết chết Péguy (7). Vừa mới bước chân ra khỏi những dấu tích điêu tàn, bộ mày trưởng già lại nhìn thấy bộ mày cách mạng tiến đến đe dọa nó. Péguy cũng không có đủ thì giờ để hồi sinh, chiến tranh sắp bùng nổ đó, sẽ giết chết tất cả những người có thể sẽ trở thành Péguy. Nếu một chủ nghĩa cổ điển sáng tạo có thể có được, thì nó cũng vẫn là tác phẩm của một thế hệ. Trong thế kỷ của sự tàn phá này thì những dịp may để thất bại chỉ có thể được thay thế bởi dịp may của số đông, nghĩa là dịp may để mà, trong số mười người nghệ sĩ đích thực thì ít ra có một người còn sống sót để nói lên những tiếng nói của những người kia, và để tìm thấy trong cuộc đời của nó thời gian của đam mê và thời gian của sáng tạo. Người nghệ sĩ, dù muốn dù không, không còn có thể là một kẻ cô độc, ngoại trừ giây phút vinh quang buồn bã mà no có được, nhờ công ơn của những người bạn nó. Nghệ thuật phản kháng cuối cùng cũng nối lên câu «Chúng tôi hiện hữu», và với câu đó, bày tỏ con đường của sự nhân nhượng hung hăng.

Trong lúc chờ đợi, cuộc cách mạng chinh phục bị hư vô thuyết lam lạc lối, nó đe dọa tất cả những ai chống lại nó, những kẻ đã tuyên bố rằng đã giữ được sự đồng nhất trong toàn thể. Một trong những chiều hướng của lịch sử hôm nay, và hơn nữa, của lịch sử ngay mai, là sự tranh chấp. Giữa những nghệ sĩ và những kẻ đi chinh phục, giữa những nhân chứng của nền cách mạng sáng tạo và những kẻ xây đắp một nền cách mạng hư vô. Người ta chỉ có thể có những ước mơ hợp lý về lối thoát của cuộc tranh chấp đó mà thôi. Nhưng ít ra, từ đây, chúng ta cũng đã biết rằng cần phải kiếm một lối thoát cho bằng được. Những kẻ đi chinh phục: có thể giết người nhưng hình như họ lại không thể sáng tạo được. Những người nghệ sĩ thì biết sáng tạo nhưng lại không biết giết người một cách thật sự. Người ta chỉ bắt gặp những tên sát nhân ngoại lệ ở giới nghệ sĩ. Cuối cùng thì trong những xã hội cách mạng của ta, nghệ thuật bó buộc phải chết. Nhưng lúc bấy giờ thì cách mạng lại sống sót. Mỗi lần mà cách mạng giết chết đi ở mỗi người, cái con người nghệ sĩ mà người ấy có thể sẽ trở nên thì cách mạng lại tự bóp nghẹt mình thêm một chút: và sau cùng, khi những kẻ chinh phục đã thống trị được cả hoàn cầu, thì chúng cũng sẽ không chứng minh được rằng số lượng là tất cả, nhưng lại bày tỏ rằng thế giới này là địa ngục. Ngay cả trong địa ngục đó, vai trò của nghệ thuật cũng vẫn ăn khớp với vai trò của phản kháng thất bại, niềm hy vọng mù quáng và trống rỗng trong những ngày vô vọng. Ernst Dwingu trong tác phẩm «*Journal de Sibérie*» nói đến trường hợp của một trung uý Đức bị cầm tù đã nhiều năm trong một trại tập trung đầy đói rét, đã tự tay làm lấy một chiếc đương cầm bằng những mảnh gỗ. Ở đó, ở giữa sự đói khổ, giữa một đám đông rách nát, hắn đã sáng tác một loại âm nhạc kỳ lạ mà chỉ một mình nó nghe thấy. Như vậy, khi ta bị vất vào địa ngục, những điệu nhạc bí mật và những ảnh hình đau buốt của cái đẹp đã đánh mất luôn luôn đem đến cho ta ở giữa tội ác và điên loạn, một thứ âm vang của sức phản kháng hòa điệu đã làm chứng từ bao nhiêu thế kỷ nay về vẻ đẹp cao cả của con người.

Nhưng địa ngục rồi cũng có ngày mất đi, và một ngày nào đó, đời sống sẽ trở lại. Lịch sử cũng có thể có lúc tận cùng, tuy thế, nhiệm vụ của ta không phải là làm chấm dứt lịch sử đó, nhưng là sáng tạo nó theo hình ảnh mà giờ đây ta đã biết rằng đó là hình ảnh chân thật. Ít ra thì nghệ thuật cũng cho ta thấy rằng con người không chỉ giản lược vào lịch sử mà con người còn tìm thấy lý do hiện hữu của mình trong trật tự của thiên nhiên. Đối với nó thì Ông Trời (8) cũng chưa chết. Cuộc phản kháng, dù cho tuân theo bản năng nhất, ngay khi nó chứng tỏ giá trị của nó, giá trị cao cả của mọi con người, lại cũng đòi hỏi cho kỳ được một phần nguyên vẹn của thực tại mà tên gọi là Cái Đẹp, để giải quyết nỗi khao khát đồng nhất. Người ta có thể chối từ trọn vẹn lịch sử, nhưng lại hoà hợp với một vũ trụ của sắc và biển. Những kẻ phản kháng mà muốn quên đi thiên nhiên và cái đẹp là tự kết án mình đẩy ải ra khỏi lịch sử, lịch sử mà chúng muốn đem đến sự cao cả của cần lao và của hữu thể. Mọi nhà cải cách lớn đều cố sáng xây dựng trong lịch sử những gì mà Shakespeare, Cervantès, Molière, Tolstoi đã sáng tạo được: một thế giới luôn luôn sẵn sàng để thỏa mãn khát vọng tự do và giá trị làm người, một khát vọng thầm kín của mỗi người. Có lẽ cái đẹp không làm nên những cuộc cách mạng. Nhưng sẽ có một ngày mà những cuộc cách mạng sẽ cần đến nó. Định luật của nó là trong lúc phủ nhận thực tại, nó lại đem đến cho thực tại đó một sự đồng nhất; định luật đó cũng là định luật của sự phản kháng. Người ta có thể luôn luôn từ chối sự bất công mà không ngừng ngợi ca bản tính của con người và vẻ đẹp của vũ trụ được không? Giải đáp của chúng ta là có. Nền đạo đức đó, vừa bất tuân vừa trung thành, trong tất cả mọi trường hợp lại là nền đạo đức độc nhất để soi sáng cho con đường của cách mạng thực tế thật sự. Trong lúc

giữ gìn cái đẹp, chúng ta sẽ sửa soạn cái ngày phục sinh trong đó văn minh sẽ tránh xa những nguyên tắc hình thức và những giá trị thoái hóa của lịch sử để đặt trọng tâm của suy tưởng vào cái đức tính sống động đã làm thành sự cao cả của vũ trụ và của con người, cái đức tính mà do nhiệm vụ của ta, là phải nêu cao lên trước mặt một thế giới đang chửi rủa nó.

---

(1) Chương III của tác phẩm « *Con người phản kháng* » đã phân tách sự phản kháng trên bình diện lịch sử, chứng giải toạ đàu tiên cho đến cuộc cách mạng Nga nó (chú thích người dịch).

(2) Theo thần thoại Hy lạp, La Gorgone là một nữ thần có quyền lực hóa thành đá tất cả những ai nhìn bà ta (chú thích của người dịch)

(3) Delacroix đã để ý — và nhận xét này có một tầm quan trọng sâu xa — rằng cần phải sửa đổi « cái phối cảnh (mà trong thực tế) làm sai lạc sự nhìn ngắm những tổ vật vì đã muốn đúng thật *một cách quá đáng* » (chú thích của tác giả)

(4) Nhân vật chính trong tác phẩm «Lucien Lewel» của Stendhal (chú thích của người dịch).

(5) Delacroix cũng đã diễn tả điều ấy một cách sâu sắc: « Để cho chủ nghĩa tả chân không phải là một danh từ trống rỗng, thì mọi người cần phải có một tinh thần chung một cách thế chung để quan niệm các sự vật (chú thích của tác giả)

(6) Sự sửa đổi tùy thuộc vào chủ đề. Trong một tác phẩm trung thành với thẩm mỹ quan được phác họa như trên, bút pháp sẽ được thay đổi tùy theo những chủ đề ; ngôn ngữ riêng biệt của tác giả (giọng Văn) vẫn là một cái chung, nó sẽ làm nổi bật những khác biệt của bút pháp (chú thích của tác giả)

(7) Thi sĩ Pháp (1873-1914) đã thành công trong sự hòa điệu những khát vọng của người công giáo, của người theo xã hội chủ nghĩa và của người quốc gia yêu nước. Những tác phẩm chính : « Cahiers de la Quinzaine » Mystère de la chanté de I.D'arc».

(8) Nguyên văn « Le Grand Pan ». Nhân cách hóa Vũ Trụ và của Thiên nhiên.

phản kháng và bút pháp
• tiếp theo trang 33

Thời Mới đã ấn hành :

Các dịch phẩm đầu tiên của Trần phong Giao của Võ Lang của Vũ Hạnh, của Chương Ngọc và của Tràng Thiên, các tập truyện đầu tiên của Thế Uyên và Túy Hồng, kịch phẩm đầu tiên của Thế Uyên, các tiểu luận và tập truyện dài đầu tiên của Võ Phiến, các bản Việt dịch đầu tiên của J.P. Sartre và của F. Kafka v.v...

THỜI MỚI vừa phát hành :

- tượng đá sườn non
  — Tập truyện đầu tiên của Y Uyên
  - Tập truyện đầu tiên về sinh hoạt nông thôn Việt Nam trong cuộc chiến tranh hiện tại

THỜI MỚI sắp phát hành :

- cảnh tượng đêm nay
  Tập truyện đầu tiên của Viên Linh

ĐÃ PHÁT HÀNH TOÀN QUỐC

tiếng nói

Số 2

Tạp chí vận động văn học thật lực

TRẢ LỜI NHỮNG CÂU HỎI GIỐNG BÃO :

— Văn Học Nghệ Thuật ta đang đứng ở đâu, làm trò gì, trong chia cắt, nghèo đói, bom đạn, hỗn loạn, nhục nhã hiện tại ?
— Chu Tử. Ai ? Cái gì ? Thế nào ?
— Hai điểm sai lầm quan trọng của một số Sinh Viên Saigon ?

Nguyễn Mạnh Côn, Nguyên Sa, Lý Hoàng Phong Nguyễn Thụy Long Trần Đức Uyển, Trần Dạ Từ, Đỗ Quí Toàn, Nguyễn Nghiệp Nhượng, Nhã Ca, Trần Tuấn Kiệt, Phan Tàng Mai, Nguyễn Khắc Nhân, Phạm Thái Thủy Nguyễn Hữu Đông.

Để tránh tình trạng thiếu báo bán như số 1, yêu cầu các Đại lý liên lạc thẳng với Việt Nam Tổng Phát Hành Sài Gòn.

nghệ thuật

Tuần Báo Văn Học Nghệ Thuật
ra ngày thứ bảy

giấy phép xuất bản số 4260/BTTTLC/BC cấp ngày 29-7-1965 In tại Thư Lâm Ấn Thư Quán 233, Phạm Ngũ Lão, Saigon

Chủ nhiệm — Chủ bút
MAI THẢO

Thư Ký Tòa Soạn
VIÊN LINH

Mỗi số	8 đồng
Sáu tháng	200 —
Một năm	400 —

Công sở giá gấp đôi
Tiền bạc, ngân phiếu giao dịch với :
Quản Lý
Cô NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆU

Kiểm duyệt số 1193 ngày 20-5-66

lait

nuôi dưỡng và làm sáng da mặt

Total®

A BASE DE CALENFIL

- MỊN-MÀNG
- XINH TƯƠI
- TRẺ ĐẸP
- KHÔNG BỊ NĂNG ĂN
- KHỎI DÙNG PHẤN

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
VÀ HIỆU MỸ-PHẨM

MỸ-PHẨM CỦA ISAPJ 22, KỸ-ĐỒNG, SAIGON

GIÁ BÁN 8

CORNELL UNIVERSITY
FEB 24 1967
LIBRARY